

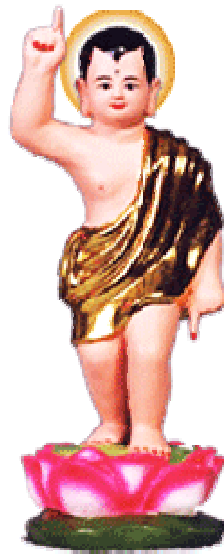
# PHẬT PHÁP

---

# BOUDDHADHARMA

**KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN/JOYEUSE LA GRANDE FÊTE DE VESAK**

Pour **Vì**  
Sauver **Cứu**  
Les êtres **Chúng**  
Vivants **Sinh**  
Hors **Thoát**  
Des trois **Ba**  
Mondes **Cõi**



Từ Et par  
**Bi** Compassion  
**Thị** Bouddha  
**Hiện** Apparassait  
**Ra** Au  
**Thế** Monde  
**Gian** Saha

**Trong tánh vốn không sinh  
Vì đối người cầu nói  
Nơi pháp tức không đăc  
Sao nhớ quyết chẳng quyết.**

Tổ thứ mười chín Curu Ma La Đa

La nature propre est d'essence non née  
Car s'adressant à qui implore  
Le Dharma de ce fait ne peut satisfaire  
Pourquoi vouloir décider sans se décider.

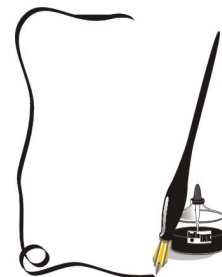
Dix neuvième Patriarche Kumarata

- Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.
- Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.
- Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến, Nguyễn Văn Tuyển ...
- Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, cô Li, cô Liên, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, chú Giác Lâm, cô Giác Xuân, Anh chị Thanh Bạch và Bạch Lê ...
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
8 B rue Fontaine  
93000 Bobigny - France  
Tel./fax : 01.48.50.98.66  
ou tel. : 08.70.63.45.27.  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
<http://chuakimquang.com>

## Trong số này/Sommaire

- Kinh Hoa Nghiêm giảng giải 3
- Kinh Pháp Hoa giảng giải 6
- Chú Lăng Nghiêm giảng giải 9
- Kinh Bát Nhã 11
- Đại Trí Độ Luận 13
- Pháp ngữ Thiên Sư Hư Vân 15
- Hám Sơn đại sư tự tuyện 17
- Đại Bồ Tát ở cung trời ... 21
- Đại Bồ Tát thị hiện ... 22
- Đại Bồ Tát có 10 việc ... 23
- Đại Bồ Tát do 10 việc ... 23
- Đạo tràng của Bồ Tát 23
- Tam bộ nhất bái 25
- Dự án đổi chùa mới 26
- Le Sutra du Dharma du Lotus 27
- Le Sutra Shurangama 29
- Le Mantra Shurangama 31
- Le Mantra Grande ... 33
- Le Sutra du Vajra Prajna 35
- Le Bouddha Parle le Sutra ... 37
- Le Sutra Quarante Deux .... 39
- Le Sutra du 6è Fondateur 41
- Fils de Bouddha... 42
- Dix raisons expliquant... 43
- Dix raisons expliquant... 44
- Dix raisons expliquant... 44
- Le monde du Dhyana 44
- Le Bodhimandala 47
- Pourquoi je suis devenu... 48
- Une prostration tous les ... 50
- L'Histoire du Bouddha 51



# KINH HOA NGHIÊM

## ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch : Thập Xoa Nan Đà  
Việt dịch : Thích Minh Định



Tiếp theo kỳ trước

**T**ất cả biến pháp môn vô tận  
Đồng vào một pháp trong đạo  
tràng  
Đó là pháp tánh của Phật nói  
Trí Nhân thấu được phương tiện  
này.

“Tất cả biến pháp môn vô tận.” Tất cả pháp tức là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Mỗi pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, lại có tám vạn bốn ngàn pháp môn, là vô lượng vô biên, trùng trùng vô tận, cho nên nói tất cả biến pháp môn vô tận.

“Đồng vào một pháp trong đạo tràng.” Pháp môn có rất nhiều không thể nói, bây giờ đem dung vào thành một pháp môn. Tức cũng là vô lượng pháp môn nhiếp làm một pháp môn, một pháp môn tán làm vô lượng pháp môn, cho nên nói đồng vào một pháp trong đạo tràng.

“Đó là pháp tánh của Phật nói.” Pháp này một tức là nhiều, nhiều tức là một. Một nhiều vô lượng, một nhiều vô ngại, pháp tánh này là Phật Thích Ca Mâu Ni nói.

“Trí Nhân thấu được phương tiện này.” Phổ Trí Nhân Thiên Vương đắc được môn giải thoát biển tam muội vô tận này, cho nên vị này thấu rõ phương tiện pháp môn này.

**Tất cả cõi nước trong mười phương**

**Đều ở trong đó mà thuyết pháp  
Thân Phật không đến cũng không  
đi  
Đây là cảnh giới Lạc Huệ Toàn.**

“Tất cả cõi nước trong mười phương.” Trên thế giới, không những chỉ có thế giới Ta Bà, mà còn có mười phương thế giới, mỗi phương lại có vô lượng vô biên thế giới. Do đó, thế giới này, thế giới kia, vô lượng các thế giới, quốc độ này, quốc độ kia, vô lượng các quốc độ.

“Đều ở trong đó mà thuyết pháp.” Trong tất cả cõi nước chư Phật mười phương, trong mỗi cõi nước đều có Phật Thích Ca Mâu Ni, đang thuyết pháp ở trong đó, đang giáo hóa chúng sinh ở trong đó.

“Thân Phật không đến cũng không đi.” Ở trong mỗi thế giới này, đều có Phật đang nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Phải chăng thân Phật đi đến mỗi thế giới?

Chẳng phải, vì thân Phật không đến cũng không đi.

Trong Kinh Kim Cang nói :

“Như Lai giả,  
Vô sở tùng lai,  
Diệc vô sở khứ,  
Cố danh Như Lai.”

Nghĩa là :

“Bậc Như Lai,  
Không từ đâu đến,



Cũng không đi về đâu,  
Nên gọi là Như Lai.”

“Đó là cảnh giới Lạc Huệ Toàn.” Đây là cảnh giới của Ái Lạc Huệ Toàn Thiên Vương biết rõ được, cảnh giới này thật là không thể nghĩ bàn. Người không hiểu Phật pháp, cho rằng Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, là bộ Kinh đại vọng ngữ, thật ra đạo lý của Kinh này nói là lý chân thật, ngàn chân vạn thật, bất quá chúng ta phạm phu chưa đạt được cảnh giới này, cho nên không hiểu được cảnh giới này.

### **Phật quán thể pháp như hình bóng Vào nơi thâm sâu tối u ám Nói các pháp tính thường tịch nhiên Thiện Chung Tư Duy thấy môn này.**

“Phật quán thể pháp như hình bóng.” Đức Phật quán sát pháp thể gian như hình như bóng, không thường, không thật. Trong Kinh Kim Cang nói :

"Tất cả pháp hữu vi,  
Như mộng huyễn bọt bóng,  
Như sương cũng như điện,  
Nên quán sát như thế".

“Vào nơi thâm sâu tối u ám.” Túc nhiên pháp thể gian không thường, không thật, là hư vọng. Nhưng Phật đến nơi thâm sâu đen tối không thể nghĩ bàn, ở trong thế gian để hoàng dương Phật pháp.

“Nói các pháp tính thường tịch nhiên.” Phật nói các pháp là tịch diệt tướng, không thể diễn nói. Túc là nói không ra, đó là pháp tính tịch diệt.

“Thiện Chung Tư Duy thấy môn này.” Vị Thiện Chung Tư Duy Thiên Vương thấy được cảnh giới này, hiểu được pháp môn này.

### **Phật khéo biết rõ các cảnh giới Tùy tâm chúng sinh mưa pháp vũ Nói pháp xuất thế khó nghĩ lường Môn này Tịch Tĩnh Thiên ngộ được.**

“Phật khéo biết rõ các cảnh giới.” Đức Phật không có gì mà không biết, không có gì mà không làm được, không có chỗ nào mà không đến, không có gì mà không thông. Phật biết rõ tất cả cảnh giới, tất cả căn tính chúng sinh.

“Tùy tâm chúng sinh mưa pháp vũ.” Căn tính của chúng sinh giống như cây cỏ hoa lá, rễ lớn thì hút lượng nước mưa nhiều, rễ nhỏ thì hút lượng nước mưa ít. Chúng ta chúng sinh cũng như thế, chúng sinh căn lành thâm hậu, thì đắc được pháp vũ Phật pháp nhiều một chút, chúng sinh căn lành cạn cợt, thì đắc được pháp vũ của Phật ít hơn một chút.

“Nói pháp xuất thế khó nghĩ lường.” Vì mở bày diệu pháp không thể nghĩ bàn, đó là pháp môn xuất thế quan trọng hơn hết.

“Môn này Tịch Tĩnh Thiên ngộ được.” Vị Vô Cấu Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương, minh bạch được cảnh giới này.

### **Thế Tôn thường dùng đại từ bi Lợi ích chúng sinh hiện ra đời Mưa pháp cam lồ nhuận hết thảy Thanh Tịnh Quang Thiên diễn nói được.**

“Thế Tôn thường dùng đại từ bi.” Đức Phật là đáng chí tôn, Ngài thường dùng tâm đại từ đại bi để giáo hóa chúng sinh, bất cứ chúng sinh có sai lầm gì, Phật cũng đều tha thứ, cho nên nói Thế Tôn thường dùng đại từ bi.

“Lợi ích chúng sinh hiện ra đời.” Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên mới xuất hiện ra đời, hiện tám tướng thành đạo ở thế giới Ta Bà.

“Mưa pháp cam lồ nhuận hết thảy.” Phật là bình đẳng nhất chẳng có quan niệm phân biệt về giai cấp, về chủng tộc, về quốc tịch. Ngài thuyết pháp thì tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích. Bồ Tát thì đắc được lợi ích của Bồ Tát, A La Hán thì đắc được lợi ích của A La Hán. Tu pháp đại thừa thì đắc được lợi ích đại thừa, tu tiểu thừa thì được lợi ích tiểu thừa, hết thảy đều có lợi ích khác nhau. Giống như bồn đựng nước, bồn lớn thì chứa nhiều nước một chút, bồn nhỏ thì chứa ít nước một chút.

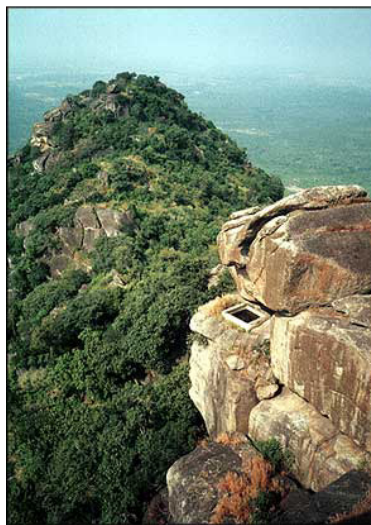
“Thanh Tịnh Quang Thiên diễn nói được.” Vị Quảng Đại Thanh Tịnh Quang Thiên Vương diễn nói được cảnh giới này.

Ở trên, là mười bài kệ của mười vị Quảng Quả Thiên Vương, thuộc về sắc giới trời Tứ Thiên nói để tán thán công đức của Phật.

### **Lại nữa, Thanh Tịnh Huệ Danh Xưng Thiên vương, được môn giải**

## thoát, thấu rõ phương tiện, con đường giải thoát cho tất cả chúng sinh.

Ý nghĩa ở trước chưa nói hết, bây giờ nói tiếp theo, khiến cho mọi người càng minh bạch càng hiểu rõ. Vị Thanh Tịnh Huệ Danh Xưng Thiên Vương thuộc về cõi trời Biến Tịnh, ở trong cõi sắc giới trời Tam Thiên (cõi trời thứ chín thuộc về sắc giới). Vị này có trí tuệ thanh tịnh, ở trong các Thiên Vương vị này rất có danh vọng được mọi người tôn làm lãnh tụ để chỉ đạo tất cả. Vị này ngộ được tam muội gọi là : liễu đạt tất cả đạo giải thoát của chúng sinh. Vị này hiểu rõ chúng sinh trong chín pháp giới. Bồ Tát là chúng sinh đại đạo tâm. Duyên Giác là chúng sinh trung đạo tâm. Thanh Văn là chúng sinh tiểu đạo tâm. Thiên đạo, nhân đạo, A tu la là chúng sinh trong ba đường lành. Súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục là chúng sinh trong ba đường ác. Đó là chúng sinh trong chín pháp giới, mỗi loài đều có nhân,



Đỉnh núi Linh Thửu, nơi Đức Phật từng thuyết kinh Pháp Hoa

có quả, của mỗi loài. Do đó trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Tức là trồng nhân lành kết quả tốt, trồng nhân ác kết quả xấu. Trong bốn Kinh này có nói :

“Nếu ai muốn biết rõ,  
Hết thấy Phật ba đời,  
Hãy quán tính pháp giới,  
Tất cả do tâm tạo.”

Vạn pháp đều từ tâm tạo ra. Người xưa nói:

“Tâm sinh vạn pháp sinh,  
Tâm diệt vạn pháp diệt.”

Bây giờ phân tích chữ “Tâm” này, ý nghĩa đại khái là :

“Tam điểm như tinh bố,  
Loan quân tự nguyệt nhạ,  
Phi mao tòng thủ khởi,  
Tác Phật dã do tha.”

Tạm dịch:

*Ba chấm bày như sao*

*Uống cong tộ trăng non  
Đọa lạc đều do đây  
Thành Phật cùng do nó.*

Ba điểm chữ tâm (心), giống như sao bày la liệt trên bầu trời. Chữ tâm (心), cong giống như hình trăng non mỏng ba. Làm trâu, bò, ngựa, dê, đều từ tâm tạo ra; thành Phật, làm Tổ, cũng từ tâm tạo ra. Cho nên nói: “Muội pháp giới không ngoài một niệm tâm.” Muội pháp giới này do mình lựa chọn. Muốn đến pháp giới nào, thì làm nghiệp pháp giới đó. Tạo ra nghiệp pháp giới nào, thì vãng sinh về pháp giới đó, đó thật là tuyệt đối công bằng.

Tâm của chúng ta không ổn định, giống như hạt bụi trong hư không, lúc cao lúc thấp, lúc trái lúc phải, lúc lên trời, lúc xuống đất, lúc cõi Phật lúc nhân gian.

Lại có lối giải thích khác về tâm:

“Thao chi tắc tồn, xả chi tắc vong,  
Xuất nhập vô thời, mạc chi kỳ hướng.”

Nghĩa là: Giống như một con ngựa, dắt nó thì nó không chạy; nếu không dắt nó thì nó chạy. Tâm của chúng ta cũng như thế, tiết chế nó, xem giữ nó, thì nó ở, không tiết chế, không

xem giữ nó, thì nó chạy. Cho nên người tu hành tức là tu tâm. Luôn luôn niệm Phật, luôn luôn tham thiền. Tu hành như vậy thì tâm không chạy đi, do đó “Tâm viên ý mã”, Tâm không an tĩnh giống như con khỉ, chạy nhảy lăn xả. Ý không an phận giống như con ngựa, chạy rong bên ngoài. Hai loài súc sinh này khó điều phục được. Chúng ta hằng ngày khởi vọng tưởng, tức là tâm chạy bên ngoài; niệm Phật tham thiền là pháp môn duy nhất khống chế tâm ý tại một chỗ.

Xuất nhập vô thời: Tức là tâm ra đi lúc nào ? Lúc nào trở về ? Đều không biết. Mạc tri kỳ hướng: Khi tâm ra đi thì không biết tâm đi về đâu ? Khi đến cũng không biết đến đâu ?

Vị Thiên Vương này, thấu đạt được tâm của tất cả chúng sinh, biết cách làm thế nào để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh hiểu rõ giải thoát. Cho nên vị này dùng đủ thứ phương tiện, khiến cho chúng sinh đắc được môn giải thoát xuất thế. (còn tiếp)

# KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA



Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**Hoặc có những Bồ Tát  
Dùng xe báu bốn ngựa  
Lan can và lọng hoa  
Trang sức đem bố thí.  
Lại thấy các Bồ Tát  
Đem thân thịt tay chân  
Và vợ con bố thí  
Đề cầu vô thượng đạo.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Dùng đầu mắt thân thể  
Vui thích đem bố thí  
Đề cầu Phật trí huệ.  
Ngài Văn Thù Sư Lợi !  
Tôi thấy các quốc vương  
Đều đi đến chốn Phật  
Hỏi pháp vô thượng đạo.  
Bèn vui vẻ bỏ nước  
Và cung điện thần thiếp  
Cạo bỏ râu và tóc  
Mà mặc y pháp phục.  
Hoặc thấy có Bồ Tát  
Xuất gia làm Tỳ Kheo  
Một mình ở chỗ vắng  
Thích đọc tụng Kinh điển.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Rất tinh tấn dũng mãnh  
Vào ở trong rừng sâu  
Tự duy cầu Phật đạo.**

Bồ Tát Di Lặc nói với Ngài Văn Thù: Tôi thấy ở trong luồng hào quang trắng của Đức Thế Tôn, có những vị Bồ Tát tu hành bố thí. Ngài dùng xe báu bốn ngựa: Xe ngựa bốn con, dùng các châu báu trang sức. "Lan can và lọng hoa": Ngang gọi là lan, dọc gọi là can, là một loại xe báu trên đỉnh có trang trí lọng hoa. "Trang sức đem bố thí": Dùng đồ trang nghiêm tối thắng này đem đi bố thí. "Lại thấy các Bồ Tát, đem thân thịt tay chân": Lại thấy có những vị Bồ Tát, không những đem tất cả châu báu tài vật, mà còn đem thân thịt, tay chân, vợ con của họ ra bố thí. Đó chẳng phải là khó làm mà làm được chăng? Đáng cười phàm phu chúng ta, làm được một chút việc thiện, hoặc bố thí được chút ít, thì đắc chí lắm, hí hửng mừng rỡ, cho rằng nhiều quá lắm rồi đó! Một vị Bồ Tát vốn ôm ấp từ bi tinh thần cứu đời, không những xả bỏ tất cả vật ngoài thân, mà thậm chí thân thịt cho đến tay chân của mình, hoặc vợ con, khi chúng sinh cần, thì đều vui vẻ bố thí cho họ. Bồ Tát bố thí thân thể như thế nào? Ví như có người gặp tai nạn xe cộ mất đi cánh tay, thì Bồ Tát chẳng do dự đem cánh tay của mình, cho đến tim gan phổi thận, bố thí gắp cho bệnh nhân cần, cứu bệnh khổ của tất cả chúng sinh, mà khiến cho họ thoát khỏi kinh sợ và tai nạn, đó là bố thí nội tài. "Và vợ con bố thí": Đây là bố thí ngoại tài. Nhân gian cũng có Bồ Tát, chỉ cần người nào đó, phát được tâm đại từ bi, vì chúng sinh mà hành bố thí, khó xả bỏ mà xả bỏ được, thì gọi là Bồ Tát. Vì trong thế gian, việc khó xả bỏ nhất là tình cảm vợ chồng, các Ngài buông xả được mọi tình cảm khó xả bỏ được, đủ thấy tâm của các Ngài kiên định và tự tại cho nên xưng là Bồ Tát.

Ở trong Thủy Kinh Hồi Thiên Lục, có một đoạn ghi về Ngài hòa thượng Thường Nhân, trước khi chưa xuất gia, từng vì tu đạo mà bố thí vợ của mình cho người khác. Sau khi cha mẹ của Ngài

qua đời, Ngài vì muốn báo hiếu cho cha mẹ mà thủ hiếu ở mộ ba năm. Do đó, vợ của Ngài chẳng khác nào là "thủ hoạt quả", vì không thể chịu đựng cảnh vắng vẻ, cho nên đôi ba phen khuyên Ngài trở về nhà sống với nhau, nhưng tâm tu đạo của Ngài đã kiên quyết. Rõ là người càng muốn hưởng thượng thì càng gặp ma thủ thách. Do đó:

"Đạo cao một thước, ma cao một trượng;  
Đạo cao một trượng, ma ở trên đầu".

Đại sư Thường Nhân càng muốn chuyên tâm tu đạo, thì càng bị vợ quấy nhiễu, cuối cùng dẫn đến một người đàn ông, đi đến mộ để uy hiếp chồng, nếu Đại Sư không chịu trở về nhà, thì y sẽ kết hôn với người đàn ông này. Song, Đại sư Thường Nhân chẳng có chút nóng giận gì, ngược lại còn khoan hồng đại lượng, tán thán sự sống chung của hai người, đủ thấy công phu tu hành của Ngài rất thâm sâu. Đó là khó làm mà làm được, khó xả bỏ mà xả bỏ được. Tâm chẳng còn tham trước, thì không bị cảnh trần ô nhiễm lay chuyển, đoạn được tâm dâm dục thì không còn tiếp tục sinh tử mà ra khỏi được tam giới, cho nên chỉ có Bồ Tát mới đem vợ con bố thí để cầu vô thượng đạo.

"Lại thấy các Bồ Tát, dùng đầu mắt thân thể": Những vị Bồ Tát này, không những xả bỏ được nội tài và ngoại tài, thậm chí đầu, mắt, thân thể cũng đều vui vẻ bố thí. Đây là vô úy thí, Ngài dùng thân tâm tính mạng bố thí cho người, vì cầu vô thượng đạo, cho nên chấms dứt được sinh tử. Nếu người xan tham không xả bỏ, cũng chẳng bố thí, thì vĩnh viễn không thể chấms dứt sinh tử. Mà bố thí ở đây phải vui vẻ thí xả, hoàn toàn chẳng có ý đấu tranh. Có những người chẳng phải dùng chân tâm để bố thí, nếu thấy người bỏ ra một trăm ngàn, thì họ phải bỏ ra hai trăm ngàn, nếu người bỏ ra hai trăm ngàn, thì họ chẳng bỏ ra ba trăm ngàn thì không được, nhất định phải hơn người mới được, đó chẳng phải là bố thí như pháp, cũng chẳng hoàn toàn thành tâm hành thiện. Đoạn này nói về bố thí độ ở trong lục độ.

"Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi! Tôi lại thấy các quốc vương, đều đi đến chốn Phật, hỏi pháp vô thượng đạo": Đến trước chư Phật thỉnh hỏi pháp vô thượng đạo, thì Phật khai thị đạo lý: Khổ, không, vô thường, vô ngã, bốn niệm xứ .v.v... Có bài thơ Tây Giang Nguyệt, đồn rằng do Trang Tử sáng tác,

cũng nói lên đạo lý khổ, không, vô thường, vô ngã. Thơ rằng :

"Phú quý năm canh xuân mộng,  
Công danh một đám mây trôi,  
Trước mắt cốt nhục đã chẳng thật,  
Ân ái trở thành cừ hận,  
Đừng mang gông vàng vào cổ,  
Chớ đeo vòng ngọc trói thân,  
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần,  
Khoái lạc tiêu dao tự tại."

Các vị quốc vương nghe nói về bốn niệm xứ, bèn vui vẻ bỏ nước, chẳng có tơ hào do dự, xả bỏ hết sự hưởng thụ năm dục, cũng đem cung điện thần thiếp xả bỏ, để cạo bỏ râu và tóc, mà mặc y pháp phục, mặc lên y Cà sa của người xuất gia. Đoạn Kinh văn này nói về giới độ ở trong lục độ.

"Hoặc thấy có Bồ Tát, xuất gia làm Tỳ Kheo, một mình ở chỗ vắng, thích tụng đọc Kinh điển": Đoạn này dụ cho nhẫn nhục Ba la mật.

Một vị Tỳ Kheo một mình ở trong động núi, khó tránh khỏi người ác đánh chửi hoặc rắn độc thú dữ xâm hại, nhưng họ đều nhẫn thọ mà chẳng sinh tâm kinh sợ, đó là sinh nhẫn, tự tiết thủ chí là khổ hạnh nhẫn, tụng Kinh cầu Phật là nhẫn đệ nhất nghĩa.

"Lại thấy có Bồ Tát, rất tinh tấn dưng mãnh, vào ở trong rừng sâu, tư duy cầu Phật đạo": Đây là độ thủ tứ trong lục độ Ba la mật. Đây là biểu hiện tinh thần quên ăn bỏ ngủ để cầu Phật đạo. Các vị ấy vào trong rừng sâu núi thẳm, tư duy cầu Phật đạo, chánh niệm tư duy sở hành của Phật tức là quán chiếu thiền.

**Lại thấy người ly dục  
Thưởng ở chỗ thanh nhàn  
Chuyên tu tập thiền định  
Đắc được năm thần thông.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Chấp tay trụ thiền định  
Dùng ngàn vạn bài kệ  
Khen ngợi các Pháp Vương.**

Bồ Tát Di Lặc lại nói: Tôi lại thấy người tu hành ly dục, chẳng tham tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Ở chỗ thanh nhàn ngày đêm tu thiền, chẳng có gián đoạn. Nếu ai chân chánh tu hành thì phải nỗ lực,

ngày ngày tu tập thiền định, chẳng có ngày giờ nào nghỉ. Nếu lười biếng giải đãi, thì vĩnh viễn chẳng thành tựu. Tu thiền sẽ đắc được năm thần thông: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và thần túc thông, nhưng chưa đắc được lậu tận thông. Chỉ có tứ quả A La Hán và Bồ Tát vị trở lên, mới có thần thông này. Ngoài tu thiền ra, nếu chuyên tâm niệm Phật, hoặc đọc Kinh trì Chú, cũng sẽ đắc được năm thần thông. Như Ngài Trí Giả đại sư chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ. Khi Ngài tụng đến Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự: "*Đốt thân cúng Phật là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai*", thì nhập vào cảnh giới tam muội. Ở trong định, thấy pháp hội Linh Sơn vẫn còn chưa tan, thấy Đức Phật vẫn còn đang thuyết pháp. Cho nên trì tụng Kinh điển cũng có thể khai ngộ, nhưng phải chuyên tâm nhất chí, chú chẳng phải khi thì niệm Phật, khi thì khởi vọng tưởng. Nếu đang niệm Phật, mà còn bàn tính chuyện làm sao để kiếm tiền, thì nhất định chẳng thể khai ngộ, vì đó là niệm tiền chứ chẳng phải niệm Phật.

Lại thấy có Bồ Tát, chấp tay an trụ trong thiền định, dùng ngàn vạn bài kệ để tán thán chư Phật.

**Lại thấy có Bồ Tát**  
**Trí sâu chí kiên cố**  
**Tham vấn các Đức Phật**  
**Nghe rồi đều thọ trì.**  
**Lại thấy có Phật tử**  
**Định huệ đều đầy đủ**  
**Dùng vô lượng thí dụ**  
**Vì chúng diễn nói pháp.**  
**Vui thích nói các pháp**  
**Giáo hóa các Bồ Tát**  
**Phá trừ chúng binh ma**  
**Mà đánh vang trống pháp.**  
**Lại thấy có Bồ Tát**  
**Yên lặng ngồi bất động**  
**Trời rồng đều cung kính**  
**Chẳng vì thế vui mừng.**  
**Lại thấy có Bồ Tát**  
**Tại rừng phóng quang minh**

**Cửu khổ dưới địa ngục**  
**Khiến họ vào Phật đạo.**  
**Lại thấy có Phật tử**  
**Chưa từng có ngủ nghỉ**  
**Kinh hành ở trong rừng**  
**Siêng cầu chứng Phật đạo.**  
**Lại thấy bậc giới đức**  
**Oai nghi chẳng thiếu khuyết**  
**Thanh tịnh như châu báu**  
**Đề cầu chứng Phật đạo.**

Lại thấy có những vị Bồ Tát, có trí huệ thâm sâu và chí khí kiên cố. "Tham vấn các Đức Phật": Khéo hỏi pháp. "Nghe rồi đều thọ trì": Nghe pháp thì y theo pháp mà tu hành. "Lại thấy có Phật tử, định huệ đều đầy đủ": Định dùng để nhiếp giáo, huệ dùng để phá mê. Định huệ đều trì thì gọi là đầy đủ. Bồ Tát này dùng vô lượng phương tiện khéo léo, để ví dụ vì chúng sinh mà thuyết pháp. "Phá trừ chúng binh ma": Chúng đều giả danh làm Phật tử, nhưng chẳng hành chánh đạo, mà còn dùng kẻ mù dẫn người đi, nên gọi là binh ma. Cho nên dùng chánh pháp nhân phá trừ quân tà, nên gọi là phá ma vậy. Đoạn này là Bát nhà độ.

"Lại thấy có Bồ Tát, lặng yên ngồi bất động": Lại thấy có những Bồ Tát ngồi kiết già. Vì có công phu thiền định, cho nên trời rồng đều cung kính lễ bái, nhưng các Ngài chẳng vì thế mà sinh tâm vui mừng. Vì định hay sinh huệ, cho nên tâm chẳng bị cảnh chuyển, cũng chẳng động niệm. Nếu chẳng có vọng niệm thì không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, cho nên chẳng trái chẳng phải, chẳng thiện chẳng ác, tức là tự tính thanh tịnh, đắc được chân như diệu tính. Nhưng không thể nói tôi đã vô niệm (chẳng còn niệm gì nữa), vì nói vô niệm thì đã có niệm. Người biết vô niệm, thì hàng phục được tâm của họ, người biết mình vô niệm, khi phá trừ chúng binh ma, thì dùng vô niệm là diệu nhất ! Nó bao hàm cả nhân nhục và sinh nhữ, tức chẳng bị lời hay tiếng ngọt làm động, cũng không vì nghịch cảnh mà khởi tâm kinh sợ hoặc sân hận. (còn tiếp)



# CHÚ LẶNG NGHIÊM

## Giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

### 64. TAM MIỆU TAM BỒ ĐÀ GIA.

Kê : Quy mạng Chánh Giác hiền Thánh chúng  
Cứu độ tam giới giai ứng cúng  
Phổ nguyện hữu tình cầu ly khổ  
Thiên ma khủng bố địa chấn động.

Tạm dịch:

*Quy mạng Chánh Giác Thánh hiền chúng  
Cứu độ ba cõi đều ứng cúng  
Nguyện khắp hữu tình đều lìa khổ  
Thiên ma kinh sợ đất chấn động.*

Giảng giải : Tam Miếu Tam Bồ Đà là "Chánh đẳng chánh giác", là "hết thảy Thánh hiền", bao quát Bồ Tát, Phật, A La Hán đều ở trong đó, cho nên nói: "Quy mạng Chánh Giác Thánh hiền chúng - Cứu độ ba cõi đều ứng cúng": Hết thảy bậc Chánh Giác đều cứu độ hết thảy chúng sinh trong ba cõi, cho nên trời người đều nên cúng dường những bậc ấy. Các bậc Thánh hiền đó, trong quá khứ đã phát nguyện này, chúng ta cũng phát nguyện này, tức là: "Nguyện khắp hữu tình đều lìa khổ - Thiên ma kinh sợ đất chấn động": Thánh hiền chúng đến đâu, thì thiên ma đều kinh sợ, đại địa sáu thứ chấn động.



### 65. NAM MÔ BÀ GIÀ BÀ ĐẾ.

Kê : Cửu giới chúng sinh từ bi phụ  
Thập phương quốc độ Đại Giác Tôn  
Kiến tướng văn danh quân đặc độ  
Xuân động hàm linh tác y hổ.

Tạm dịch :

*Bậc cha lành chín giới chúng sinh  
Đấng Đại Giác mười phương cõi nước.  
Thấy tướng nghe danh đều được độ  
Bò bay máy cựa làm chỗ nương.*

Giảng giải : "Bậc cha lành chín giới chúng sinh": Chín giới chúng sinh tức là: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Phật là Từ Bi Phụ, cha lành của chín giới.

"Đấng Đại Giác mười phương cõi nước": Đây là những bậc giác ngộ trong mười phương cõi nước.

"Thấy tướng nghe danh đều được độ": Thấy được tượng Phật, nghe được danh hiệu Phật, thấy đều được độ.

"Bò bay máy cựa làm chỗ nương": Tất cả chúng sinh rất nhỏ bé, cũng lấy Phật làm chỗ nương tựa của họ.

### 66. A SÔ TI GIA.

Kê : Đông phương bất động hoan hỉ quang  
Hàng phục thiên ma nộ kim cang

Triết nhiếp nhị môn hoá quần chúng  
Thuận nghịch hồ dụng diệu vô phương.

Tạm dịch :

*Đông phương Bất Động, Hoan Hỷ Quang  
Hàng phục thiên ma nô Kim Cang  
Triết nhiếp hai môn độ quần chúng  
Thuận nghịch đều dụng diệu vô cùng.*

Giải thích : Đây là phương đông Phật A Súc, tức cũng là Tiêu Tai Diên Thọ Dực Sư Phật.

“Đông phương Bất Động Hoan Hỷ Quang”:  
Đông phương Phật Bất Động tức là A Sô Ti,  
Hoan Hỷ Quang Phật.

“Hàng phục thiên ma nô Kim Cang”:  
Kim Cang là nô mục (trợn mắt), Bồ Tát là từ mi (mắt hiền từ), Kim Cang có sự nóng giận vì phải hàng phục ma, nếu không có sự nóng giận thì ma liền muốn khinh thường bạn.

“Triết nhiếp hai môn độ quần chúng”:  
Nô mục Kim Cang dùng pháp triết phục, Bồ Tát từ bi dùng pháp nhiếp thọ, nhìn thấy Bồ Tát từ bi, thì trong tâm rất vui vẻ, nhưng khi nhìn thấy Kim Cang, thì bạn không nghe cũng phải nghe, vì vị Kim Cang có thể lực rất lớn, có thể hàng phục bạn, cho nên nói: “Hàng phục thiên ma nô Kim Cang - Triết nhiếp hai môn độ quần chúng”:  
Dùng pháp triết phục và pháp hàng phục, hai cửa này để giáo hóa hết thấy chúng sinh.

“Thuận nghịch đều dụng diệu vô cùng”:  
Nên dùng pháp triết phục thì dùng pháp triết phục, nên dùng pháp nhiếp thọ thì dùng pháp nhiếp thọ, có lúc thuận thì Ngài khiến cho họ hoan hỷ, có lúc không thể thuận họ thì phải dùng pháp triết phục. Hai thứ pháp này phải dùng vừa vặn đúng lúc, nếu dùng không đúng thì không tương ứng, giống như đáng lý phải dùng pháp triết phục thì bạn không dùng, mà dùng pháp nhiếp thọ, hoặc nên dùng pháp nhiếp thọ thì bạn không dùng, lại dùng pháp triết phục, thì người quỷ thần đều xa lánh, thấy bạn thì chạy xa mười vạn tám ngàn dặm. Cho nên dùng đúng thì có thể hàng phục được đối phương, biến đổi được tư tưởng và hành vi của họ.

## 67. ĐA THA GIÀ ĐA GIA.

Kệ : Lễ kính chư Phật yếu chí thành

Cảm ứng đạo giao mặc nhiên thông  
Vi pháp tinh tấn thường bất thoái  
Diện kiến Như Lai thần mộng trung.

Tạm dịch :

*Lễ kính chư Phật phải chí thành  
Cảm ứng đạo giao tự nhiên thông  
Vi pháp tinh tấn không thối lùi  
Thấy được Như Lai ở trong mộng.*

Giải thích : “Lễ kính chư Phật phải chí thành”:  
Bạn lễ Phật thì phải khẩn thiết chí thành, không thể lười thôi diễn xướng theo họ, họ lạy tôi cũng lạy theo, họ quý tôi cũng quý theo, thật là không có tướng ta, nhưng không phải như thế.

“Cảm ứng đạo giao tự nhiên thông”:  
Nếu thật có tâm chí thành khẩn thiết, thì lắng lặng tự nhiên thông đạt, Phật cũng biết bạn đang lễ Phật, bạn lễ Phật sẽ có cảm ứng, có công đức.

“Vi pháp tinh tấn không thối lùi”:  
Chẳng phải nói học Phật pháp ba ngày, năm ngày, một năm, hai năm liền thành tựu, thành cái gì ? Một bước còn chưa tiến được ! Bèn sinh hoài nghi với Phật pháp, không tinh tấn, thì chẳng có ích gì, phải luôn luôn không thoái chuyển bồ đề tâm.

“Thấy được Như Lai ở trong mộng”:  
Nếu thường không thối bồ đề tâm, ví như đả thiền thất, chẳng phải nói đả một lần thì khai ngộ, đả hai lần thì thành Phật, lần thứ ba thì không cần đả nữa, không phải như thế, phải đả không biết bao nhiêu lần thiền thất, tu hành bao nhiêu đại kiếp, công phu mới thành tựu. Chẳng phải nói bây giờ là thời đại khoa học, tôi xem một cái xem thì hiểu rõ, ba tuần lễ liền khai ngộ, trên đời chẳng có việc dễ dàng như thế, ba tuần lễ bạn hút á phiện thì tức khắc sinh ghiền, nhưng chờ đợi thì lại sinh ghiền, tu hành không có giản đơn như thế ! Bạn nhìn từ xưa đến nay, chư Phật Bồ Tát tu hành, đời đời kiếp kiếp đều tiếp tục không ngừng dụng công phu, sau đó công phu thành thực thì mới thành tựu, chẳng phải như chúng ta tu hành, tu hai ngày rưỡi thì muốn thành Phật. Nếu trên thế gian có việc dễ như thế, thì Phật nhiều hơn so với chúng sinh. Cho nên các bạn đừng cho rằng mình thông minh, thông minh ngược lại bị làm thông minh. Câu này nói thân tự gặp được Phật, hoặc là trên tinh thần, hoặc là trong mộng thấy được Phật. (còn tiếp)

# KINH BÁT NHÃ

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt



Tiếp theo kỳ trước

*"Lục chủng thần thông hồn an sự, (sáu thần thông chỉ thông thường)".*

Nếu chư vị thường tự làm chủ thì sẽ đắc được sáu thần thông. Sáu thần thông là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm tâm, thần túc thông, túc mệnh thông, lậu tận thông. Sao chư vị không có sáu thần thông? Vì chư vị không tự làm chủ được. Gặp cảnh giới liền chấp trước, nên bị cảnh chuyển. Thấy việc lạ kỳ, tâm tư thay đổi, tức chư vị bị cảnh chuyển mà chưa chuyển được cảnh. Nếu chư vị có thể chuyển được cảnh thì bất cứ cảnh giới nào đến, không thể bị giao động. Đừng nói lúc tỉnh giác mà khi mộng寐 cũng không bị cảnh giới chuyển. Đó mới thực là chủ nhân ông.

Nếu làm chủ được thì có trí huệ chân chánh. Khi ấy sáu thần thông là chuyện bình thường. Không phải là việc khó có mà rất phổ thông, bình thường.

*"Bát phương phong vũ cảnh vô hồng, (gió mưa tám hướng không khinh sợ)".*

Gió mưa tám hướng tức là "tám gió thổi không động, ngồi vững trên hoa sen vàng tím".

Tô Đông Pha làm kệ:

"Ngưỡng thủ thiên trung thiên.  
Mao quang chiếu đại thiên.  
Bát phong xuy bất động.  
Đoan tọa tử kim liên"

**Dịch:**

*"Kính đấng trời giữa trời.  
Lông mao chiếu đại thiên  
Tám gió thổi không động  
Ngồi vững sen vàng tím".*

Thiền sư Phật Ấn liền đề bốn chữ: "Phóng thí!  
Phóng thí! (đánh rắm, đánh rắm)".

**Phật pháp/Bouddhadharma 26**

Tô Đông Pha vừa thấy bốn chữ này liền giận dữ, không nhịn được. Khi ấy ông ta không những đánh rắm mà còn phóng hỏa nữa (lửa nổi lên trong lòng), thậm chí muốn thiêu đốt luôn ngài Phật Ấn. Thế nên, từ Giang Nam, ông lập tức đến Giang Bắc để tìm ngài Phật Ấn. Vừa gặp, ông liền hỏi: "Ông

Thầy kia! Sao dám mắng chửi người? Tôi nói những lời ngộ đạo mà sao Thầy lại nói rằng tôi "đánh rắm"?"

Ngài Phật Ấn bảo: "Tôi có chửi mắng ai đâu? Ông nói rằng tám gió thổi cũng không động mà tôi chỉ viết hai câu "đánh rắm" thì ông lại từ Giang Nam chạy đến Giang Bắc. Sao ông nói tám gió thổi không động? Chỉ cần có hai câu của tôi thôi mà khiến ông phải đến nơi này".

Tô Đông Pha suy nghĩ một hồi. "Đúng rồi! Tám gió gì cũng không động mình. Chỉ có bốn chữ mà khiến phải nổi nóng mà đến đây. Thật không đúng".

Do đó ông đành lễ sám hối.

Sao gọi là tám gió. Tức là xung, ky, khổ, lạc, lợi, suy, đắc, thất. Xung nghĩa là xung tán. "A! Đạo hữu thật là Phật tử chân chính, lại hiểu rõ Phật pháp, có trí huệ, cũng rất thông minh, biện tài vô ngại !"

Đó là xung tán chư vị

Kỵ nghĩa là kỵ phúng. "Sao đạo hữu lại học Phật pháp. Hiện tại là thời đại khoa học. Học những lời cổ xưa cả mười tám đời, thật không có ý nghĩa gì hết. Hãy suy nghĩ kỹ. Thời đại khoa học sao lại học Phật pháp, nhân nhân quả quả, vô nhân vô ngã. Trong thời đại khoa học, mình là mình và người lại là người."

Đó là lời kỵ phúng (chê bai).



Khô đau cũng là một loại gió.

Lạc tức là an lạc, sung sướng. Ăn ngon, mặc đẹp, ở sang trọng, ngày ngày đều sung sướng an lạc. Việc gì cũng mong tốt đẹp hết. Đó là một loại gió.

Lợi tức là lợi ích. "Tôi tu hành rất khổ cực. Tôi cũng không khởi vọng tưởng, lại có người cúng dường cả chục ngàn đồng để giúp tôi xây chùa, nên tâm tôi rất vui vẻ".

Suy là suy bại. Có người muốn phá hoại, nói: "Hòa Thượng kia không tốt. Việc gì thầy cũng làm. Chớ nên tin tưởng thầy đó. Tốt nhất là hãy tin tôi."

Đắc nghĩa là được. Thất tức là mất. Chúng đều là gió cả. Gió mưa tám hướng mà không khinh sợ thì tám gió thổi đến cũng không động.

*"Quyện chi tắc thối tạng ư mật, (cuộn lại giữ gìn trong bí mật)".*

Bộ kinh này phải nên để nơi thanh tịnh, không nên để nơi bất kính. Chư vị phải tôn kính bộ kinh này.

*"Phóng chi tắc di lục giáp trung, (mở ra chấn động khắp thế gian)".*

Một khi mở kinh ra thì trí huệ Bát Nhã phóng quang đầy khắp sáu phương (tức đông tây nam bắc và trên dưới). Chư vị có thấy pháp môn Bát Nhã vi diệu lắm không?

## Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, (lúc hành thâm bát nhã ba la mật đa).

Hành đạo tu thân mạc ngoại tâm  
Tự tánh Bát Nhã thâm mật nhân  
Bạch lãng xung tiêu hắc ba chỉ  
Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đăng  
Thời hệ thời hệ vật thác quá  
Thận chi thận thủ thiên chân  
Yêu yếu minh minh thông hựu tức  
Hoảng hoảng hốt hốt kiến bốn tôn

**Dịch:**

*Hành đạo tu thân chớ tìm ngoài  
Tự tánh Bát nhã thâm mật  
Bọt trắng tiêu, sóng đen dùng  
An nhiên bước lên bờ Niết Bàn*

*Thời qua thời chớ đánh mất dịp  
Thận trọng thận trọng giữ thiên chân  
Mờ mờ ảo ảo thông tin tức  
Vội vội vàng vàng thấy bốn tôn."*

Hành tức là tu hành. Thâm là đối ngược với thô thiển mà gọi là thâm. Bát nhã là trí huệ. Ba la mật đa là đạt đến bờ giác. Thời là thời gian.

Đoạn này nói về Bồ Tát Quán Tự Tại tu hành thâm nhập bát nhã, chớ không phải tu bát nhã thô thiển. Sao gọi là thâm bát nhã? Đó là diệu trí huệ. Sao gọi là bát nhã thô thiển? Đó là giáo pháp tiểu thừa, bốn diệu đế, mười hai nhân duyên. Nhờ diệu trí huệ chân chánh mới đạt đến bờ giải thoát. Nếu chư vị không có trí huệ chân

chánh thì không thể đạt đến bờ giác được. Ai năng đạt đến bờ giác? Là Bồ Tát Quán Tự Tại. Nơi đây Phật Thích Ca Mâu Ni đề cử ra Bồ Tát Quán Tự Tại, là vị Bồ Tát tu hành pháp Bát Nhã thâm thâm và đã đạt đến bờ giải thoát. Thế nên nói rằng hành thâm bát nhã ba la mật đa thời.

Người nhị thừa chỉ tu bát nhã thô thiển mà không tu pháp bát nhã thâm thâm. Sao gọi là bát nhã thô thiển? Tức là năng phân tích, gỡ tháo pháp không. Tích tức là phân tích. Phân tích vi tế. Phân tích những gì? Phân tích sắc pháp, tâm pháp. Sao gọi là sắc pháp? Sắc pháp là có hình có tướng, có thể nhìn thấy được. Sao gọi là tâm pháp? Tâm pháp là không thể nhìn thấy được. Hữu hình tức là có sắc pháp. Vô hình tức là tâm pháp. Hữu hình là gì? Tất cả vật có tướng trạng đều gọi là hữu hình. Tâm pháp thì vô hình vô tướng, chỉ có trí giác. Có trí giác và vô hình vô tướng gọi là tâm pháp. Có hình tướng nhưng lại vô tri giác là sắc pháp. Sắc trong năm uẩn tức là sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là tâm pháp. Thọ tưởng hành thức thì vô hình tướng. Lúc Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm bát nhã ba la mật đa, thì thấy rõ năm uẩn đều không. Ngài nhận thấy chúng đều không. Ngài bảo: "Sắc không khác không, không không khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng đều như thế. Thọ tưởng hành thức giống như sắc pháp, cũng là không". (còn tiếp)



# ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN



Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Viết dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán  
Tiếp theo kỳ trước

## Luận Đại Trí Độ. Quyển năm. Giải thích chữ Ma-ha tát-đỏa.

### KINH : Ma-ha tát-đỏa.

Luận:

Hỏi: Thế nào gọi là Ma-ha tát-đỏa?

Đáp: Ma-ha là đại, Tát-đỏa là chúng sinh, hoặc là dũng tâm; lòng người hay làm việc lớn, không lui, không hoàn; ấy là tâm đại dũng, gọi là Ma-ha tát-đỏa. Lại nữa, ở trong nhiều chúng sinh làm tối thượng thủ, khởi tâm đại từ bi, thành lập đại thừa, hay hành đại đạo được tối đại xứ, thành tựu tướng đại nhân nên gọi là Ma-ha tát-đỏa. Tướng ma-ha tát đỏa như trong bài kệ tán Phật nói:

Duy Phật một người bậc đệ nhất,  
Cha mẹ ba cõi nhất thiết trí,  
Ở trong hết thảy không sánh bằng.  
Cúi lạy Thế Tôn đáng hiếm có !  
Kẻ phạm bố thí vì lợi mình,  
Cầu báo đem của ra cấp thí.  
Phật đại nhân từ không việc đó,  
Oán thân yêu ghét lợi cho đều !

Lại nữa, hay thuyết pháp phá tất cả đại tà kiến, đại ái mạn, đại ngã tâm và các phiền não cho chúng sinh và thân mình, gọi là Ma-ha tát-đỏa. Lại nữa, chúng sinh nhiều như ở bể lớn, không có trước giữa sau, thầy toán dùng máy tính trong vô lượng kiếp cũng không thể hết, Bồ-tát đều muốn cứu giúp đưa đến chốn vô vi, an ổn, vui thú. Có tâm lớn muốn độ nhiều chúng sinh như thế gọi là Ma-ha tát-đỏa. Như trong Kinh Bất Khả Tư Nghì, cư sĩ Âu Sá Na bảo Bồ Tát Tu Đạt Na rằng: Các vị đại Bồ Tát không vì độ một người mà phát tâm vô thượng bồ đề, cũng chẳng vì hai, ba cho đến trăm, ngàn, vạn, ức, Na do tha, Na-do-tha lần Na-do-tha chúng sinh mà phát tâm, chẳng vì trăm ngàn vạn ức Na-do-tha Na-do-tha cho đến bất khả

thuyết bất khả thuyết (nói không được) tam thiên đại thiên thế giới vi trần số chúng sinh mà phát tâm; chẳng vì cúng dàng một đức Phật mà phát tâm, cho đến chẳng vì cúng dàng bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần chư Phật mà phát tâm; chẳng vì tịnh một cõi Phật mà phát tâm, cho đến chẳng vì tịnh bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần cõi Phật mà phát tâm; chẳng vì thụ trì một Phật pháp mà phát tâm, cho đến chẳng vì thụ trì bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần Phật pháp mà phát tâm; chẳng vì khiến một hạt giống Phật trong tam thiên đại thiên thế giới không dứt đoạn mà phát tâm, cho đến chẳng phải vì khiến bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới hạt giống Phật không dứt đoạn mà phát tâm; chẳng vì phân biệt biết nguyện của một đức Phật mà phát tâm, cho đến chẳng vì phân biệt biết nguyện của bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần Phật mà phát tâm; chẳng vì trang nghiêm một cõi Phật mà phát tâm, cho đến chẳng vì trang nghiêm bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần cõi Phật mà phát tâm; chẳng vì phân biệt biết nhóm hội đệ tử của một đức Phật mà phát tâm, cho đến chẳng vì phân biệt biết nhóm hội đệ tử của bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần Phật mà phát tâm; chẳng vì trì một Phật pháp luân mà phát tâm, cho đến chẳng vì trì bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần Phật pháp luân mà phát tâm; chẳng vì biết các tâm, các căn của một người, chẳng vì biết trong một tam thiên đại thiên thế giới các kiếp lần lượt tiếp nối; chẳng vì phân biệt đoạn các phiền não của một người mà phát tâm, cho đến chẳng vì phân biệt đoạn phiền não của bất khả thuyết bất khả thuyết tam thiên đại thiên thế giới vi trần số người mà phát tâm.

Các Bồ-tát nguyện rằng: Giáo hoá hết tất cả chúng sinh trong mười phương, cúng dàng cung

cấp hết tất cả chư Phật ở mười phương; nguyện thanh tịnh tất cả cõi Phật ở mười phương; tâm bền thụ trì tất cả Phật pháp của chư Phật ở mười phương; phân biệt tất cả các cõi Phật, biết hết tất cả chúng đệ tử của chư Phật; phân biệt biết hết tất cả các tâm chúng sinh; biết đoạn các phiền não của tất cả chúng sinh; biết hết tất cả các căn chúng sinh, các Bồ-tát phát tâm trụ vô thượng bồ-đề. Như thế mười môn làm đầu, cho đến trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ môn. Ấy là đạo pháp môn, Bồ-tát nên biết, nên vào ! Lược thuyết các Bồ-tát nên biết, nên vào ! Lược thuyết các Bồ-tát thực đạo như thế. Tất cả các pháp đều nhập, đều biết, biết bằng trí tuệ. Trang nghiêm tất cả cõi Phật là đạo Bồ-tát.

Âu-Sá-Na nói: Thiện nam tử, ta nguyện như thế, từ khi có thế giới đến nay, tất cả chúng sinh, thanh tịnh hết ! Tất cả phiền não đoạn hết !

Tu-Đạt-Na nói: ấy là giải thoát gì ?

Ấy là vô ưu an ổn tràng. Ta biết một môn giải thoát ấy. Đại tâm của các Bồ-tát, như nước biển lớn, không động, như núi Tu-di, hay trì, hay thụ tất cả pháp của chư Phật. Các Bồ-tát như được vương hay trừ tất cả phiền não; như mặt trời hay trừ tối tăm; như đại địa hay nhận chứa tất cả chúng sinh; như gió hay ích lợi tất cả chúng sinh; như lửa hay đốt tất cả phiền não của ngoại đạo; như mây hay mưa nước pháp; như mặt trăng có quang minh phúc đức soi chiếu tất cả; như vua Đế Thích hay thủ hộ tất cả chúng sinh. Ấy là đạo pháp thậm thâm của Bồ-tát, ta làm sao mà hay biết hết !

Bởi các Bồ-tát sinh đại nguyện muốn được đại sự, muốn đến đại xứ, gọi là Ma-ha tát-đỏa. Trong kinh Ma-ha bát-nhã ba-la-mật, Phật tự nói tướng Ma-ha tát-đỏa như thế.

## GI I THÍCH CÔNG ĐỨC CỦA BỒ-TÁT

KINH : Đều được đà-la-ni cùng các tam-muội, hành không, vô tướng, vô tác, đến đắc đẳng nhãn.

Luận :

Hỏi : Vì lẽ gì lấy ba việc lần lượt tán thán Bồ-tát ma-ha-tát ?

Đáp : Muốn đưa ra công đức thực của Bồ-tát, đáng tán thì tán, đáng tin thì tin; vì tất cả chúng sinh không hay tin pháp, nên nay ca ngợi sự thanh

tịnh sâu thẳm của Bồ-tát. Lại nữa, trước mới chỉ nói danh tự của đại Bồ-tát thôi, chưa nói đến các đà-la-ni tam-muội nhằm đến các công đức của đại Bồ-tát.

Hỏi: Đã biết nghĩa thứ tự, tại sao gọi là Đà-la-ni: Thế nào là Đà-la-ni ?

Đáp: Đà-la-ni là năng trì hoặc năng giá. Năng trì là tập hết thủy pháp lành, giữ cho không tan mất, ví như cái chum đựng nước không dò chảy, ngăn không cho cạn tâm bất thiện sinh; nếu muốn làm điều ác giữ không cho làm. Với Đà-la-ni, tâm hoặc tương ứng hoặc không, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, không sắc không thể thấy, không có đối: Một trì, một nhập, một ám nhiếp, chín trí biết, một thức hay. Đó là nghĩa của Đà-la-ni theo pháp A-tỳ-đàm. Lại nữa, được Đà-la-ni này, tất cả pháp Bồ-tát đã nghe đều trì không mất nhờ niệm lực. Đà-la-ni theo Bồ-tát như bệnh sốt rét cách nhật, không rời Bồ-tát như quỷ ộp, như các luật nghi thiện bất thiện. Nhờ Đà-la-ni, Bồ-tát không bị rơi vào hai hố như cha lành yêu con, con muốn rơi, giữ lại không rơi. Lại nữa, Bồ-tát được lực Đà-la-ni, tất cả ma vương, ma dân, không thể động được, không thể phá được, không thể thắng được, ví như núi Tu-Di, kẻ phàm dùng miệng thổi không thể động được.

Hỏi: Đà-la-ni có bao nhiêu thứ ?

Đáp: Có rất nhiều. Có văn Đà-la-ni, được Đà-la-ni này, tất cả ngũ ngôn các pháp, một khi tai nghe đã nghe rồi đều không quên mất. Lại có phân biệt biết Đà-la-ni, nếu được Đà-la-ni này, thì các chúng sinh, các pháp lớn, nhỏ, tốt, xấu, đều phân biệt biết hết. Như kệ nói :

Các voi, ngựa, vàng,  
Gỗ, đá, các áo,  
Trai, gái và nước,  
Hết thấy không đồng.  
Các vật là một,  
Sang, hèn lý khác,  
Được tổng trì này,  
Phân biệt được hết.

Lại có nhập âm thanh Đà-la-ni, được Đà-la-ni này Bồ-tát nghe tất cả âm thanh, lời nói, không vui, không giận. Dù tất cả chúng sinh nhiều như Hằng sa kiếp nói xấu, mắng, chửi, tâm không giận, ghét. (còn tiếp)

# Pháp ngữ của thiền sư Hư Vân



Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

## Tiếp theo kỳ trước

**Y** theo hạnh nguyện của Bồ Tát, chẳng phải chỉ có người xuất gia mới cầu đạo vô thượng, mà người tại gia cũng hành được. Bất quá, người xuất gia chỉ sống xa quốc chủ, rời thân bằng quyến thuộc, xả bỏ ân ái gia đình, ý tại thoát ly tình dục trời buộc. Người xuất gia xả bỏ tình riêng mà phát triển đồng tình Phật tánh. Xả bỏ ân ái riêng tư để trở thành bậc bác ái vĩ đại. Lấy việc cứu độ tất cả chúng sanh làm trung. Dùng sự nhiếp thọ chúng sanh làm hiếu. Đó là ý nghĩa của chủ nghĩa đại đồng. Tiên sinh Tôn Trung Sơn thường nói:

- Phật giáo lấy việc cứu thế gian làm nhân đức. Phật học là mẹ của mọi ngành triết học. Tôn giáo tạo thành nền văn hóa và duy trì hùng khí cùng thiên tánh tự nhiên của dân tộc. Nhân dân chẳng nên không có tư tưởng tôn giáo. Nghiên cứu Phật học giúp bổ xung vào những điểm khiếm khuyết của triết học.

Hôm nay, Ngài (Tưởng Giới Thạch) đã cho phép kết hợp Phật giáo vào nền văn hóa, tức là bổ ích thêm cho tư tưởng học thuật của nước nhà. Hiện tại, Phật giáo đang lan truyền rộng rãi khắp thế giới. Phật giáo luôn chủ trương khuyến tấn đại giáo đại đồng duy nhất. Đây không phải là lời trống rỗng.

Vả lại, ngày nay tự do tôn giáo, chẳng nên cưỡng ép người theo những đạo mê tín, thì mới khiến nhân tâm trung thành khâm phục mà sanh chánh tín. Nếu bỏ Phật giáo thì quy ngưỡng vào nơi nào?

## IV. Khai thị tại chùa Từ Vân ở Trùng Khánh vào ngày mười bảy tháng giêng, năm 1943

Hôm nay, quý vị phát tâm quy y Tam Bảo. Lão nạp rất vui mừng. Quý vị không quản đường xa, băng sông lội suối đến đây, không ngoài việc hy vọng đạt được sự lợi ích này. Tuy nhiên, nếu

muốn đạt được lợi ích, phải tự thuận theo tự tướng mà hành trì. Nếu chỉ quấy đeo hư danh trống rỗng, sẽ không đạt được gì. Quý vị nên biết rằng hôm nay thọ giới quy y, tức là làm đệ tử Phật. Quý vị đã giống như được sinh vào nhà đế vương, tức là làm con cháu đế vương, nhưng phải cố gắng đôn đốc tu hành, đừng để bị trục đuôi, thì mới thật là phượng các loan đài, có phần lợi ích.

Từ nay về sau, phải y chiếu theo lời di giáo của Phật mà hành trì. Phải sớm biết muôn sự trên thế gian này như huyễn hóa. Suốt cuộc đời của con người, làm này tạo nọ, chỉ giống như ong hút mật, tằm dệt lưới. Do một niệm động khởi, nên chúng ta nhập bào thai. Được sanh ra đời xong, lại từ từ biết phân biệt mình người, khởi niệm tham sân si. Lớn lên, dần dần tiếp xúc với xã hội. Mọi toan tính đều vì lợi ích cho mình; tích lũy tiền tài riêng tư cho quyến thuộc. Bận rộn cả đời, chỉ lo chuyện vợ con. Kết quả, không một giây phút rảnh rỗi. Tự mình trời buộc không lối thoát, có khác gì ong hút mật! Cả đời làm lụng này nọ, tạo bao nghiệp chướng, nên phải chịu quả xấu, phá vỡ chẳng được, nào khác chi tằm tự quán tơ! Cuối đời bị đọa lạc vào vạc lửa dầu sôi, ba đường ác. Hãy suy nghĩ kỹ càng!

Vì thế, mọi người phải y chiếu theo lời Phật dạy. Phải ăn chay trường suốt đời, chớ chỉ ăn chay tạm. Chẳng nên giết hại sinh mạng loài khác. Sao nhẫn tâm giết hại sinh mạng loài vật để bổ dưỡng cho thân mình? Thử xem lúc giết gà, nó tắt phải cổ kêu la bỏ chạy. Chỉ vì chúng ta mạnh nó yếu, không đủ sức đề kháng chống cự, nên phải chịu nhẫn thọ, nhưng lại tích oán trong tâm, để đợi đến đời sau, nếu có dịp sẽ báo thù. Hiện tại, các cường quốc dùng các loại vũ khí ác độc, hủy diệt các dân tộc nhược tiểu, cùng việc giết gà đồng nhau không khác.

Quý vị đã là Phật tử, nếu việc gì trái với sự lý, chớ nên làm càn. Phật pháp vốn chẳng có gì kỳ lạ, vì luôn tuân theo chánh tâm, thuận theo lý đạo.

Có nhiều người thấy tôi tuổi lớn cơ tuần, nên mỗi lần gặp mặt thì tham thảo tìm tòi thần thông tình tự; họ kiểm nghiệm coi tôi có biết đời quá khứ vị lai của người khác hay không, hoặc thường hỏi chiến tranh bao giờ kết thúc, thế giới bao giờ hòa bình! Thật ra, không những thiên ma ngoại đạo, mà ngay cả quỶ thần súc sanh cũng có năm loại thần thông. Những thần thông này, trong tự tánh vốn có đủ, chớ nên để tâm chú ý. Chúng ta học Phật pháp, phải vì việc minh tâm kiến tánh, giải

thoát sanh tử, phát tâm Bồ Đề, hành đạo Bồ Tát.  
Lời căn cốt thô thiển của tôi:

- Các việc ác chớ làm. Hãy nên hành các việc lành.

Không nên làm tổn hại người để lợi mình, mà phải tôn mình lợi người. Phải thường thiết thật hành trì giới; do giới sanh định, rồi do định sanh huệ. Tất cả việc đều tự biết tự thấy, thì việc quy y hôm nay chẳng phí uổng.

Vừa rồi có vài vị hỏi về yếu chỉ của kinh Lăng Nghiêm. Thế theo cơ duyên của đại chúng nơi đây, nay lược thuyết đại khái.

Ở Ấn Độ, bộ kinh này vốn có một trăm quyển, nhưng tại cõi này, chỉ phiên dịch có mười quyển. Bốn quyển đầu nói về việc kiến đạo. Quyển thứ năm, thứ sáu, và thứ bảy nói về việc tu hành. Quyển thứ tám và thứ chín bàn về chứng quả của cách tu tiệm thứ. Quyển cuối cùng nói về những vọng tưởng phát xuất từ các âm ma. Tôn giả A Nan vì đại chúng mà thị hiện hỏi đạo. Đầu tiên, Đức Phật chứng minh các pháp đều do tâm mà sinh ra. Vì tôn giả A Nan thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, như các màu sắc vàng tím hội tụ, nên sanh tâm thích mến. Phật hỏi:

- Những tướng này dùng vật gì để thấy?

Ngài A Nan đáp:

- Con dùng mắt để xem thấy tướng hảo thù thắng của Như Lai.

- Tâm và mắt trú tại nơi nào?

- Con quán thấy Như Lai, mắt xanh biếc như hoa sen, tại trên mặt của Ngài. Nay con quán thấy bốn căn phù trần ngay nơi trước mặt. Tâm thức này, thật trú tại trong thân.

Tâm chẳng ở trong, ở ngoài, hay chính giữa. Nếu không chấp trước mọi việc thì tâm không trụ nơi nào hết. Những vị tu hành không thể đắc được đạo Bồ Đề vô thượng chỉ vì không biết hai việc căn bản. Thứ nhất là cội gốc của sinh tử từ xưa đến nay; chúng sanh thường dùng tâm phân

duyên làm tự tánh của mình. Thứ hai là vô thủy Bồ Đề Niết Bàn, thể vốn thanh tịnh. Tuy nhiên, ngay nơi tánh thức sáng soi lại sanh ra các duyên. Do những duyên này, nên chúng sanh quên cội gốc tròn đầy trong sáng. Tuy cả ngày thường mang theo tánh giác mà chẳng tự giác, nên oan uổng đi vào ba con đường ác. Phải biết sanh ra các pháp, vì do tâm ảnh hiện. Mọi nhân quả thế giới vi trần đều do tâm tạo ra. Chúng sanh không thể thành tựu đạo Bồ Đề chỉ vì ngộ nhận khách trần phiền não là mình. Sáu trần là màu sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm, pháp. Sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Đó là mười hai xứ. Lại thêm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức; tất cả cộng thành mười tám giới. Đất nước gió lửa hợp với không đại, kiến đại, thức đại, làm thành bảy đại. Gom hết lại thành số hai mươi lăm. Từ đây, mỗi vị trong hai mươi lăm vị Thánh tự trần thuật và nói rõ nhân duyên cũng như đường lối tu hành nhập đạo thuở xưa.

Sống trong sáu đường luân hồi, dâm dục là gốc. Lưu chuyên trong ba cõi do ái làm căn bản. Ngài A Nan vì chúng sanh mà thị hiện tướng: Tuy bao kiếp tu hành, nhưng không thoát được nạn Ma Đăng Già. Trong các tội chướng, dâm dục đứng đầu. Vì dâm dục nhiều khiến tổn hại thân thể, nên giết hại sanh mạng chúng sanh để bổ dưỡng. Những tội ăn cắp nói láo v.v..., cũng theo đó mà phát sanh.

Ngài A Nan thấy ba mươi hai tướng tốt của đức Như Lai, như ánh sáng vàng tím hội tụ, nên đổi với sắc đẹp của Ma Đăng Già chẳng ưa thích. Trai thích nhìn gái đẹp, hay nghĩ tưởng mình là thân gái. Gái thích nhìn trai, hay nghĩ tưởng mình là thân trai. Những vọng tưởng điên rồ này, cả ngày cứ xoay vần trong tâm niệm. Ví như lúc nhỏ khi còn ở nhà chưa xuất gia, tôi thường để râu tóc, mặc đồ thế tục. Cả ngày giao tế, nghĩ tưởng những việc thế tục. Tối đến lại mộng thấy cha mẹ nội ngoại, quyến thuộc, và bao việc thế tục. Từ khi xuất gia, những việc làm và suy nghĩ không ngoài việc Phật sự. Tối ngủ, mơ thấy những sự không ngoài việc niệm Phật, v.v...





Lại nữa, năm loại hành tởi không thể ăn được, vì muốn tránh sự kích thích dục niệm. Trừ dẹp những trợ nhân đó rồi tu chánh tánh, tinh tấn chuyên cần, tự có thể từ từ thành tựu. Tự mình chuyên cần phấn tấn mà không Ý lại người khác.

Ngài A Nan là hoàng tử, cũng là em Phật. Ngài xả bỏ vinh hoa phú quý, theo Phật xuất gia, và hy vọng Phật sẽ tiếp tay giúp sức, chứng đắc quả vị. Tuy nhiên, nên biết phải tự tu tự chứng mà không thể nương nhờ người khác. Chúng ta nếu không làm biếng giải đãi, luôn phát tâm cần tu tinh tấn, thì sẽ chứng đắc các quả vị Bồ Tát như thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh, thập địa, cho đến đẳng giác, diệu giác. Ba cõi và sáu đường đều là huyền hóa, và vốn không ngoài một tâm. Tất cả tánh giác vi diệu trong sáng của chư Phật cũng không ngoài một tâm. Thế nên, tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không khác biệt. Đồng Tử Hương Nghiêm cũng có thể gọi là mũi của chúng ta. Bồ Tát Kiều Phạm cũng có thể gọi là lưỡi của chúng ta. Nhân địa và cách thức tu hành của hai mươi lăm vị hiền thánh tuy không đồng, nhưng sự tu hành chứng ngộ vốn không hơn kém.

Hiện tại, những người sơ phát tâm tu đạo có thể theo pháp tu của Bồ Tát thứ hai mươi bốn và hai mươi lăm, tức là ngài Đại Thế Chí và Quán Thế Âm mà hỗ tương dụng công. Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ là vị Phật kế tiếp sau Phật A Di Đà ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Sau Bồ Tát Quán Thế Âm, ngài Đại Thế Chí sẽ làm Phật tại cõi đó. Ngài Đại Thế Chí dùng pháp môn niệm Phật tu hành chứng được viên thông. Chúng ta cũng phải tu tập, niệm Phật để nhiếp thọ sáu căn, đạt được tịnh niệm tương tục, đắc tam ma địa (chánh định). Mười phương chư Như Lai đều lân mẫn thương xót chúng sanh, như mẹ thương con. Tuy nhiên, nếu con cứ chạy trốn mãi thì mẹ nhớ cũng chẳng có ích gì! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì mẹ con đời đời không xa cách. Nếu tâm chúng sanh thường nhớ Phật và niệm Phật thì đời này đời sau, quyết định sẽ thấy Phật. Bồ Tát Quán Thế Âm từ văn tự tu mà nhập vào tam ma địa; trên hợp với mười phương chư Phật, đồng một lực từ; dưới hợp với chúng sanh trong sáu đường, đồng một bi ngưỡng. Nếu gặp thiện nam tử thường trì năm giới thì Ngài sẽ hiện thân nam mà vì người đó thuyết pháp, khiến cho được thành tựu đạo Bồ Đề. Nếu gặp người nữ thường thọ trì năm giới, Ngài cũng sẽ hiện thân nữ mà vì họ thuyết pháp, khiến được thành tựu đạo Bồ Đề. Cứ như thế, trong ba mươi hai ứng thân hoặc hiện thân trời

người, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến thân Phật, cùng mười bốn lục vô úy, bốn pháp bất tư nghị, trải qua vô lượng kiếp, Ngài độ vô lượng chúng sanh. Chúng sanh vô tận, bi nguyện vô tận. Quý vị hãy tự suy gẫm! (còn tiếp)

Hán Sơn

Đại 22

tự tu học



Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

### 03. Từ Mẫu

Năm 1553, đời Gia Thanh thứ ba mươi hai, lên ngôi chẳng bao lâu, vua nhà Minh bỏ ra rất nhiều tiền tài và nhân lực, tu sửa Vạn Lý Trường Thành để chống lại những sự xâm lược của các bộ tộc bắc phương. Đương thời, quân Nhật Bản thường xâm nhập, cướp bóc dân chúng vùng đông nam duyên hải. Vì họa hoạn, rất nhiều dân chúng vùng Toàn Tiêu, sông Hoài, gần Nam Kinh bỏ nhà lánh nạn đến những nơi an ổn.

Đến năm bảy tuổi, do còn nhỏ lại thường bệnh hoạn, cả gia đình cha mẹ ông bà đều thương mến Ngài. Vì thế, trong một tháng Ngài thường nghỉ học cả nửa tháng. Do dạy dỗ không nghiêm của gia đình, Ngài chẳng thể không sanh tật làm biếng. Năm sau, lúc kiểm tra lại việc học, bà mẹ mới phát hiện vấn đề học hành bê tha của Ngài, nên rất lo lắng. Tuy sức khỏe là quan trọng, nhưng việc học cũng rất trọng yếu. Vào năm đó, bệnh tình của Ngài ngày một thuyên giảm, sức khỏe ngày một tráng kiện. Do đó, mẹ Ngài bèn thương lượng với ông chồng, quyết định gởi Ngài đi học tại một ngôi trường cách nhà một con sông. Trường đó, các thầy cô giáo đều là những nhà giáo nổi tiếng trong vùng Toàn Tiêu. Vì sông ngăn cách, việc qua lại rất khó khăn, nên Ngài ở trú tại nhà người chú. Mỗi tháng chỉ về thăm nhà một lần. Tuy rất thương mến, bà Thái Hồng Thị vẫn cứ gởi con mình đi học, chỉ vì muốn Ngài tập sống độc lập, tự biết lo học hành. Từ nhỏ, Ngài không thích chơi đùa với những đứa trẻ

đồng lứa. Tuy nhiên, vào lúc ấy Ngài vẫn là trẻ con, nên đối với cuộc sống mới, hoàn toàn bỡ ngỡ. Thế nên, vừa đến trường học, Ngài phải tập cách đùa giỡn với chúng bạn đồng lứa. Song, vì ả nhân không nổi, càng ngày Ngài càng muốn trở về nhà. Lần nọ, lúc về thăm nhà, Ngài không muốn trở lại trường học nữa, nên nài nỉ mẹ cho phép ở lại nhà thêm vài ngày. Trong quyển "Mộng Du Toàn Tập", kể rõ rằng từ nhỏ đến lớn, Ngài luôn luôn thương mến cung kính người mẹ. Bình thường, bà Thái Hồng Thị, vốn là bậc từ mẫu, rất thương mến nuông chiều Ngài. Song, lần này vì Ngài không muốn sang sông đi học, nên bà Thái Hồng Thị rất nghiêm nghị. Bà xách roi đánh đuổi Ngài ra tận bờ sông. Đến bờ sông, Ngài cũng không muốn lên thuyền. Bình thường, bà Thái Hồng Thị ít có nóng giận, nhưng ngày đó vì Ngài không nghe lời nên bà phát nộ dữ dội. Bà nắm đầu tóc Ngài, liệng xuống sông. May mắn, nơi bờ sông có rất nhiều người qua lại. Một người nọ chạy về nhà báo tin cho bà ngoại Ngài. Bà ngoại Ngài liền nhờ người chạy đến kéo Ngài lên bờ và dẫn về nhà. Ngài liền theo bà ngoại về nhà. Vừa thấy Ngài, bà mẹ liền mắng: "Không chịu qua sông đi học, trở về nhà làm chi. Thằng con cứng đầu, cứu nó làm gì?"

Nói xong bà liền lấy chổi đánh Ngài thêm vài roi. Ngài vừa khóc rống, vừa chạy né tránh roi của bà mẹ. Mẹ Ngài vừa đánh vừa mắng: "Mi là con trai, sao động chút xíu lại khóc?" Kể từ đó, nhờ sự giáo huấn nghiêm khắc của bà mẹ, Ngài không còn dám bỏ học, trở về nhà nữa. Thế nên, việc học ngày một tiến bộ.

Sau khi Ngài qua sông đi học, bà Thái Hồng Thị mới hiển lộ bản tánh của bà mẹ đối với đứa con trai tám tuổi. Bà đến bờ sông, khóc sụt nước. Bà ngoại Ngài thấy thế, bảo: "Tại sao mi còn khổ tâm? Lúc thằng con của mi trở về nhà chơi, mi lại vừa đánh vừa chửi mắng, muốn nó phải ra đi. Nay nó đã đi rồi, y như ý thích của mi. Vậy còn khóc lóc gì nữa?"

Bà Thái Hồng Thị thưa: "Thưa Mẹ! Vì con muốn nó cắt đứt tình cảm luyến ái gia đình, chỉ lo chăm chú học hành. Sanh ra nó, lẽ nào lại không thương mến? Nó là con trai, phải học hành đàng hoàng, để trở thành người hữu dụng sau này."

Từ đó, bà ngoại và bà mẹ Ngài thường dẫn nhau đến bên bờ sông, khóc vì thương nhớ Ngài.

Mẹ Ngài thật là một đáng từ mẫu chơn thật. Xưa nay, không bao nhiêu thiêu nhi hư hoại tài trí chỉ

vì tình thương nhu nhược của người mẹ. Lớn lên, Ngài thông cảm hiểu rõ thâm ý cung cách dạy dỗ của người mẹ. Sự khổ tâm lo lắng giáo huấn của bà Thái Hồng Thị thật không uổng phí, vì nhờ đó mà sau này Ngài trở thành một vị cao tăng.

Một năm sau, tức lúc chín tuổi Ngài từ từ biết cách học hành. Sống tạm nơi nhà người chú, mỗi ngày sau khi tan học, Ngài thường đến một ngôi chùa để học bài. Thời xưa, các học sinh thường đến chùa viện học hành vì những nơi đó thường có chư tăng học vấn thâm cao dạy dỗ. Lại nữa, nhờ phong cảnh thiên nhiên thanh tịnh trầm lặng, không có những thú vui ồn ào hấp dẫn, nên học sinh dễ dàng chú tâm vào việc học. Vì xa nhà, nên chùa viện thanh tịnh là nơi an ủi tâm hồn cô đơn của đứa bé như Ngài. Lại nữa, mỗi tối thường nghe tiếng tụng kinh của chư tăng, khiến rung động tâm linh không ít. Mỗi lần lên chánh điện, Ngài rất thích được nghe chư tăng tụng đoạn kinh: "...Phật bảo Vô Tận Ý: Nay Thiện Nam Tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh bị bao khổ não, được nghe danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, mà nhất tâm xưng danh hiệu của Bồ Tát. Bồ Tát Quán Thế Âm tức thời quán sát những âm thanh đó, thì những chúng sanh kia đều đắc được giải thoát khổ não. Người thường trì tụng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, nếu gặp nạn lửa lớn, lửa chẳng đốt cháy được, vì do oai thần lực của Bồ Tát. Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát, liền được đến chỗ cạn..."

Sau này, Ngài hỏi một chú tiểu về đoạn kinh đó. Chú tiểu đáp: "Đó là phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, nói về hạnh nguyện cứu độ chúng sanh khổ não của Bồ Tát Quán Thế Âm."

Ngài hỏi tiếp: "Hạnh nguyện cứu độ chúng sanh của Bồ Tát Quán Thế Âm như thế nào?"

Chú tiểu kia hiển nhiên biết mình không thể giải thích rõ ràng, nên chỉ việc tụng thêm một đoạn kinh của phẩm Phổ Môn: "Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh vì tìm cầu vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, vào nơi biển cả. Giả sử gió đen thổi thuyền kia đến nước quỷ La Sát. Trong đó, nếu chỉ có một người xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chúng như kia đều được giải thoát khỏi nạn quỷ La Sát. Do vì nhân duyên đó, nên gọi là Quán Thế Âm. Nếu có người sắp sửa bị hại, mà xưng hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đao kiếm của kẻ muốn hại, liền bị đoạn đứt, nên người kia đắc được giải thoát. Nếu trong ba ngàn đại thiên quốc độ, đầy cả quỷ Dạ Xoa, La

Sát, muốn đến não hại, nghe người xưng danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, thì các ác quỷ kia không dám dùng mắt dữ mà nhìn, hà huống gia hại. Lại nữa, nếu người có tội hay vô tội, cầm tù xiềng xích, mà xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì xiềng xích liền bị đứt đoạn, khiến được giải thoát..."

Khi ấy, tuy tuổi còn nhỏ nhưng học thức trí huệ của Ngài vượt hẳn lứa bạn đồng dạng. Nghe văn kinh của phẩm Phổ Môn, tuy không hoàn toàn am tường hết ý nghĩa, nhưng Ngài cũng hiểu đôi chút, nên rất lấy làm thích thú. Do đó, Ngài lập tức xin một bản kinh phẩm Phổ Môn, đem về nhà tụng niệm. Nếu có chữ nào không hiểu, Ngài thường đến hỏi thầy trụ trì. Thầy trụ trì thấy Ngài tuy nhỏ tuổi mà thích tụng đọc kinh điển, nên hết lòng chỉ dạy. Đôi khi thầy trụ trì cũng kể cho Ngài nghe về sự tích của lịch đại cao tăng như Đường Huyền Trang qua Ấn Độ thỉnh kinh, Đạt Ma Tô Sư ngồi thiền xoay mặt vào vách chín năm, v.v... (còn tiếp)



Hoà thượng Tuyên Hoá

**N**gồi Thiền, ngồi tới lúc : trong không có thân tâm, ngoài không có thế giới, xa gần đều trống rỗng, thì mới đạt đến chỗ không có ngã-tướng, không có nhân-tướng, không có chúng-sinh-tướng, không có thọ-giả-tướng; cũng là lúc "tâm quá khứ không có, tâm hiện tại không có, tâm vị lai cũng không có." Đạt tới cảnh giới này chưa phải là đắc được công phu thật sự, cũng chẳng có gì đặc biệt đâu. Dù quý vị ngồi được một giờ, hay ngồi được mười giờ, nhẫn đến ngồi suốt một tháng, mười tháng, đó chẳng qua là công phu của quý vị có được chút ít tương ưng, chỉ mới được chút ít cảnh giới khinh an mà thôi. Trải qua cảnh giới nhẹ nhàng khinh an, cứ tiếp tục tham Thiền thì quý vị sẽ nhập cảnh giới Sơ-Thiền.

Sơ-Thiền-Thiền gọi là "Ly Sanh Hỷ Lạc Địa," tức là cảnh giới xa rời những lạc thú của chúng sanh. Tại cảnh giới "Ly Sinh Hỷ Lạc Địa, quý vị rất mau nhập Định. Trong lúc nhập Định, hơi thở sẽ ngừng hẳn, không ra không vào, không đi không đến, giống như con rùa tới mùa đông thì rụt đầu vào mu, đỉnh chỉ sự hô hấp bên ngoài, song sự hô hấp ở bên trong vẫn tiếp tục. Đó là hiện tượng "đông miên." Người tham Thiền, khi nhập Định

thì ngừng thở, nhưng khi xuất Định thì vẫn hít thở như thường. Quý vị hãy chú ý! Tới cảnh giới này quý vị chớ khởi vọng niệm: "A! Ngừng thở rồi!" Khi vọng niệm ấy nảy sinh thì hô hấp sẽ tiếp nối ngay. Do đó không thể thiếu cảnh giác, bằng không quý vị sẽ lỡ mất cơ hội và phải làm lại từ đầu.

Từ Sơ-Thiền, nếu quý vị tinh tấn tu tập thì sẽ nhập Nhị-Thiền. Nhị-Thiền-Thiền gọi là "Định Sanh Hỷ Lạc Địa," tức là trong cảnh giới Định, niềm hỷ lạc sanh khởi. Nên có câu:

"Thiền duyệt vi thực, Pháp hỷ sung mãn".

(Thiền vị là thức ăn, sung mãn niềm vui Pháp.)

Nhập cảnh giới này, chẳng những ngừng thở, mà tim cũng ngừng đập. Mạch tim chỉ ngừng, chớ không phải đứt hẳn, nên khi xuất Định sẽ trở lại bình thường.

Từ Nhị-Thiền, nếu quý vị tiến tu thì nhập Tam-Thiền. Tam-Thiền-Thiền gọi là "Ly Hỷ Diệu Lạc Địa," nghĩa là xa rời mọi sự hoan lạc thô thiên, chỉ còn niềm vui vi tế, vô cùng vi diệu. Nhập cảnh giới Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, thì không những hơi thở ngừng, tim hết đập, mà ý niệm cũng dứt hẳn, hết như một người chết vậy. Lúc ý niệm dứt thì mọi vọng tưởng mông lung cũng dứt.

Khi hơi thở ngừng lại, máu huyết hết dưỡng khí, nên sự tuần hoàn cũng đình chỉ, do đó tim cũng không đập, không còn có mạch nữa. Lúc ấy tạp niệm chẳng còn. Giả sử hơi thở là gió, mạch là sóng, mà ý niệm là nước, nếu gió im thì sóng lặng, nước tự nhiên yên tịnh. Đó chính là đạo lý "gió ngừng, sóng lặng" vậy. Đây là tác dụng tạm thời lúc nhập Định, chứ không phải là dứt hẳn như khi chết. Lúc nào muốn phục hồi hơi thở hay mạch đập, thì chúng lại hoạt động bình thường.

Từ Tam-Thiền mà tinh tấn tu Thiền-định thì nhập cảnh giới Tứ-Thiền. Tứ-Thiền-Thiền gọi là "Xả Niệm Thanh Tịnh Địa," nghĩa là xả bỏ niềm vui vi diệu của Tam-Thiền, tâm niệm thanh tịnh. Hơi thở ngừng, huyết mạch ngừng, ý niệm ngừng; song cảnh giới ấy cũng phải xả bỏ luôn, thì lúc đó bản tánh Chân-như thanh tịnh mới hiện tiền. Cảnh giới này, quý vị chớ nghĩ lầm là xuất sắc hay đặc biệt, bất quá chỉ là ở cõi Tứ-Thiền mà thôi, chưa phải là cảnh giới chúng đắc Đạo-quả. Đây vẫn còn là địa vị phàm phu, bởi vì dục vọng chưa đoạn tuyệt. Từ cảnh giới này, nếu quý vị tu phép Tà-định của ngoại đạo thì sẽ nhập Vô Tướng Thiền, thọ hưởng cảnh giới vô cùng an

lạc. Nhưng nếu quý vị tu phép Chánh-định thì sẽ nhập Ngũ Bất Hoàn Thiên, tức là cảnh giới của bậc chứng quả.

Nếu chúng được Sơ-quả A-la-hán, tức là quả vị Tu-đà-hoàn, thì không những khi nhập Định không còn vọng niệm, mà khi đi đứng nằm ngồi đều chẳng có vọng tưởng, chẳng có chấp trước. Đạt được Sơ-quả thì chỉ mới đoạn được tám mươi tám phẩm kiến-hoặc (sự mê mờ do cái thấy) trong Tam-giới mà thôi. Hãy còn bảy lần sinh tử nữa, chứ chẳng phải chứng Sơ-quả là nhập Niết-bàn được đâu. Lúc chúng được Sơ-quả, bất luận là gặp cảnh giới gì cũng không bị dao động, "đối cảnh vô tâm" (gặp cảnh, không khởi tâm tưởng), duy chỉ có Đạo-tâm, chuyên nhất tu Thiên. Giả như cảnh giới bên ngoài có trang nghiêm, đẹp đẽ ra sao, như là gái đẹp, trai bảnh, cũng không thể làm cho tâm quý vị dao động. Lúc bấy giờ quý vị cũng chẳng tham tiền, tham sắc, tham danh, tham ăn, hay tham ngủ nữa. Mọi thứ đều không tham thì mới có thể gọi là chứng quả. A-la-hán Sơ-quả đi không gây ra tiếng động, bởi vì chân họ cách xa mặt đất ba phân. Vì sao vậy? Vì thánh-nhân đắc quả có lòng từ bi, sợ rằng sẽ đạp chết các côn trùng nhỏ, nên mới đi trong hư không.

Quý vị hãy chú ý! Không được tự xưng là đã chứng ngộ khi chưa chứng ngộ, hay là đã đắc quả khi chưa đắc quả. Như thế là phạm giới vọng ngữ, tương lai phải đọa địa ngục kéo lưỡi. Tôi phải nói trước cho quý vị rõ, còn tin hay không là tùy ở quý vị. Trong số Phật tử có kẻ chưa khai ngộ mà cứ tự rêu rao là đã khai ngộ, đó là hành vi không thể chấp nhận được. Dù thật quý vị đã khai ngộ, quý vị cũng không nên khoe khoang: "Tôi khai ngộ rồi! Tôi có Ngũ-Nhãn Lục-Thông rồi nè!" Quý vị chớ tự tuyên truyền, tự mình quảng cáo cho mình; vì như thế thật chẳng có ý nghĩa gì cả.

Ngay cả Phật và Bồ-tát, các Ngài cũng không tự tuyên truyền, tự quảng cáo. Nếu có ai biết vị này là Bồ-tát hay vị kia là Phật hóa thân thị hiện ở thế gian, thì các Ngài liền biến mất. Đời Đường có hai vị Đại-sur, một vị là Hàn Sơn, một vị là Thập Đắc. Hàn Sơn là hóa thân của Đức Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, còn Thập Đắc là hóa thân của Đức Phổ Hiền Bồ-tát. Cả hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc vốn là đồng tu rất thân với nhau. Ngài Thập Đắc khi còn thơ ấu được Phương-trượng Phong Can đem về Chùa Quốc Thanh nuôi nấng và dạy bảo. Ngài Thập Đắc chuyên việc nấu nước trong nhà trù và mỗi ngày góp nhặt đồ ăn thừa cho vào ống trúc đem cúng dường ngài Hàn Sơn. Ngài Hàn Sơn thì ngụ ở động Nguyệt-quang trên núi

Thiên-thai, mỗi ngày tới Chùa Quốc Thanh nhận đồ thừa để ăn. Hai ngài tâm đồng ý hiệp, thường cười đùa bốn cột với nhau, nên cả chùa ai cũng cho các ngài là hai người điên, chẳng ai đếm xỉa gì đến họ cả. Không ai biết rằng hai ngài là Bồ-tát hóa thân, du hý ở nhân gian để cứu độ những chúng sanh cần được độ.

Một hôm, quan Thái-thứ Lã Khuru Yên tới gặp Hòa-thượng Phong Can và hỏi rằng: "Thưa Thiên-sur, trong quá khứ chư Phật và Bồ-tát thường hóa thân tới thế giới này, vậy thời nay chư Phật và Bồ-tát có còn hóa thân tới cõi này nữa hay không?"

Ngài Phong Can đáp: "Có chớ! Bất quá ngài không nhận ra mà thôi. Bấy giờ tại Chùa Quốc Thanh núi Thiên-thai, vị Thầy chuyên nấu nước ở nhà trù chính là Phổ Hiền Bồ-tát đấy. Thầy có một người bạn là Hàn Sơn, tức là Văn Thù Bồ-tát. Sao ngài nói chẳng có ai?"

Lã Thái Thứ nghe xong rất vui mừng, bèn đi gặp đến Chùa Quốc Thanh để đánh lễ hai vị Bồ-tát Hàn Sơn và Thập Đắc.

Thầy Tri-khách Chùa Quốc Thanh thấy quan Thái-thứ đến viếng thì ân cần tiếp đãi. Nhưng khi nghe vị quan này muốn gặp Hàn Sơn và Thập Đắc thì ngạc nhiên vô cùng, chẳng biết vì sao ông ta lại muốn gặp hai người điên này. Tuy không hiểu được lý do, Thầy cũng dẫn quan Thái-thứ tới nhà trù. Bấy giờ đúng lúc hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc đang cười nói bô bô như hai kẻ điên khùng khiến ai cũng nực cười. Nhưng Lã Thái Thứ vô cùng cung kính đánh lễ hai Ngài, rồi cũng hết sức cung kính thưa: "Đệ tử là Lã Khuru Yên xin thỉnh cầu quý Đại Bồ-tát từ bi dạy bảo cho kẻ mê muội này!"

Ngài Thập Đắc hỏi: "Ông làm gì thế?"

Thái-thứ đáp: "Con nghe Hòa-thượng Phong Can dạy rằng hai Ngài là hóa thân của Đức Văn Thù và Đức Phổ Hiền. Bởi vậy con đặc biệt tới đây để xin đánh lễ và khẩn cầu quý Ngài khai thị cho con."

Ngài Thập Đắc nghe xong thì vừa thụt lùi vừa nói: "Ngài Phong Can nói nhầm! Ngài Phong Can nói nhầm! Ngài Phong Can là hóa thân của Đức A Di Đà, sao không lạy Ngài mà lại tới đây quấy rầy chúng tôi?"

Nói xong thì chạy ra khỏi chùa, lên tới động Nguyệt-quang núi Thiên-thai rồi, cả hai ngài nhập vào vách đá. Thái-thứ thấy vậy vô cùng thất vọng

bởi vì hai vị Bồ-tát đã ẩn mình trong vách đá, không ra nữa. Ông ta nghĩ thầm: "Thôi hãy về lạy Đức Di Đà vậy!" nhưng khi y về tới chùa thì mới hay Ngài Phong Can cũng đã viên tịch. Đúng là "đang diện thác quá" (vuột mắt cơ hội trước mắt). Cho nên có câu rằng:

"Đối diện với Đức Quán Thế Âm mà chẳng nhận ra được Ngài."

Trong Thiên-đường này cũng có Quán Thế Âm Bồ-tát, song tôi không thể tiết lộ cho quý vị biết được, để Ngài khỏi bị quý vị đuổi chạy mất!

(Thiền thất 12/1980)

## **Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh hiện ra mười việc**

1. Đại Bồ Tát lúc từ trời Đâu Suất giáng sinh, từ dưới chân phóng đại quang minh tên là : An Lạc Trang Nghiêm, chiếu khắp cõi đại thiên thế giới, tất cả các đường ác, những chúng sinh hoạn nạn được quang minh chiếu đến thân mình, thì liền được khỏi khổ được an lạc. Được an lạc rồi thì biết sắp có bậc Đại Nhân kỳ đặc xuất hiện thế gian. Đây là sự thị hiện thứ nhất.

2. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ trong tướng hào quang trắng giữa chạng mây, phóng đại quang minh tên là : Giác Ngộ Chiếu Khắp Đại Thiên Thế Giới, chiếu đến thân của các Bồ Tát đồng tu hành với mình từ đời trước. Các Bồ Tát đó được quang minh chiếu đến, biết đại Bồ Tát sắp giáng sinh, liền đem vô lượng đồ cúng dường đến chỗ đại Bồ Tát để cúng dường. Đây là sự thị hiện thứ hai.

3. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, ở trong bàn tay phải, phóng đại quang minh tên là : Thanh Tịnh Cảnh Giới, đều có thể trang nghiêm thanh tịnh tất cả đại thiên thế giới. Trong đó, nếu có hàng Bích Chi Phật chứng được vô lậu, thấy biết quang minh này, thời liền xả bỏ thọ mạng. Nếu những vị không hay biết thì oai lực của quang minh đời họ đến trong những thế giới phương khác. Tất cả các ma và các ngoại đạo, hàng chúng sinh có kiến chấp cũng đều dời đến thế giới phương khác, chỉ trừ những chúng

sinh đáng được hoá độ, do thần lực của Phật nhiếp trì. Đây là sự thị hiện thứ ba.

4. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ đầu gối phóng đại quang minh tên là : Thanh Tịnh Trang Nghiêm, chiếu khắp cung điện của chư Thiên, dưới chiếu đến trời Hộ Thế Tứ Thiên Vương, trên chiếu suốt trời Tịnh Cư. Chư Thiên trong tất cả cõi trời đều biết đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất sắp giáng sinh, tất cả đồng có lòng luyến mộ buồn than lo rầu, cùng nhau đem những tràng hoa, y phục, hương bột, hương thoa, phan lọng, kỹ nhạc, đến chỗ Bồ Tát để cung kính cúng dường, theo Bồ Tát hạ sinh cho đến vào Niết Bàn. Đây là sự thị hiện thứ tư.

5. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, trong tâm tạng kim cang trang nghiêm, nơi tướng chữ Vạn, phóng đại quang minh tên là : Vô Năng Thắng Trang, chiếu đến thân của tất cả Kim Cang Lực Sĩ, khắp trong tất cả mười phương thế giới. Bảy giờ, có trăm ức vị Kim Cang Lực Sĩ, đều vân tập theo hầu hạ đại Bồ Tát, từ lúc giáng sinh cho đến lúc vào Niết Bàn. Đây là sự thị hiện thứ năm.

6. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ tất cả lỗ chân lông trên thân, phóng ra đại quang minh tên là : Phân Biệt Chúng Sinh, chiếu khắp đại thiên thế giới, chạm đến thân của tất cả Bồ Tát, lại chạm đến thân của tất cả chư Thiên và người đời. Các Bồ Tát đó đồng nghĩ rằng : tôi phải ở lại đây để cúng dường đức Như Lai giáo hoá chúng sinh. Đây là sự thị hiện thứ sáu.

7. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ trong điện Đại Ma Ni Bảo Tạng, phóng ra đại quang minh tên là : Thiện Trụ Quán Sát, chiếu đến chỗ của Bồ Tát này sẽ sinh. Quang minh đó đã chiếu xong, những Bồ Tát khác đều theo dõi xuống cõi Diêm Phù Đề, hoặc ở nơi nhà, hoặc ở tụ lạc, hoặc ở thành ấp mà hiện thọ sinh, vì muốn giáo hoá các chúng sinh. Đây là sự thị hiện thứ bảy.

8. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ cung điện cõi trời và trong những đồ trang nghiêm nơi lầu các lớn, phóng ra đại quang minh tên là : Nhứt Thiết Cung Điện Thanh Tịnh Trang Nghiêm, chiếu đến bụng của mẹ sẽ thác sinh. Quang minh chiếu xong, làm cho Thánh Mẫu an ổn vui vẻ, thành tựu đầy đủ tất cả công đức. Trong bụng Thánh Mẫu tự nhiên có lầu

các rộng lớn trang nghiêm với đại ma ni báu, nơi đây là chỗ ở của thân đại Bồ Tát. Đây là sự thị hiện thứ tám.

9. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ dưới hai chân, phóng ra đại quang minh tên là : Thiên Trụ. Nếu chư Thiên tử và các Phạm Thiên sắp lâm chung, được quang minh chạm đến thân, thì thọ mạng được trụ thêm, cúng dường đại Bồ Tát từ lúc mới hạ sinh cho đến vào Niết Bàn. Đây là sự thị hiện thứ chín.

10. Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, lúc sắp giáng sinh, từ trong vẻ đẹp phóng ra đại quang minh tên là : Nhứt Nguyệt Trang Nghiêm, thị hiện những công nghiệp của Bồ Tát. Bây giờ, người và trời hoặc thấy Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất, hoặc thấy nhập thai, hoặc thấy sơ sinh, hoặc thấy xuất gia, hoặc thấy thành đạo, hoặc thấy hàng ma, hoặc thấy chuyển bánh xe pháp, hoặc thấy vào Niết Bàn. Đây là sự thị hiện thứ mười.

Đại Bồ Tát nơi thân, nơi toà, nơi cung điện, trong lầu các phóng ra trăm ngàn vô số đại quang minh như vậy, đều hiển hiện những sự nghiệp của đại Bồ Tát. Thị hiện sự nghiệp này rồi, vì đầy đủ tất cả công đức, nên từ cung trời Đâu Suất sinh xuống nhân gian. (Trích trong Kinh Hoa Nghiêm)

## Đại Bồ Tát thị hiện ở thai mẹ có mười việc

1. Đại Bồ Tát vì muốn thành tựu những chúng sinh tâm nhỏ hiểu kém, chẳng muốn cho họ nghĩ

rằng : Nay đức Bồ Tát này tự nhiên hoá sinh, trí huệ căn lành đều tự được, chẳng phải từ công phu tu tập. Vì nhân duyên đó, nên Bồ Tát thị hiện ở thai mẹ. Đây là việc thứ nhất.

2. Đại Bồ Tát vì thành thực cha mẹ và các quyến thuộc, những chúng sinh đồng tu căn lành từ đời trước, nên thị hiện ở thai mẹ. Tại sao ? Vì những người này cần phải thấy Bồ Tát ở thai mẹ mới thành thực những căn lành mà họ đã có. Đây là việc thứ hai.

3. Đại Bồ Tát lúc vào thai mẹ, luôn chánh niệm chánh tri không mê lầm. Đã ở thai mẹ, tâm Bồ Tát luôn chánh niệm cũng không lầm loạn. Đây là việc thứ ba.

4. Đại Bồ Tát ở trong thai mẹ, thường diễn nói pháp. Các đại Bồ Tát ở mười phương thế giới, cùng Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế Tử Thiên Vương, đều đến tụ hội, đều làm cho được vô lượng thần lực, vô biên trí huệ. Lúc ở

trong thai mẹ, đại Bồ Tát thành tựu biện tài, công dụng thù thắng như vậy. Đây là việc thứ tư.

5. Đại Bồ Tát ở trong thai mẹ nhóm họp đại hội, dùng sức bốn nguyện giáo hoá tất cả chúng Bồ Tát. Đây là việc thứ năm.

6. Đại Bồ Tát thành Phật ở trong loài người thì phải đủ sự thọ sinh tối thắng. Do nhân duyên này nên thị hiện ở thai mẹ. Đây là việc thứ sáu.

7. Đại Bồ Tát ở trong thai mẹ, chúng sinh trong đại thiên thế giới, đều thấy Bồ Tát như thấy bóng mình hiện rõ trong gương. Bây giờ, chư Thiên, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người .v.v, những hàng có tâm lớn, đều đến chỗ Bồ Tát, để cung kính cúng dường. Đây là việc thứ bảy.

### Các vị độc giả !

Kính thưa các vị độc giả! Báo Phật Pháp ra đời và phát hành đã sáu năm qua, mục đích là truyền bá Phật Pháp đến tất cả mọi người: Nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng tu tập trong cuộc sống, để chuyển hoá những tập khí mao bệnh của mình. Trước hết, xin tán thán hồi hướng công đức của các vị độc giả khắp nơi đã phát tâm cúng dường ủng hộ, hoặc thỉnh báo dài hạn, góp phần vào việc duy trì phát hành báo Phật Pháp cho đến ngày hôm nay. Nhưng gánh nặng lớn nhất vẫn là giá cước mỗi lần gửi đi, hơn nữa những người phát tâm nhận báo dài hạn thì ít, phần đông tùy hỷ sự phát tâm, cho nên gánh nặng càng ngày càng nặng thêm. Do đó, nếu không được mọi người phát tâm cúng dường ủng hộ đồng đảo, hoặc nhận báo dài hạn, thì kể từ nay trở đi, mỗi năm chỉ có thể phát hành 1 hoặc 2 số, chứ không được mỗi kỳ ba tháng, một năm 4 số như hiện nay. Mong các vị hoan hỷ, mọi việc đều tùy theo sự ủng hộ đồng đảo của quý vị. Nếu được nhiều người quan tâm ủng hộ hơn nữa, thì tờ báo Phật Pháp sẽ tiếp tục đều đặn mỗi kỳ 3 tháng.

### Chủ nhiệm báo Phật Pháp

8. Đại Bồ Tát ở trong thai mẹ, tất cả tối hậu sinh Bồ Tát ở trong thai mẹ trong mười phương, đều đến cùng hội họp diễn nói pháp môn đại tập tên là Quảng Đại Trí Huệ Tạng. Đây là việc thứ tám.

9. Đại Bồ Tát lúc ở trong thai mẹ, vào tam muội Ly Cấu Tạng. Dùng sức tam muội ở trong thai mẹ, hiện cung điện lớn trang nghiêm tốt đẹp. Cung trời Đâu Suất không sánh kịp. Nhưng thân mẹ vẫn an ổn vô sự. Đây là việc thứ chín.

10. Đại Bồ Tát lúc ở trong thai mẹ, dùng oai lực lớn sắm đồ cúng dường tên là Khai Đại Phước Đức Ly Cấu Tạng, khắp đến tất cả mười phương thế giới để cúng dường tất cả chư Phật Như Lai. Các Như Lai đó đều vì đại Bồ Tát mà diễn nói vô biên Bồ Tát ở pháp giới tạng. Đây là việc thứ mười. (Trích trong Kinh Hoa Nghiêm)

## Đại Bồ Tát có mười việc mà thị hiện đi bảy bước

1. Vì hiện sức lực của Bồ Tát, mà thị hiện đi bảy bước.

2. Vì hiện xả thí bảy Thánh tài, mà thị hiện đi bảy bước.

3. Vì làm cho Địa Thần mãn nguyện, nên thị hiện đi bảy bước.

4. Vì hiện tướng vượt khỏi ba cõi, nên thị hiện đi bảy bước.

5. Vì hiện bước đi tối thắng của Bồ Tát hơn hẳn bước đi của voi chúa, ngưu chúa, sư tử chúa, mà thị hiện đi bảy bước.

6. Vì hiện tướng kim cương địa, mà thị hiện đi bảy bước.

7. Vì hiện muốn ban cho chúng sinh sức dũng mãnh, mà thị hiện đi bảy bước.

8. Vì hiện tu hành thất giác bảo, mà thị hiện đi bảy bước.

9. Vì hiện pháp đã được chẳng do người khác dạy, nên thị hiện đi bảy bước.

10. Vì hiện là tối thắng ở thế gian không ai bằng, mà thị hiện đi bảy bước.

Đại Bồ Tát vì điều phục chúng sinh, nên thị hiện đi bảy bước như vậy.

## Đại Bồ Tát do mười việc mà thị hiện xuất gia

1. Vì nhàm ở tại gia mà thị hiện xuất gia.

2. Vì chúng sinh tham đắm tại gia, mà thị hiện xuất gia.

3. Vì tùy thuận tin mến đạo Thánh nhân, mà thị hiện xuất gia.

4. Vì tuyên dương khen ngợi công đức xuất gia, mà thị hiện xuất gia.

5. Vì hiển bày lìa hẳn kiến chấp hai bên, mà thị hiện xuất gia.

6. Vì làm cho chúng sinh nhàm lìa dục lạc và ngã lạc, mà thị hiện xuất gia.

7. Vì trước hiện tướng thoát khỏi ba cõi, mà thị hiện xuất gia.

8. Vì hiện tự tại chẳng hệ thuộc người khác, mà thị hiện xuất gia.

9. Vì hiển bày sẽ được mười lực không sợ hãi của Như Lai, mà thị hiện xuất gia.

10. Vì thân cuối cùng của Bồ Tát, pháp phải như vậy, mà thị hiện xuất gia.

Đại Bồ Tát dùng pháp xuất gia này để điều phục chúng sinh. (Trích trong Kinh Hoa Nghiêm)

## Ñāo traøng cuûa Boà Taùt

gày xưa ở một ngôi chùa lớn tại Trung Quốc, có một vị sư nổi tiếng là "khùng". Thầy không bao giờ ở chùa, quanh năm mặc cái y rách đi lang thang la cà khắp các trà đình tửu điếm, làm bạn với những kẻ côn đồ, nghiện ngập. Những kẻ này sau khi giao thiệp với Thầy, phần lớn đâm ra hiền lương và trở thành những hiệp sĩ ưa giúp đời.

Chúng tụ tập tại các bến chợ, đỡ đàn gánh nặng cho những người già yếu, sản phụ, trẻ con. Sau những giờ làm việc nghĩa, chúng hội họp lại ôn những lời dạy bảo của vị Sư khùng. Được biếu món gì ngon, chúng để dành cúng dường vị thầy yêu mến, vì lâu lâu chúng mới thấy được bóng dáng Thầy ngất ngưỡng trở về đô thị một lần. Thầy đi đâu? Thì ra chỗ hóa duyên của Thầy là một làng đánh cá ở biển. Thầy thường ở trong

làng ấy, thỉnh thoảng mới về chùa một ngày, vào các dịp giỗ lớn. Chúng Tăng trong Chùa rất bức bối về bề ngoài của Thầy khùng, thật là mất hết thể thống của một vị Tăng, nhất là khi họ thấy Thầy không trường trai như quy luật ở Chùa. Thầy không đòi ăn gì khác hơn đại chúng mỗi khi về chùa, nhưng buổi sáng Thầy về thì buổi chiều họ đã thấy "bồn đạo" của Thầy ở biển gánh tới Chùa một gánh cá biển, tôm, cua, đủ thứ sơn hào hải vị để cúng dường. Thầy quát mắng:

- Tiên sư tụi bay, tao ăn gì hết mà gánh tới nhiều dữ vậy? Lần sau có muốn đem cho, thì chỉ đem cho tao một con cá là đủ.

Một điều quái lạ là : mặc dù Thầy đối với họ có vẻ thô lỗ cục cằn, mà những dân đánh cá xem ra rất kính trọng Thầy. Họ xoa tay cười nhỉnh:

- Dạ để Thầy biếu bà con trong Chùa. Chúng con nghĩ là Chùa đông người.

- Ý, tụi bay ngu, các Thầy Chùa không nạp thứ này, hiểu chưa? Chỉ có tao thôi, về đi.

Họ riu riu kéo nhau về, hơn hờ sau khi cúng dường Thầy vài con cá, và được gặp Thầy. Đến giờ thọ trai, Thầy ngồi vào bàn chư Tăng, xách theo con cá biển mới lượ. Tăng chúng không chịu nổi mùi tanh, vác chén chạy, tránh ngồi gần Thầy. Thầy cười điềm nhiên gắp cá lượ, hề hề chấm nước tương ăn qua bữa.

Chỉ có vị Phương tượng hình như rất hiểu và thương Thầy, do đó Tăng chúng không dám bàn ra tán vào, mặc dầu thái độ ngênh ngang của Thầy. Vì lâu lắm Thầy mới về chùa, nên Phương tượng cùng ngồi chung bàn với các đệ tử vào những dịp ấy. Đó là một biểu lộ rõ rệt của lòng ưu ái nơi bậc Thầy khả kính. Có Thầy, vị Phương tượng vui hẳn lên. Hai Thầy trò đàm đạo rất tương đắc. Vị Phương tượng dường như không quan tâm mấy may tới mùi tanh nồng nặc của con cá Thầy đang ăn, mặc dù chính Ngài đang dùng rau lượ.

Trong bữa ăn ấy, Thầy khùng lơ "đánh rầm" kêu cái đùng. Thầy điềm nhiên bỏ đũa, ra trước đại chúng lạy ba lạy sám hối. Lạy xong, trở về chỗ cũ

tiếp tục ăn. Vài người không nhịn cười được, vừa ăn vừa cười khúc khích. Thầy quắc mắt, mắng:

- Tiên sư tụi bay, ta đã lạy sám hối, còn cười cái gì? Ngồi ăn trước mặt Thầy không được cười giỡn.

Băng đi một dạo khá lâu, Thầy không trở về chùa. Một buổi chiều nọ, Tăng chúng thấy Thầy thất thiếu bước lên đồi, dẫn đến chùa, mặt mày nghiêm trang khác hẳn mọi khi. Chúng ra chào Thầy:

- Hôm nay sao sư huynh nghiêm trang thế?  
 - Nay mai giỗ Tổ, về bái biệt Thầy đây.  
 - Sư huynh đi đâu.  
 - Về chùa Tổ.

### Ấn tống Kinh

◆ Vừa qua đã in xong **Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 1 & 2, Chú Lăng Nghiêm giải giải tập 1 & 2, và Kinh Pháp Hoa giải giải tập 1**. Đề do H.T Tuyên Hoá giảng giải. Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa. Bớt thí miễn phí, tuy nhiên các vị phải chịu cước phí gởi đến tận nhà.

◆ Sắp đến sẽ tiếp tục ấn tống **Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 3, Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 3, và Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 2**. Quý vị nào hùn phước ấn tống, công đức vô lượng.

Đại chúng cười rộ, không tin lời Thầy. Nhưng đến giờ ngộ hôm sau tắm rửa xong Thầy vào nhà thiền lạy vị Phương tượng ba lạy từ biệt và bảo đại chúng:

- Hãy lên chuông trống bát nhã đi. Tây phương Tam Thánh sắp đến rước ta rồi. Đại chúng chưa tin hẳn, nhưng nhìn ra thì cả làng đánh cá ùn ùn kéo lên chùa tiễn đưa Sư phụ của họ về Tây phương. Một mùi hương lạ xông khắp,

và trên hư không, mọi người đều trông thấy ba luồng ánh sáng chói lòa của Tây phương Tam Thánh (Di Đà, Quán Âm, Thế Chí) đến rước người con yêu dấu của các Ngài khi vị này đã mãn duyên hóa độ.

Ba hồi chuông trống vang rền trong khi Sư khùng điềm nhiên tọa tịch trong tư thế kiết già. Đại chúng rơi lệ sụp lạy sám hối trước con người mà họ thường báng bỏ vì không thể hiểu thấu hành tung của Ngài. Sau khi Ngài thị tịch, đại chúng hỏi vị Phương tượng:

- Bạch Thầy, thì ra sư huynh chúng con tu mặt hạnh khó nghĩ bàn. Nhưng tại sao người phải làm như vậy, sao không sống bình thường như những vị khác.

- Để hóa độ những dân dao búa, đệ tử ta phải làm như vậy. Nhờ ông ấy mà cả làng đánh cá mới quy y theo Phật, đa số bỏ hẳn nghề ác. Cho nên xét người, các ông chớ nên chỉ xét bề ngoài. Đức Phật đã dạy: "Nếu thấy tướng mà không chấp



tướng mới thấy được Phật", các ông phải nhớ lấy điều ấy.

"Hoa nở hoa tàn việc thế gian  
Đường tu tự tại cảnh thanh nhàn  
Việc gì cần đến thì ta đến  
Như vậy trần gian tức Niết bàn".

## Tam bộ nhất bái



Hằng Cự và Hằng Do  
Tiếp theo kỳ trước

**Ngày 18 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:**

C on đường chật hẹp lại khúc khuỷu và lõm chõm đầy sỏi đá. Thầy Hằng Cự biết ngay những viên sỏi đá bén nhọn này sẽ cào rách tay và đầu gối, nên chúng tôi phòng ngừa bằng cách xé áo quần quanh đầu gối.

Mấy hôm trước, cái quần tôi đang mặc trông cũng còn khá lắm, vậy mà bây giờ đã có nhiều chỗ bị mòn mỏng tanh, tôi lại vô ý không đem thêm cái nào để phòng bị. Sáng nay, khi đứng tại chỗ lạy để chờ sư huynh đến thì phía sau đít quần tôi bị tét ra. Cũng may là nhờ có cái y Cà sa che khuất chỗ rách. Tôi định lát nữa sẽ vá lại, nhưng càng tiếp tục lạy thì nhiều chỗ khác lại càng rách thêm ra. Thế này thì hết phương vá vú. Trong mấy ngày qua, người ta đã thấy có hai Tu sĩ Phật Giáo vừa đi vừa lạy trước công chúng, chỉ vậy cũng đủ làm họ sững sốt rồi, nói chi bây giờ lại trông thấy một ông Thầy tu lễ lạy với cái quần rách tả tơi thì thật là quá sức tưởng tượng! Chắc tôi sẽ bị bắt về tội phơi bày bất chánh quá! Gió lạnh biển Thái Bình Dương xuyên qua những lỗ rách khiến tôi càng rét buốt thấu xương. Khi Thầy Hằng Cự vừa lạy tới, tôi đề cập ngay đến thảm trạng đang cần một cái quần, nhưng sư huynh tôi cũng chẳng làm gì được hơn. Chúng tôi không có dư một cái quần nào và cũng không có tiền để mua quần mới. Nhiều người đi ngang qua cho tôi những cái nhìn thiệt là kỳ cục.

Tôi vác túi hành lý lên và bắt đầu đi về phía trước, đến ngay góc đường đầu tiên, chợt thấy một đồng vải màu nâu nằm chắn lối. Mừng quá, tôi chạy tới lượm lên, thì ra là cái quần tây đàn ông, cỡ (size) 34. Đúng là kích thước của tôi, không nhỏ quá, cũng không lớn quá, rất vừa vặn, thật là chuyện

**Phật pháp/Bouddhadharma 26**

khó tin. Tôi nhảy vào bụi rậm để mặc vào, thật hoàn toàn vừa vặn. Không biết vị Bồ Tát nào, hay ai đó đã để cái quần này ngay trên lối đi của tôi. Nhưng dầu sao đi nữa, tôi thật biết ơn vô cùng.

Hôm nay chúng tôi lạy xuyên qua ranh giới Tamalpais được sáu dặm và đang cắm trại trên đồi, giữa những hàng cây Bách Hương. Thật ra, chúng tôi không có lều chõng gì, mà chỉ có được tấm ni-lon, nhưng vậy cũng đủ để tránh những cơn mưa gió phủ phàng.



**Ngày 19 Tháng  
10 Năm 1973.  
Hằng Do viết:**

Trong ba ngày đầu tiên sống ngoài trời của chuyến đi, tôi đã đối diện với hàng triệu hình dạng của cuộc sống, như cây cỏ, côn trùng và súc vật. Dù cho số lượng có nhiều vô số kể, dù dưới mọi

hình thể khác nhau, nhưng tất cả không sớm thì muộn đều cũng phải chết. Mọi cuộc sống đều theo một khuôn mẫu là: Sinh, trụ, hoại và không. *Sanh* là do các yếu tố hữu duyên hợp lại tạo thành thân thể. *Trụ* là khoảng thời gian những yếu tố này còn trong tình trạng hòa hợp. *Hoại* là khi các yếu tố này tan rã. *Không* là khi sự liên hệ giữa chúng tuyệt nhiên chấm dứt và thân thể đó không còn tồn tại nữa.

Với khung cảnh bao la ngoài trời này, tư tưởng tôi không có những bức tường chướng ngại, nên tâm tôi như tựa vút lên tận trời cao và hòa lẫn vào những vì sao. Không có gì cản trở, tôi tiếp tục suy ngẫm đến những câu hỏi bất hủ về kiếp nhân sinh. Tôi là ai? Tôi đang đi về đâu? Các vị Thánh Hiền bảo rằng câu trả lời thì đang ẩn ở phía bên trong. Vậy thời việc báii hương này sẽ là một chuyến đi thuộc về tâm linh đó. Khi nào tôi phá vỡ được cái vỏ hư vọng của bản ngã, thì tất cả những phân biệt trong và ngoài sẽ biến mất, và tôi sẽ thấy thế gian này như là chính bản thân tôi. Thế nên đức Phật đã dạy về lòng Từ Bi, một khi biết được rằng bạn thực sự là tất cả, thì bạn sẽ đối xử tốt với tất cả.

**Ngày 20 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:**

Mưa tầm tã. Chúng tôi chậm chậm xuống đồi để ra xa lộ Một, khi tiến về hướng bắc, bờ biển Stinson, có ông say rượu hét Thầy Hằng Cự (từ khoảng cách an toàn): "Ê! Thăng hê. Cút đi!"

Sau một ngày mệt mỏi, chúng tôi dựng lều trên một đồi cỏ nuôi bò, hướng về phía bờ biển. Giờ đây, tôi vừa ghi chép vừa nhìn chăm chăm vào ngọn lửa nhỏ mà chúng tôi đã xoay trở lăm mới nhúm cháy được. Sẽ có ai đó thấy được những làn khói bay ra từ mấy nhánh củi ướt, rồi đến bắt chúng tôi về tội cấm trại bất hợp pháp chăng? Không đâu! Gió biển mạnh đã thổi tan cả rồi! Chúng tôi cũng vẫn dựng lều bằng mấy tấm ni-lon để nghỉ cho qua đêm dài lạnh lẽo. Năm dặm thật là một đoạn đường dài để quỳ lạy. Thầy Hằng Cự nói là lúc nào cũng thích đi du lịch, nhưng theo tôi nghĩ thì chuyến bái hương này còn có giá trị hơn là chuyện đi lang thang không mục đích. Vì hiện tại chúng tôi đang làm một việc có lý do, có mục tiêu. Tôi cảm thấy sự hiện diện của chúng tôi ở ngoài này thật là chánh đáng. Khi nghĩ lại cuộc đời mình, tôi cảm thấy thật đã lãng phí bao nhiêu là sức lực, và thời gian vô ích trôi qua, nên tự nguyện với lòng mỗi ngày sẽ tinh tấn hơn.

**Các vị nào ở ngoại quốc, phát tâm cúng dường làm Chùa mới, có thể chuyển thẳng vào trưởng mục của Chùa : Association Culturelle Bouddhiste Pagode Kim Quang. Số compte : 2879124 N.**

(còn tiếp)

## **DỰ ÁN ĐỔI CHÙA MỚI**

**Quý Vị Thiện nam Tín nữ Phật tử**

Tục ngữ Việt Nam mình có câu nói bất hủ :

“Mái Chùa che chở hồn dân tộc  
Nếp sống muôn đời của tổ tông”!

Không biết tự bao giờ, mái Chùa đã gắn liền với biết bao tâm hồn của người con Phật, đã đào tạo ra không biết bao người thế hệ con Phật, xuất gia lần tại gia, và là nơi tu tập, trở về cội nguồn tâm linh của tất cả mọi người. Mái chùa là nơi hoàng pháp lợi sinh, dù bất cứ sống ở đâu, chúng ta cũng không thể thiếu được mái Chùa, vì ở đâu có Chùa, thì ở đó có Phật, Pháp, và Tăng, Tam Bảo, là người suốt an lạc bất tận trong kho tàng Phật tánh của mỗi con người. Chúng ta nương Tam Bảo để quay trở về với tự tánh Phật của chính mình. Tu nhân tích đức, tài bồi phước huệ, lâu dần sẽ rộng lớn, làm sơ cơ cho nền tảng hướng về sự giác ngộ giải thoát.

Kính thưa quý vị ! Như các vị cũng biết, Chùa Kim Quang hiện tại, mỗi khi có ngày lễ lớn chánh điện quá nhỏ, chỉ chứa được mấy mươi người, những người đến dự lễ ai ai cũng đều muốn có chỗ ngồi để tụng Kinh, lễ Phật, nghe pháp. Nhưng mỗi khi đến trễ, phải ngồi ở nhà dưới hoặc ở ngoài sân, đành phải chịu vì “**Chánh điện đã hết chỗ**”. Mùa hè còn được, chứ mùa đông lãnh lẽo thì chịu sao thấu ! Chưa nói tới chỗ thợ trai ngoài sân, gặp những ngày trời tốt thì không có vấn đề gì, chứ gặp những ngày trời mưa thì khỏi nói, sợ “**sập mái che**” bằng nhựa, vì cái mái che bằng nhựa không thể chịu đựng nước mưa được. Gặp lúc trời mưa to gió lớn, cả chùa đều lo lắng. Do đó, chánh điện và trai đường rộng rãi là điều rất cần thiết cho ngôi chùa. Nhưng phải chờ đợi nhân duyên thôi !

Vừa qua, có tìm được một cái nhà (villa), ngoài phía sau có cái xưởng, tương đối rộng rãi, chính giữa có thể làm Chánh điện, hai bên làm trai đường, ở

dưới sous-sol (tầng hầm) làm phòng ngủ cho cư sĩ, có các văn phòng làm việc, và có đầy đủ các phần phụ. Thiết nghĩ, đây là nơi làm Chùa thật lý tưởng, vì chỗ này cách Chùa Kim Quang hiện nay khoảng 5 phút lái xe. Bên cạnh đó cũng gần trạm xe bus và nhà ga (ở Aulnay cạnh Bondy, khu này rấy yên tĩnh).

Qua những điều kiện thuận tiện để làm Chùa vừa kể ở trên, Thầy muốn “bán Chùa Kim Quang cũ” này, để mua cái nhà (villa) như đã nói ở trên làm Chùa Kim Quang mới. Nhưng số tiền bù vào cũng phải hơn vài trăm ngàn Âu kim nữa. **Vì hoàng dương Phật pháp, tạo nơi tu tập lâu dài cho quý Phật tử xa gần.**

“Người trồng cây hạnh người chơi  
Ta trồng cây phúc để đời về sau”.

Kính mong quý vị Thiện nam Tín nữ Phật tử xa gần, phát tâm cúng dường ủng hộ, hoặc cho Chùa mượn theo khả năng của mình, để sớm có “**ngôi Chùa mới**”. Sự **phát tâm cúng dường ủng hộ**, hoặc cho Chùa mượn “**phần hội thiện**” là **góp phần công đức rất tích cực**, để “ngôi Chùa mới” sớm được thành tựu.

Nguyện cầu chư Phật thùy từ gia hộ cho Quý Vị Phật tử xa gần thân tâm thường an lạc, tâm bồ đề tăng trưởng, luôn sống hạnh phúc an vui dưới ánh từ quang của chư Phật.

# Le Sutra du Merveilleux Dharma du Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu



## La suite

Le Supérieur dit : Vous ne comprenez pas ! Le pauvre qui a offert une pinte d'huile dépensait tout l'argent qu'il possédait pour l'acheter. N'est-ce pas une preuve de sa sincérité. Celui qui achetait trois cents pintes était très riche. Non seulement il a pu acheter trois cents pintes, mais il aurait pu en acheter cent fois plus sans aucune difficulté ; son offrande ne lui coûtait guère. Le mendiant, d'un cœur sincère, a fait un grand sacrifice en renonçant à ce qui lui tient beaucoup à cœur. Il s'est dépouillé de toute sa richesse pour son offrande. S'il n'était pas un protecteur du Dharma, aurait-il pu faire quelque chose comme cela. C'est pourquoi je suis allé l'accueillir et l'ai invité à partager le déjeuner. Tandis que l'autre extrêmement fortuné et une offrande de trois cents pintes représente très peu pour lui, comme un minuscule poil perdu sur la peau de neuf vaches. Pourquoi aurais-je dû m'occuper de lui ?

D'après cet exemple, vous vous apercevrez que pour faire offrandes au Triple Joyau, vous devez parfois renoncer à des choses qui vous tiennent profondément à cœur, ainsi votre don sera d'autant plus méritant. Ceux qui connaissent la prospérité n'ont pas amassé leur fortune dans cette vie présente. Parce que dans les vies passées, ils étaient capables de renoncer à ce qui était difficile à renoncer et accomplir ce qui était difficile à

accomplir, c'est pourquoi ils vivent à présent dans la prospérité.

C'était l'explication donnée par le Supérieur aux moines et novices. A ces propos, ces derniers comprirent que pour faire offrandes au Triple Joyau, on doit le faire d'un cœur véritable et sincère.

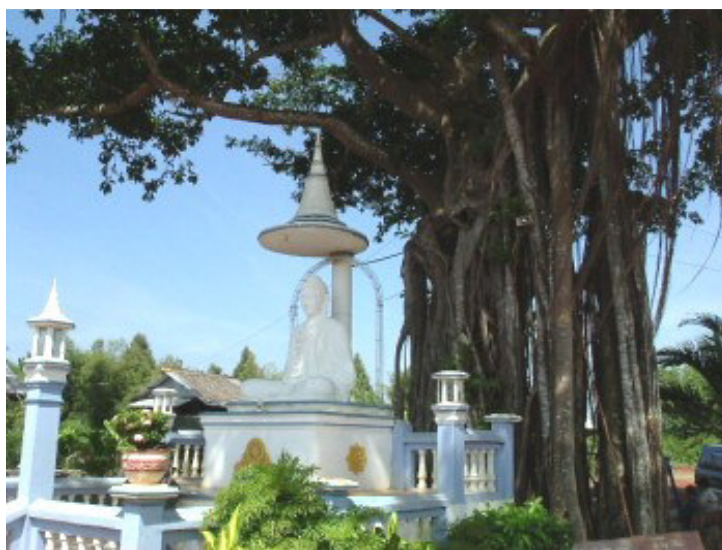
HONORE. On honore à la fois par le corps et l'esprit. On ne doit pas seulement honorer par le

corps et délaissier l'esprit. L'inverse est aussi vrai. C'est ensemble de corps et d'esprit qu'on doit honorer de façon indissociable. C'est ce que veut dire Honoré.

VENERE signifie ne pas manquer de respect. FAIRE L'ELOGE veut dire glorifier le Bouddha avec des poèmes qui se comptent par

milliers racontant qu'il est rare de rencontrer le Bouddha.

Sutra : **Dans l'intérêt des Bodhisattvas, un Sutra du grand véhicule intitule les principes illimités décrivant une doctrine qui visait à informer les Bodhisattvas de quoi le Bouddha était protecteur et des sujets qui le préoccupaient.**



Commentaire : DANS L'INTERET DES BODHISATTVAS. Il existait un Sutra du Grand Véhicule intitulé le Sutra des Principes Illimités. Le Bouddha l'avait expliqué avant même d'exposer le Sutra Du Dharma de la Fleur. Il présentait le Sutra des Principes Illimités comme UNE DOCTRINE POUR INFORMER LES BODHISATTVAS DE QUOI LE BOUDDHA ETAIT PROTECTEUR ET DES SUJETS QUI LE PREOCCUPAIENT.

A cette époque, six miracles s'étaient manifestés. Quels étaient ces six miracles ?

1. Le miracle d'exprimer le Dharma
2. Le miracle d'entrer dans le Samadhi
3. Le miracle de faire pleuvoir des fleurs
4. Le miracle de faire trembler la terre
5. Le miracle d'enthousiasmer des rassemblements

6. Le miracle de projeter de la lumière  
Ces six miracles avaient réellement existé. Je peux me tromper mais à ce sujet je ne pense pas être dans l'erreur. Je ne pense pas que ma mémoire soit aussi mauvaise. Effectivement, il s'agit bien de ces six miracles et nous allons en parler du premier : le miracle d'exprimer le Dharma.

Certains peuvent se demander : Mais pourquoi le Bouddha ne parle plus guère du Dharma et est entré dans le samadhi. Pourquoi des événements aussi communs deviennent-ils tout à coup des miracles de bon augure ? Car cette fois-ci, après avoir parlé du Dharma, le Bouddha entra dans le samadhi. Après cet événement, tomba une pluie de fleurs, suivie d'un tremblement de terre. Tout le monde s'en réjouissait et le Bouddha émit de la lumière du sommet de la tête.

DANS L'INTERET DE TOUS LES GRANDS BODHISATTVAS, EXISTAIT UN SUTRA DU GRAND VEHICULE. Les Bodhisattvas désignaient les quatre-vingt mille Mahasattvas présents dans le rassemblement du Dharma de la Fleur. Ils étaient tous de grands Bodhisattvas venus pour écouter le Sutra du Grand Véhicule. Qu'est-ce qu'un Sutra du Grand Véhicule ? Il était caractérisé par les sept qualités du Grand Véhicule, cultivées par les Bodhisattvas du Grand Véhicule :

1. La grandeur du Dharma. Le Tripitaka entier, avec ses douze Divisions des Textes du Sutra, est contenu dans les Sutra du Grand Véhicule. Le Petit Véhicule est compris dans le Grand Véhicule mais le Grand Véhicule n'est pas compris dans le Petit Véhicule. Alors, le Dharma est donc avant tout infiniment grand.

2. L'importance de la naissance de la pensée  
Que signifie : « La naissance de la grande pensée ». Il s'agit de faire naître la grande pensée de Bodhi, pas la petite pensée de Bodhi. Ainsi à partir de la pensée d'un profane jusqu'à la réalisation de l'éveil de Bouddha, on ne quitte jamais la grande pensée de Bodhi.

3. Pénétrant la grande mine de connaissances.  
C'est-à-dire comprendre les doctrines contenues dans la connaissance du Bodhisattva du Grand Véhicule. Le Grand entrepôt est celui du Bodhisattva. Pénétrer les doctrines de la mine de connaissances du Bodhisattva et pratiquer selon les Dharmas de l'entrepôt du Bodhisattva, c'est ce que signifie pénétrer la grande mine de connaissances.

4. L'importance de la pureté.  
Les Bodhisattvas qui étudient le Grand Véhicule peuvent voir la voie. Leurs cœurs sont grands, immaculés, purs.

5. L'importance de l'ornement. Avec quoi s'ornent-ils ? Ils s'ornent de bénédiction de la vertu et de sagesse.

6. L'importance du temps. Ils traversent trois grands Asankheya kalpas. Cette sixième qualité peut aussi être comprise comme l'importance de la cause.

7. L'importance de la perfection. La perfection fait allusion à l'accomplissement des six perfections et des dix mille conduites vertueuses. Ils s'ornent des caractéristiques et obtiennent le fruit du Bodhi. Ainsi, cette septième qualité peut aussi être expliquée comme la grandeur du fruit ou du résultat.

Ces sept qualités caractérisent le Grand Véhicule. Tout le monde l'affirme. Quelle en est la raison. Qu'est-ce que le Mahayana ? Quelle est sa taille ? Me demandai-je. Quelles qualités de grandeur se rapportent-elles au Grand Véhicule. Ils n'ont pas su me répondre.

Connaissant à présent les sept qualités du Grand Véhicule, nous pouvons remarquer qu'elles diffèrent légèrement des sept qualités d'un Mahasattva qui ont été décrites auparavant. C'est pourquoi on dit que le Grand Véhicule était exposé dans l'intérêt des Bodhisattvas.

SUTRA est un texte. Le mot sutra a déjà été discuté. Il s'agit d'un caractère Sanskrit désignant un texte de référence car il correspond d'une part aux principes de tous les Bouddhas et d'autre part aux occasions pour instruire les êtres vivants. Il a aussi beaucoup d'autres significations qui n'ont pas besoin d'être répétées ici. (à suivre)

# LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

**E**h alors, dit l'autre. Les pagodes en argent "sont tout aussi spéciales, nous devrions continuer à nous prosterner." Ils se prosternaient durant environ une demi-heure, une heure ou peut-être seulement vingt minutes ; il n'y avait pas de montre, donc impossible de savoir l'heure exacte. De toute façon, les jambes du moine commencèrent à lui faire mal de nouveau et il les déplia et les allongea paresseusement, juste comme vous faites quand vous êtes fatigués en pratiquant la méditation. "Et si je m'allonge." Se dit-il. Juste à ce moment, les deux fantômes qui se prosternaient entrevoyaient la pagode se changer en un tas de boue. "Hé ! Regardez cela !" Cria l'un. "Vite ! Battons le." Pressentant que les fantômes allaient le rosser, le moine trembla de peur se remit adroitement en position du lotus juste à temps. "Oh ! Crièrent ensemble les deux fantômes. Il doit y avoir des reliques du Bouddha à l'intérieur. Il se passe des changements étranges. Une minute, c'est une pagode en or, ensuite une pagode en argent et puis elle se change en boue. Nous devrions continuer à nous prosterner quoi qu'il se produise prochainement !" Et ils continuaient à se prosterner sans interruption jusqu'à l'aube.

Cet incident avait un effet durable sur le fantôme qui récitait les Sutras et les confessions. Il réfléchissait : "Si je me mets en position du plein lotus, il y a une pagode en or, si je mets en demi lotus, il y a une pagode en argent et si je ne fais rien du tout, il n'y a rien qu'un tas de boue. Je ferais mieux de commencer à pratiquer la méditation et d'arrêter de réciter les Sutras et les confessions." Il s'est mis à travailler rigoureusement. Après avoir pratiqué un certain temps, il devint finalement éveillé et reçut le surnom Maître du Dharma Kuei Pi, Pressurisé par les fantômes, parce que si ce n'était pas grâce à ces deux fantômes qui menaçaient de le battre, il aurait pu continuer à temporiser et ne jamais trouver le temps de pratiquer.



**Sutra : Il ordonnait à Manjusri de prendre le Mantra et d'aller le protéger, et quand le Mantra maléfique fut détruit, il soutenait et encourageait Ananda et la fille de Matangi à retourner au lieu où se trouvait le Bouddha.**

Commentaire : Secourir une personne stupide demande une personne d'une grande sagesse. Bien qu'Ananda eût réalisé la première étape de l'état d'Arhat, sa force de Samadhi n'était pas assez forte pour l'empêcher d'être troublé par le Mantra maléfique de Matangi. Pour le sauver, le Bouddha manifestait cent rayons de lumière ornée et un lotus à mille pétales et une émanation du Bouddha pour enseigner le Mantra Shurangama. Mais Ananda était trop loin et alors le Bouddha voulait qu'un membre de la Sangha prenne le Mantra et se rende sur place pour secourir Ananda.

ALORS, IL ORDONNAIT À MANJUSHRI DE PRENDRE LE MANTRA ET D'ALLER LE PROTEGER. Il devait aller à la maison de la prostituée, la maison de Matangi, pour secourir et protéger Ananda. Dans le Mantra Shurangama il y a plusieurs expressions, qui sont utilisées spécialement pour détruire les dharmas des autres religions. Et leur efficacité fut sans égal. Dès que Manjusri alla chez Matangi et récita le Mantra Shurangama, le Mantra maléfique fut détruit. L'ancien Mantra du ciel Brahmâ n'était plus efficace.

Le Bodhisattva Manjusri avait ensuite besoin de prêter son soutien et d'encourager Ananda et la fille de Matangi à retourner au lieu où se trouvait le Bouddha.

Ananda troublé par le Mantra maléfique était juste sur le point de briser ses vœux. Il fut ainsi désorienté et n'avait aucune idée où il se trouvait. Comme s'il venait de se réveiller d'un rêve. Alors le Bodhisattva Manjusri lui prêta son soutien, l'empoigna et le réprimanda.

"Pourquoi encourageait-il la fille de Matangi ?"  
Demandez-vous.

S'il ne l'avait pas encouragée à ce moment là, sa propre vie aurait été en danger et peut-être aussi bien la sienne. Elle était si angoissée. Elle aurait pu essayer de tuer le Bodhisattva Manjusri pour avoir enlevé celui qu'elle aimait tendrement. S'il ne l'avait pas rassurée à ce moment-là, elle aurait pu se mettre en colère. Qui sait ce qu'elle aurait pu faire du fait de sa jalousie.

Alors le Bodhisattva Manjusri dit : "Vous êtes une très belle femme. Je suppose que vous êtes aussi bonne. Venez donc avec moi et nous allons voir le Bouddha et verrons si vos désirs pourront être exaucés. Je dirai un mot en votre faveur. Tout ira bien, je suis sûr." Il choisissait ses mots prudemment, convenablement,

étant discret et ayant du tact pour ne pas réveiller sa colère ou l'amener à se faire mal ou se tuer. Manjusri soutenait Ananda et encourageait la fille de Matangi à retourner à l'endroit se trouvait où le Bouddha, la sublime demeure dans le Bosquet de Jeta.

De "Ainsi j'ai entendu" jusqu'à ce point, le texte est appelé la préface. La préface comprend le témoignage de la foi, c'est-à-dire la partie qui complète les six réalisations et certifie que le Sutra peut être cru.

La préface entière est appelée aussi le post-scriptum, bien qu'elle survînt au début du Sutra.

"Cela n'est-il pas une contradiction ?" On peut se demander.

"Comment peut-il être à la foi une préface et un post-scriptum."

Quand le Sutra fut enseigné initialement, cette partie du texte n'avait pas existé. Elle fut ajoutée par Ananda au moment où les Sutras furent

compilés, et pour cette raison est appelé post-scriptum.

La préface est aussi la préface générale parce que les autres Sutras ont aussi des préfaces semblables. Elle est appelée aussi bien l'avant-propos, parce qu'elle est placée au début du Sutra, même si elle fut ajoutée après que le Sutra fût enseigné.

La deuxième partie de la préface est appelée le prologue. Il explique les causes et les conditions concernant Ananda et la fille de Matangi, emmenaient à parler de ce Sutra.

Il est important pour ceux qui étudient le Bouddhadharma d'être capables de distinguer les différentes parties du texte. De cette manière on peut arriver à pénétrer profondément l'entrepôt du Sutra. Se frayant votre chemin, vous arriverez à avoir la sagesse semblable à l'océan.

En fait, vous devriez penser de cette façon : "C'est moi qui enseigne ce Sutra. Ses principes viennent de mon cœur." Si vous pouvez penser aussi, le Sutra et votre substance fondamentale se

fusionnent alors il n'y aura pas de profondeur de bas-fond.

Vous ne penserez plus que l'étude des Sutras est difficile mais la considérez comme une matière.

Le texte du Sutra Shurangama est extrêmement bien écrit. Parmi tous les classiques chinois, les quatre livres, les cinq classiques, aucune œuvre littéraire n'est aussi belle. C'est le texte que j'aime le plus. Mon disciple Heng Ting, à Hong Kong, peut réciter ce texte entier de mémoire sans faute. Il connaît aussi le Sutras du Lotus entièrement par coeur. Il lui a fallu cinq ans pour les mémoriser. Je considère le Sutra Shurangama comme le sommet des textes littéraires extrêmement merveilleux. Les gens qui désirent étudier le chinois ne devraient pas rater l'opportunité de pénétrer le texte du Sutra Shurangama. Celui qui l'aura sû une base profonde dans la langue chinoise et sera capable de comprendre toute la littérature chinoise.

(à suivre)



**Ce pilier souvient l'endroit où  
Bouddha était né.**



Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

27. SWO HE SWOLA MWO  
TWO NAN.

Poème :

Les immortels célestes dans le trichiliocosme,  
Avec patience et persévérance, pratiquent  
pieusement la voie.

Nous devrions prendre refuge à la fois en les saints  
et les mortels ordinaires et les vénérer.  
Pour bannir complètement notre propre arrogance et  
orgueil.

Commentaire : Les immortels célestes dans le  
trichiliocosme. SWO HE SWO LA est du Sanscrit  
est traduit comme trois milles grands milles mondes.  
C'est le monde où les dieux et les immortels vivent,  
pratiquent et persévèrent. Les immortels célestes  
désignent les immortels dans le monde Saha. Saha  
veut dire supportable.

Avec patience, et persévérance, pratiquez  
pieusement la voie. Dans le passé quand ils  
pratiquaient la voie, ils pratiquaient la patience et les  
Dharmas de la persévérance et ils étaient  
extrêmement sincères dans leur pratique. « Nous  
devrions prendre refuge à la fois en les saints et les  
mortels ordinaires et les vénérer ». A l'égard des  
profanes qui pratiquent la voie ainsi que ceux qui  
sont dans les mondes célestes, les uns sont des saints  
et les autres sont des êtres ordinaires qui ne sont pas  
sortis du cycle des existences, nous devrions les  
respecter tous. Nous devrions être très, très  
respectueux envers eux. Pourquoi ? Pour bannir  
complètement notre propre arrogance et orgueil. La  
pire chose pour des gens qui pratiquent la voie est  
d'être arrogant et égoïste. Songez y vous-même.  
Afficher une telle attitude est si terrifiante. Ainsi,  
lorsqu'on quitte la vie de famille, on est censé être  
un modèle pour les dieux et les êtres humains,  
encore ne devrait-on pas être arrogant. Déracinez  
jusqu'à la moindre dernière velléité d'arrogance en

vous. Si vous affichez l'arrogance, il vous est  
difficile de pratiquer la voie.

Mantra :

28. NA MWO BA LA HE  
MWO NI.

Poème :

Le Grand Roi Brahmâ est pur et à l'écart des  
souillures.

Son impressionnant mérite est majestueux et  
extrêmement embelli.

L'enseignement des Brahmanes le prend  
comme leur chef religieux.

Avec peu de désirs, connaissant le  
contentement, il est naturellement paisible.

Commentaire : Cette ligne désigne le respect et  
la prosternation pour le Roi du Ciel du Grand  
Brahmâ et l'Assemblée du Ciel du Grand  
Brahmâ. NA MWO BA LA HE se traduit  
comme étant à l'écart des souillures. Ceci  
signifie abandonner toutes sortes de souillures  
et cultiver des pratiques pures. Le Grand Roi  
Brahmâ est pur et à l'écart des souillures. Le  
Grand Roi du Grand Ciel Brahmâ est celui qui  
cultive des pratiques pures. Son impressionnant  
mérite est majestueux et extrêmement embelli.  
Parce qu'il cultive des pratiques pures et  
observe les préceptes, il a une vertu  
impressionnante. Il est à tel point majestueux  
qu'on en vient à trembler de peur. Il inspire une  
crainte révérencieuse dans la maîtrise de soi.

Mantra :

29. NA MWO YIN TWO LA  
YE.

Poème :

Le Seigneur du Ciel, le vrai dieu ou Indra,

Il dispense le provisoire dans l'intérêt du réel ; il est un grand Bodhisattva.

Accumulant le bien, cultivant les bénédictions, il pratique les six Paramitas.

Les dieux Brahmâ et les assemblées des saints, tous le tiennent en estime.

Commentaire : De la première ligne du Mantra Shurangama, NA MWO SA DAN TWO SU CHYE DWO YE E LA HE DI SAN MVAU SAN PU TWO SVE jusqu'à la ligne NA MWO YIN TWO LA YE, ce chapitre est composé de vingt neuf lignes. Elles veulent dire que tous ceux qui ont pratiqué la voie devraient d'abord prendre refuge et se prosterner aux pieds de tous les Bouddhas, Bodhisattvas, Arhats, saints, dieux, immortels et ainsi de suite. Quand vous récitez ces vingt neuf lignes du Mantra, un certain état se manifeste. Cet état peut être décrit à la fois comme vrai et illusoire. Il est vrai dans le sens que quand tous les démons célestes et tous ceux des voies extérieures voient la manifestation de cet état, il est réel et vrai. Mais un pratiquant de la voie doit se rendre compte que cet état est quelque chose qui se manifeste par suite du pouvoir du Mantra, pas par son propre pouvoir. Il vient du pouvoir du Samadhi. Dans ce sens, on peut dire qu'il est illusoire. Quel est l'état qui peut se manifester quand on récite ces vingt neuf lignes. Des quatre côtés et dans les huit directions, il y a d'innombrables lotus rouges qui apparaissent et protègent la personne qui maintient le Mantra. Un verset qui décrit cet état dit un millier de lotus rouges à pétales protègent son corps.

Si votre sincérité est totale, à ce moment-là, vous vous trouverez vous même monté sur une licorne noire. Vous n'êtes pas sur un avion, ni dans un train ou un bus, vous chevauchez sur une licorne noire ! A cause de l'impression que provoque cette manifestation, voyant ceci, d'innombrables étranges créatures s'éloignent pour se cacher. Pendant la dynastie Sung en Chine, le Vénérable Maître du Dharma Chih Chi Tien utilisait souvent cette méthode pour maîtriser les démons célestes et pour contrôler ceux des voies extérieures. Il obtenait beaucoup de résultats efficaces en recourant à ce Mantra important. Il est nécessaire de connaître les fonctions du Mantra. Ces vingt-neuf premières lignes sont une méthode pour parer les coups et les chasser. Elle soumet ceux des voies extérieures et des esprits déviants, alors ils ne peuvent pas donner des coups. Ils doivent devenir très fiables.

NA MWO YI TWO LA YE. Cette ligne du Mantra dit que nous devrions prendre refuge auprès du

Seigneur du Ciel. Prenez refuge auprès des vrais dieux. Il y a des seigneurs dans les cieux, les seigneurs parmi les gens et les seigneurs de la terre. D'abord nous parlerons du seigneur de la terre et ensuite nous parlerons du seigneur céleste. Il y a des dieux terrestres, des dieux de la ville et des dieux de la campagne. A Canton, tous les propriétaires ont un dieu de la terre à qui ils font des offrandes. Ce seigneur de la terre est le Yang dans le Yin. Il préside la terre et il surveille aussi les événements qui se passent dans la région du Yin. La région du Yin est le monde des esprits. La région du Yang est le monde des gens. Les esprits existent dans la région du Yin, mais celui qui les gouverne est le Yan. Il y a une maxime qui dit : Si dans la vie, dix personnes disent qu'il est bon, après la mort il deviendra l'aîné de la terre. L'aîné de la terre est justement le seigneur de la terre, le dieu terrestre. Il ne marchait pas sur les autres pour tirer avantage pour lui-même et il ne brutalisait pas les autres gens. Quand il était en vie, il avait un bon caractère. Il était un brave homme. Parce que tout le monde dit qu'il était bon, après la mort, il devient le seigneur de la terre, il devient le Yang dans le Yin. En ne commettant pas de fautes, on peut devenir le Yang dans le Yin. La coutume à Canton est de mettre une image du dieu terrestre à l'extérieur de la maison et ensuite de lui faire des offrandes. Il y a un esprit de la porte d'un côté et le dieu de la terre de l'autre. Un seigneur de la ville a un petit peu plus de pouvoir que le seigneur de la terre comme un maire a plus de pouvoir qu'un directeur.

Il y a aussi des seigneurs parmi les gens. Les gens sont mi-Yin et mi-Yang. Mais un seigneur des gens serait aussi mi-Yin et mi-Yang. Vous ne pourriez pas dire qu'il est yin dans yang ou peut-être vous pourriez dire cela. Comment pouvait-il être considéré le yin dans le yang ? Certains chefs sont très avides de pouvoir, de renommée et d'argent. Ils trompent les gens et ils font de mauvaises actions. Un dirigeant comme tel peut être dit d'être le yin dans le yang. Alors, le seigneur de la terre est le yang dans le yin et les chefs des gens tels que les empereurs et les présidents sont mi-yin et mi-yang. Mais, bien qu'ils commencent à mi-yin et mi-yang, s'ils n'accomplissent pas de bonnes actions, ils peuvent devenir entièrement yin.

(à suivre)



# LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu



## La suite

Qu'est-ce que la stupidité ? L'ignorance est la stupidité ; la stupidité est l'ignorance. Quand l'ignorance s'élève, les gens deviennent peu clairvoyants. Vous pouvez demander aux gens qui font mal aux autres : "pourquoi avez-vous fait cela ?" et ils répondront "je ne sais pas..." Cela est simplement la stupidité, l'absence de sagesse et de compréhension. Mais bien qu'ils agissent sous le coup de l'ignorance, ils n'admettent pas leur ignorance : "je sais !" ils insistent, "je sais que c'est mal !" C'est extrêmement étrange les gens stupides n'ont pas le miroir parfait de la sagesse et ils n'ont pas pratiqué la main et l'œil du miroir orné de bijoux. S'ils l'avaient fait, ils ne seraient pas stupides quoi qu'il arrive.

" Si le démon arrive, tuez-le  
Si le Bouddha vient, tuez-le. "

Quand vous tenez un couteau tranchant qui coupe tout ce qu'il touche. La grande sagesse est comme un couteau ou une épée.

" L'épée de la sagesse est très lourde ", vous dites, "il n'est pas facile de la soulever et de s'en servir. "

C'est simplement parce que vous ne l'avez pas soulevée. Si vous l'aviez fait vous auriez su qu'elle ne demandait pas tant d'effort. Si vous ne la soulevez pas, elle vous paraît lourde alors que si vous le faites, elle est légère. Si vous ne le faites pas, ce qui est en réalité, léger deviendrait lourd et inversement. Pourquoi ? Parce que vous l'avez soulevée.

Si vous dites, " je sais que l'épée de la sagesse est importante mais elle est trop lourde et je ne peux la soulever " alors vous ne la soulèverez pas et elle restera effectivement très lourde. Par contre si vous essayez de la saisir et vous la soulevez sans le moindre problème. Ainsi, je vous dis souvent que tout est " OK ". C'est juste un principe. Si tout n'est pas OK avec vous, c'est parce que vous n'avez pas l'épée de la sagesse. Si vous en aviez une, il n'y aurait pas de problèmes quoiqu'il arrive. Quels

problèmes peut-on avoir ? Aucun. C'est merveilleux.

Les montagnes, les rivières, la terre, les bâtiments, tout le monde du « châtimement dépendant » et du monde du châtimement propre. Tous ne dépassent pas la pensée présente dans notre cœur.

Qu'est-ce que le monde du châtimement dépendant ? Les montagnes, les rivières, la grande terre et tous les bâtiments appartiennent au monde du châtimement dépendant. Le monde du châtimement propre est notre corps qui subit notre propre châtimement. Si vous pouvez comprendre le châtimement en le subissant, vous serez sans ignorance. L'absence de l'ignorance est la sagesse. Ceci peut être comparé à un miroir :

" Quand un objet vient, il le réfléchit  
Quand il s'en va, le miroir est clair. "

Il ne fixe pas. Les gens qui ont la sagesse prendront soins des choses et les laisseront s'en aller ; leur cœur ne s'attache pas à ces choses. Bien qu'ils ne les gardent pas, les choses se manifestent bien et ce constamment, même si elles ne sont pas gardées. Nous, gens ordinaires, qui n'avons pas de sagesse devons faire un effort spécial pour se souvenir de quelque chose ou pour réciter quelque chose : " Yi Syi Yi Syi, Shr Nwo, Shr Nwo " nous le récitons une fois et l'oublions et même si nous le récitons plusieurs fois, nous aurons toujours du mal à le mémoriser. Il arrive que vous pouvez le voir une fois et que vous ne l'oubliez ou quand il passe devant vos yeux une fois et que vous ne l'oublierez jamais parce que votre sagesse est comme un miroir.

Ceux d'entre vous qui ont la sagesse devraient savoir que tout est contenu dans votre cœur. Si vous savez ceci, vous ne serez pas avide, stupide, arrogant ou plein de doute. Pourquoi ? Parce que tout est évident du cœur ; ceux-ci sont

les manifestations dont votre cœur possède l'origine. Qu'elles soient bonnes ou mauvaises ce n'est pas un problème.

Rien ne présente de difficulté.

Même s'il est facile de parler d'un tel état, pour l'atteindre, il faut un peu d'habileté. Ceux qui en manquent se disent "rien ne me pose de problème", les formes apparentes ne posent pas de problèmes mais à l'intérieur les difficultés s'élèvent. Et ils se luttent contre eux-mêmes. Ceux qui ont la véritable sagesse sont très rares. Vous devriez savoir aussi qu'il existe des gens qui ont la sagesse terrestre et d'autres la sagesse transcendante. Ceux qui ont une grande intelligence de ce monde, peuvent créer un principe lorsque le besoin arrive. Là où il n'y a pas de principe, ils en fabriquent un qui semble très raisonnable. Quand les gens stupides l'entendent, ils pensent "il n'est pas mauvais, ce qu'il dit a beaucoup de sens." En fait, si vous avez la vraie sagesse, vous ne seriez pas entraînés dans la stupidité. Les doctrines ennuyeuses qu'il exprime ne vous rendraient pas stupide. Il est dit que "dans le yang, il y a le yin. Dans la sagesse, il y a la stupidité." D'autre part, "dans le yin il y a le yang, et dans la stupidité il y a la sagesse." Par exemple, vous pouvez voir quelqu'un qui ne parle pas beaucoup et qui semble très ordinaire. Il fait les choses proprement. Il peut paraître stupide et maladroit, mais il agit toujours en accord avec le principe. De tels gens existent beaucoup de tels gens. En observant les autres, vous découvrirez si vous avez la sagesse ou non. Si vous aviez la vraie sagesse, vous ne seriez pas guidés par les autres dans la stupidité, et inversement.

La sagesse et la stupidité ont un rapport direct. L'absence de stupidité est la sagesse et l'absence de sagesse est la stupidité. La stupidité est elle-même la sagesse et la sagesse est elle-même la stupidité. Comment est-ce possible ? La sagesse et la stupidité sont identiques. Si vous pouvez l'utiliser c'est la sagesse sinon c'est la stupidité. Par exemple, si vous relevez l'épée de la sagesse, c'est la sagesse si vous la déposez c'est la stupidité. Il n'y a pas deux choses mais une seule. Alors ne dites pas que vous allez chercher la sagesse et chasser la stupidité. Cela ne marchera pas. C'est juste une manière "de la retourner".

Disons que la paume de la main représente la sagesse et le dos de la main représente la stupidité. Si vous essayez de ramasser quelque chose avec le dos de votre main, c'est impossible. Etre incapable de soulever les choses c'est la stupidité et être

capable de les soulever c'est la sagesse. Ce sont les deux côtés d'un objet et c'est à vous de choisir le bon côté. Comprenez-vous ?

Quelqu'un dit : " je comprends l'enseignement du Bouddha maintenant. La sagesse et la stupidité sont ma main ! " " C'est faux ! La main est une analogie. Ne pensez pas que la sagesse et la stupidité sont la main. C'est comme l'analogie du doigt et de la lune : quand quelqu'un vous montre la lune avec le doigt, ne confondez pas le doigt et la lune.

Shr Nwo Shr Nwo signifie " la grande sagesse " et " immenses vœux ". Les vœux sont formulés pour parvenir à quelque chose. Par exemple, avant que le Bouddha Amitabha réalise la Bouddhité, il pratiquait la condition de la causalité pendant qu'il était encore bhikshu, il formulait quarante-huit grands vœux. Le Bodhisattva Samantabhadra formulait aussi dix vœux royaux. Le Bodhisattva qui Regarde les Sons du Monde formulait aussi beaucoup de vœux et les patriarches en faisaient également. J'aborde ce sujet parce que je sais que vous ne comprenez pas. Ce n'est pas moi qui vous forcerai à faire des vœux, mais maintenant que nous étudions l'enseignement du Bouddha, tout le monde devrait formuler des vœux. Plus le pouvoir de vos vœux est grand plus votre accomplissement sera grand. Nous étudions le Bouddhisme sur le terrain de la causalité et nous n'avons pas encore réalisé la bouddhité ; nous devrions formuler nos vœux sur le plan de la causalité. Chacun d'entre vous devrait les écrire en détail. Ne soyez pas négligé ou vague en disant " je jure de sauver les êtres vivants ".

Vraiment ? Comment allez vous les sauver ? Tout ce que vous faites de la journée est de penser à bien s'habiller, bien manger et vivre dans un bel endroit, sauver les êtres vivants dans les paroles en l'air, à la légère. Cela n'est pas permis. Vous devez être particulièrement sérieuse quand vous formulez les vœux car ce que vous faites actuellement entraîne des conséquences dans le futur. En ce qui concerne le passé, oubliez-le car si vous appliquez à penser au passé. Qu'allez-vous faire dans le futur ? Chacun d'entre nous devrait faire des vœux sur le plan de la causalité. Plus votre vœu est grand, plus grand sera le résultat. Si vous mettez tout le pouvoir de vos vœux dans un pore de la chevelure, vous pourrez faire un grand vœu dans un pore de la chevelure ! (à suivre)

# LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu



## La suite

**A**sura est un mot sanscrit qui traduit comme “déformé” ou comme “qui manque de vin”. Du matin au soir les asuras pensent à boire du vin, mais pour des raisons qui leur sont inconnues, chaque fois qu’ils essaient d’en acheter, les commerçants leur refusent. Les gens refusent de vendre de l’alcool aux asuras, sachant que si les Asuras deviennent soûls ils frappent les autres gens. Un Asura est celui qui a les bénédictions des Dieux mais manquant d’autorité. En d’autres termes, ils méritent la récompense des cieux, mais ils manquent la conduite vertueuse des Dieux.

Comment devient-on un Asura ? Ceux qui recherchent constamment la revanche deviennent les Asuras. Par exemple, si quelqu’un utilise une phrase pour vous insulter, vous répliquez par deux phrases pour le vaincre. Si quelqu’un vous donne un coup de poing, vous l’enfoncez avec vos deux mains. En général, vous voulez toujours rendre le double et en agissant de cette manière, vous devenez rapidement un Asura. Mais lorsque quelqu’un parle un Gatha de quatre lignes du Sutra, non seulement les gens viendraient lui faire offrandes, mais les dieux en feraient autant.

Que signifie faire offrandes ? On fait des offrandes au Bouddha, au Dharma et au Sangha. Les offrandes au Bouddha comportent l’encens, les fleurs, les bougies, les fruits, les ornements, ou peut-être le thé ou l’eau devant une image du Bouddha.

Les offrandes au Dharma se reporte à la protection attentive du Dharma. En lisant les Sutras, vous ne devriez pas être passif ou irrégulier. Quand vous ne

les lisez pas, vous ne devriez pas négligemment les mettre de côté. Vous devriez les mettre à un endroit désigné spécialement. Et quand vous les rangez vous devriez faire très élégamment et respectueusement, faisant attention à ne pas les poser au bord d’une table. Car celui qui possède l’œil céleste, peut voir si un Sutra n’est pas posé correctement sur la table.

Le Bodhisattva Wei T’ou vient, reste debout patiemment, et de sa main tient le coin du Sutra. De même, placer le Sutra dans un lieu malpropre

manque de respect et ne peut être considéré comme une offrande au Dharma.

Les Sutras  
Bouddhistes  
devraient être  
placés au dessus  
de tous les livres  
séculiers vous  
devriez avoir le  
même regard pour

les Sutras pour votre propre corps et vie. S’il vous arrive de déchirer ou arracher les Sutras ou les brûler même par mégarde, vous sombrerez, dans les vies futures, dans la stupidité, incapable de vous rappeler tout ce qu’on va vous enseigner. Le même châtimement arrive à ceux qui sont égoïstes avec le Dharma. Par exemple, dans une vie antérieure Aniruddha subissait le châtimement d’une extrême stupidité parce qu’auparavant il avait connu le Dharma mais avait refusé d’en parler aux autres. Plus tard, il semait beaucoup de bonnes racines, et quand il rencontrait le Bouddha Sakyamuni, il atteignait le fruit d’Arhatship.

Si vous détruisez les Sutras. Dans le futur, vous serez stupide et soumis inconcevablement à plusieurs châtimements supplémentaires.



Les offrandes au Sangha varient selon le pays et la coutume. En Thaïlande et en Birmanie on offre de la nourriture au Sangha parce que dans ces pays les membres du Sangha pratiquent la mendicité. Les gens gardent toujours de côté un bol de nourriture pour offrir au membre du Sangha quand celui-ci vient mendier.

Quatre façons d'offrandes peuvent être faites au Sangha :

- 1). Nourriture et boisson.
- 2). Vêtements - Les membres du Sangha reçoivent des offrandes de vêtements de la part des laïques.
- 3). Litière.
- 4). Médicament. Les médicaments peuvent être donnés comme une offrande et mis en réserve en cas de besoin.

Les gens qui n'ont pas quitté leur famille devraient faire ces offrandes. Ceux qui ont quitté la vie de famille les reçoivent.

Puisque les membres du Sangha reçoivent les offrandes de cette façon ils pratiquent les trois vœux et les cinq contemplations

lorsqu'ils prennent leur repas de tous les jours.

Actuellement, les membres de la communauté des fidèles aussi bien que les membres du Sangha devraient pratiquer les trois vœux lorsqu'ils mangent.

- Avec la première bouchée de nourriture on pense, "Je fais vœu d'arrêter toute mauvaise action". Le serment prévient l'augmentation du don à toute pensée mauvaise, pas pour mentionner de faire des mauvaises actions.

- Avec la deuxième bouchée de nourriture on pense, « Je fais vœu de pratiquer toute bonne action ». Vous ne devriez pas juste réciter mécaniquement les vœux et considérer que cela est suffisant. Vous avez besoin réellement de couper tout le mal et de pratiquer réellement tout le bien.

- Avec la troisième bouchée de nourriture on réfléchit, "Je fais vœu de sauver tous les êtres

vivants." Le serment signifie (sauver tous les êtres vivants) faire sortir tous les êtres vivants de la mer de souffrance à la Bouddhité.

Lorsque vous mangez, ne jetez pas des regards autour de vous pour voir ce que mangent les autres, pour découvrir ce qui vous manque, pour comparer, enfin vous rendre jalouse. Soyez attentif à la nourriture des autres comme l'était Kuan Shih Yin (Contempler les sons du monde) pour voir ce qui leur manque (pas pour comparer et vous rendre jaloux) mais pour leur en offrir, leur en partager, s'ils n'en ont pas assez comme l'avait fait le Bodhisattva Kuan Shih Yin au lieu de rester là vous plaindre "Pourquoi il manque ceci ou cela dans mon bol ? Comment se fait-il qu'il a de meilleure nourriture que moi ?" Vous ne devriez pas faire naître une telle avidité. Vous

feriez mieux de vous concentrer sur les cinq contemplations :

1. Évaluez les peines des lourdes tâches des travailleurs pour produire de la nourriture que vous mangez : Pour produire le riz, quelles lourdes besognes doit accomplir le fermier

pour cultiver, désherber, arroser, nourrir les plantes. Lorsque le riz mûrit, il doit le moissonner puis le décortiquer.

A travers cette contemplation vous venez de vous rendre compte qu'il n'était pas facile de produire de la nourriture et d'en apporter dans votre bol.

2. Considérez si votre conduite vertueuse était suffisamment pour accepter cette offrande. Demandez-vous vous-même, "ai-je assez pratiqué ? Si je reçois des offrandes des gens et si je ne pratique pas, je devrais en avoir honte car je ne le mérite pas. Vous devriez vous encourager et vous dire : "Ah, je dois me mettre immédiatement à pratiquer, m'enforcer à pratiquer durement pour mettre fin au cycle de la naissance et la mort."

Si votre vertu était considérable, vous devriez dire, "bien que je sois un grand vertueux maître, probablement le premier de tous les grands Maîtres dans le monde. (à suivre)



**Ici, l'endroit où Bouddha avait pratiqué ascétique.**

# LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR  
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu



## La suite

'AI ENTENDU AINSI...

Que veut dire AINSI ? AINSI répond au besoin de la Foi. Vous pouvez faire confiance au Dharma qui est AINSI, pas au Dharma qui n'est pas AINSI. AINSI désigne le texte comme l'enseignement du **J** Bouddha orthodoxe. AINSI veut dire IL EST AINSI.

AINSI est la tranquillité : « IL EST » indique le mouvement. S'il est « AINSI », il l'est ; s'il n'est pas AINSI, il ne l'est pas. Tout ce qui n'est pas non – existant, existe ; tout ce qui est sans erreur est correct.

AINSI signifie "immobile sans mouvement".

AINSI est le vrai vide ; IL EST la merveilleuse existence.

La Merveilleuse Existence n'est pas séparée du vrai vide.

Le Vrai vide n'est pas séparé de la merveilleuse existence.

Le vide et l'existence sont non doubles (uniques)

A la fois vide et existant, ni vide ni existant.

Ce Dharma peut être cru.

Les quatre mots J'AI ENTENDU AINSI débutent tous les Sutras bouddhistes. C'est AINSI ; si ce n'était pas AINSI, ce ne serait pas correct. C'est la doctrine et le Dharma qui est AINSI donc, cela peut être cru.

J'AI ENTENDU...

Ananda dit qu'il a entendu personnellement cet enseignement lui-même. Mais, ayant fait preuve du fruit d'Arhatship, Ananda n'a au fond pas de l'ego. Comment peut-il dire "J'ai entendu". C'est le "moi du non-moi". Ananda dit "J'ai entendu" pour que les gens profane ayant toujours un "moi" puissent comprendre.

ENTENDU répond à l'accomplissement de l'auditeur. Pourquoi a-t-on foi ? Parce qu'on a entendu. Si on

avait pas entendu, comment pouvait-on avoir confiance ?

## LES QUATRE QUESTIONS D'ANANDA

L'utilisation du AINSI J'AI ENTENDU vient des instructions données à Ananda par le Bouddha juste avant son départ dans le Nirvana.

Un jour, le Bouddha Sakyamuni annonça, « Ce soir, au milieu de la nuit, je vais entrer dans le Nirvana ! ». Lorsque Ananda entendit ceci, il fut si angoissé qu'il pleurait comme un bébé qui réclamait sa mère « Bouddha, Bouddha, n'entrez pas dans le Nirvana. S'il vous plaît, ne nous laissez pas, s'il vous plaît ! ». Il pleurait et se plaignait à tel point que son cerveau devint troublé probablement parce qu'il pensait que c'était ce qu'il devrait faire.

A ce moment là, passa un aveugle, d'aspect différent des autres hommes. Ses yeux de chair étaient aveugles mais son œil céleste était ouvert. Comme qu'il était aveugle, il n'était pas gêné par les innombrables fausses réflexions et son esprit restait très lucide. « Vénérable, dit-il, en s'adressant à Ananda, pourquoi pleurez-vous ? ».

« Le Bouddha va entrer dans le Nirvana », répond Ananda, « Comment puis-je retenir mes larmes ? ».

Le vieil aveugle répondit, « Comment pouvez-vous agir si vous pleurez ? Après l'entrée du Bouddha dans le Nirvana, nous devons établir beaucoup de choses. Il y a du travail à faire et des questions à poser ».

« Quelles questions ? » dit Ananda. Le Bouddha va entrer dans le Nirvana. Que

restera-t-il à faire ? Qu'y-a-t-il de plus important que le départ du Bouddha dans le Nirvana ? ».

L'aveugle, dont le nom était Aniruddha, possédait l'œil céleste le plus avancé dit, « Il y a quatre choses extrêmement importantes qui doivent être mises en place ».

« Quelles sont-elles ? », demanda Ananda.

« La compilation des Sutras en est un », dit-il, « avec quels mots devrions-nous commencer chaque Sutra ? ».

« Juste ! » dit Ananda. Cela est important. C'est une bonne chose que vous souleviez cette question. Je n'y avais jamais pensé. Tout ce qui occupe ma pensée c'est que le Bouddha va entrer dans le Nirvana. Quelle est la deuxième question que je devrais poser ? ».

Le Vénérable Aniruddha dit « nous avons considéré le Bouddha comme notre Maître, mais quand il ne sera plus là, qui sera notre maître ? Devrions nous chercher un autre Maître ? ».

« Juste, juste ! dit Ananda. Nous devrions trouver un autre bon Maître. Vous avez tout à fait raison. Quelle est la troisième ? »

Aniruddha dit, « Nous vivons en ce moment avec le Bouddha, mais quand il entre dans le Nirvana, où vivrons-nous ? ».

« Cela est très important », dit Ananda. « Sans un endroit pour vivre, comment pourrions-nous pratiquer la voie ? Devrions-nous trouver un autre lieu pour vivre ? Ces trois questions sont extrêmement importantes, quelle est la quatrième ? »

Aniruddha dit « Le Bouddha peut discipliner les Bhiksus de mauvais caractère, mais après quand ne sera plus là, comment et qui prendra soin d'eux ? ».

« Un Bhiksu de mauvais caractère ne fait que déranger les autres. Quand vous méditez, il circule autour « Clomp ! Clomp ! » En faisant beaucoup de bruit pour que personne ne puisse entrer dans le Samadhi. Quand vous marchez, il s'assied pour méditer. « Regardez-moi ! » dit-il. « Je m'assieds beaucoup mieux que vous tous » et prétend être entré dans le Samadhi. Quand les gens se prosternent devant le Bouddha, le Bhiksu de mauvais caractère récite les Sutras et quand les gens récitent les Sutras, il prosterne devant le Bouddha. En général, il essaie d'être original, spécial. Le style d'un Bhiksu de mauvais caractère c'est de ne pas suivre les règles. Si tout le monde prend cette route, lui, il prend le sens

opposé. Pas n'a pas de considération pour quiconque, mais s'attend à ce que tout le monde le remarque. « Il est terrifiant », dit tout le monde. « Il pratique réellement, mais en mettant une grande insistance à être spécial pour que les autres le remarquent et disent qu'il est le meilleur. D'un esprit de concurrence évidemment, il veut être le plus fort parmi les meilleurs. Il se tient debout comme un Asura, les mains sur les hanches comme pour dire, « Regardez-moi comme je suis un grand héros ». Il veut être différent et surpassera tous les autres.

Quand le Bouddha était dans ce monde, il pouvait maîtriser et diriger de pareils Bhiksus à mauvais caractère car ils obéissaient à ses commandements. Mais après qu'il sera entré dans le Nirvana, qui les surveillerait ? Et qui pourrait commander les laïcs de mauvais caractère qui disent « regardez-moi, je suis plus dédié que vous tous (autres laïcs). Réellement, c'est juste à cause de lui et de son style spécial que personne n'est dédié. Aniruddha dit « Quand le Bouddha entrera dans le Nirvana, qu'allons-nous faire de ces Bhiksus et ces laïcs de mauvais caractère ? ».

« Celles-ci sont des questions importantes », dit Ananda. « Je vais poser ces questions sur le champ ». Il s'essuya ses yeux, se moucha et se précipita vers le Bouddha. « Bouddha, oh, Grand Maître ! », dit-il, « J'ai quatre questions que j'aimerais vous poser avant votre entrée dans le Nirvana. L'Honoré du Monde, serez vous compatissant de les répondre ? ».



« D'accord », dit le Bouddha.

« Bouddha, » dit Ananda, « Vous avez parlé beaucoup de Sutras quand nous les compilerons et les rédigerons, avec

quels mots devraient-ils débiter ?

Le Bouddha dit « Tous les sutras parlés par les Bouddhas du passé, du présent et du futur commencent par les mots » : « Ainsi j'ai entendu » qui veulent dire « Le Dharma qui est ainsi peut être cru. Je l'ai personnellement entendu ».

(à suivre)

# LE SUTRA EN QUARANTE-DEUX CHAPITRES PARLES PAR LE BOUDHA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

"**A**vant l'Anagamin c'est le Sakridagamin, on monte une fois dans le ciel, retourne encore une fois au monde Saha et après on atteint l'Arhatship."

Le Sage de la deuxième (réalisation) étape de sainteté est appelé un Sakridagamin. Sakridagamin vient du Sanscrit et veut dire "Celui qui retourne une fois de plus." Au niveau de l'état de la sagesse, il est en position de la pratique.

Que signifie "Retourner une fois de plus." Le Sakridagamin monte une fois dans le monde céleste et retourne une fois parmi les profanes.

Le Sakridagamin a supprimé six parties de la pensée-illusoire dans le monde du désir. Quelles sont les pensées illusoires? Pensée, ici, signifie considération ou discrimination. Tandis que pensée sans illusion peut être pure- il peut utiliser la sagesse pour faire les discriminations...

Ce n'est pas pensée-illusion. Pensée-illusoire veut dire provoquer les discriminations quand les principes se sont confus, embrouillés. Vous manquez de compréhension, c'est "la nature qui est partout calculatrice et connectrice."

Par exemple, vous voyez un bout d'une corde pendant la nuit mais vous ne reconnaissez pas que c'est une corde; vous dites: "Oh! C'est un serpent!" Comment se fait-il que vous avez l'idée que la corde est un serpent? C'est parce que vous ajoutez la discrimination et le calcul à votre connaissance et vous affirmez que c'est un serpent. Après un examen plus approfondi vous réaliserez que c'est une corde.

Si vous examinez la corde elle-même, vous verrez que la corde est fondamentalement faite de chanvre. Alors vous êtes entrain d'utiliser "la vraie nature parfaitement achevée."

Dans le Monde du désir, le Sakridagamin anéantit les trois dernières parties de la pensée illusoire et atteint la troisième étape de sainteté d'Anagamin et entre dans la procession vers l'Arhatship (jamais retour).



Pour atteindre la deuxième étape de sainteté du Sakridagamin, le Srotaapanna rompt les six premières parties de la pensée illusoire. Parvenu à cet état, il certifie l'étape du Sakridagamin et entre dans la procession vers l'Anagaminship (3<sup>e</sup> étape de sainteté).

"Avant le Sakridagamin c'est le Srotaapanna, on doit encore mourir 7 fois et renaître 7 fois, et puis on certifie l'Arhatship."

La première état de sainteté voie de l'Arhatship c'est la position du Srotaapanna. Srotaapanna est du Sanscrit, veut dire "l'entrée du courant", ou "la jonction du courant". Il signifie aussi "opposition du courant". Le Srotaapanna entre dans le courant de la nature du Dharma d'un Sage et s'oppose au courant des six organes des sens des humains.

Ces objets, sont les formes, les sons, les goûts, les odeurs, les touchers et les Dharmas. Quand on certifie la première étape de sainteté, on supprime la vue illusoire. Les vues illusoires et pensées illusoires nous empoignent et nous rendent confus. Si vous voulez sincèrement devenir illuminés, vous devez supprimer ces deux sortes d'illusions. Avoir les vues illusoires, c'est permettre la montée de la cupidité et l'amour se présentait.

Les vues sont confuses : Vous voyez les événements et les choses qui sont confus par eux-mêmes, ils vous rendent confus. Une fois confus, vous les poursuivez et ils vous tourbillonnent. Et quand ils vous tourbillonnent, ils engendrent en vous la cupidité et l'amour.

Poussez par l'avidité, vous vous attachez à des choses, l'attachement fait naître l'amour, puis la passion, et vous ne pouvez plus vous en séparer, donc, vous ne pouvez pas atteindre sainteté de la sagesse. Si vous voulez certifier sainteté de la sagesse, vous devez détruire les vues illusoires. Combien de vues illusoires y-a-t-il ? Il y en a 88

catégories, si vous arrivez à les détruire, vous pouvez certifier la première Sainte voie de l'Arhatship et deviendrez un Srotaapanna.

Que signifie "la jonction du courant?" Vous vous joignez au courant sagement, vous réunissez avec les sages.

Les sages qui ont atteint la première étape de sainteté devront encore subir sept fois la naissance et sept fois la mort.

Au bout de sept naissances et sept morts, ces sages peuvent certifier la procession menant à la quatrième étape de sainteté de l'Arhatship et peuvent atteindre la fin de la naissance et la mort. Les sept naissances et sept morts sont divisées de cette façon: pour atteindre la partie de la pensée illusoire la plus haute dans le Monde du désir, vous mettez fin à la cupidité, (la colère) la haine, la stupidité et la fierté et rompez les pensées illusives à ce niveau. La durée de ces anéantissements vous prend deux naissances et deux morts. Puis une naissance dans le monde du désir, une autre dans le monde de la forme et une dernière dans celui de non-forme.

Lorsque les sept naissances et sept morts sont terminées, vous pouvez certifier la procession vers quatrième étape de sainteté de l'Arhatship, la fin du cycle de la naissance et de la mort. C'est la procession normale de la voie. Mais cela peut varier selon chaque individu; rien n'est catégorique. Si les potentialités et les racines d'un pratiquant sont spéciales, il peut passer directement à la quatrième étape de l'Arhatship. Par exemple, la mère de Kumarajiva, Jiva, passa de la première à la troisième étape de sainteté.

« En se débarrassant de la passion et du désir, on a l'impression de perdre ses quatre membres ; on ne les réutilisera plus jamais ». Ce qui nous rend confus, ce sont précisément la passion et le désir. Car ils nous maîtrisent, nous contrôlent, nous gardent sous leur emprise, nous bouleversent à tel point que parfois nous nous obstinons à faire une chose tout en sachant clairement que c'est mal, par contre nous refusons d'accomplir une action tout en connaissant parfaitement la bonne cause, évidemment, en dépit de tous les conseils que ce soit bons ou mauvais de notre entourage, nous agissons selon notre bon plaisir, sans la moindre réflexion.

Pourquoi ? Parce que la passion et le désir vous contrôlent, vous rendent contradictoires. Aussi, si vous supprimez la passion et le désir, alors vous saurez certainement réaliser la voie. En supprimant

la passion et le désir vous supprimez vos mains et jambes ; une fois vos mains et jambes coupés, vous ne pouvez plus les réutiliser. Il vous en serait de même quand vous supprimez la passion et le désir. A ce moment là, vous serez déterminé et décisif. Mais en général, vous gardez vos désirs et vos passions, vous ne voulez pas les supprimer. Conclusion : Vous tombez dans l'obscurité, et vous agissez selon votre esprit contradictoire et indécisif. Dépourvu de clarté, de sagesse. Malgré, votre sincère intention de les supprimer, vous n'en aurez jamais la force. Les femmes en général, tombent dans cette situation. Elles pensent d'une façon mais agissent d'une autre façon. Que ceux qui veulent atteindre le ciel, doivent avoir la ferme détermination de planter des bonnes causes sur cette terre. Étant résolu et décisifs; ils peuvent pratiquer la voie.

Sutra :

**2. Le Bouddha dit, "Ayant quitté la vie de familiale, les Shramanas suppriment leurs désirs, renoncent à l'amour et reconnaissent la source de leurs pensées. Ainsi, ils pénètrent dans les principes fondamentaux du Bouddha et font naître les Dharmas inconditionnés. Ils n'obtiennent rien à l'intérieur d'eux-mêmes, ne recherchent rien à l'extérieur; leurs pensées ne sont pas liées ni à la voie, ni au Karma. Ils sont sans pensée et sans action; ils ne pratiquent ni ne certifient; Ils ne doivent pas traverser les différentes étapes et cependant ils sont respectés et vénérés. C'est ce qui signifie la voie."**

Commentaire : La deuxième partie du chapitre du Sutra dit que la certification d'un Shramana à la sainteté est sans pratique et sans certification. Que deviennent les gens qui se sont débarrassés des Trois Mondes et deviennent des Shramanas? "Le Bouddha disait" les Shramanas qui ont quitté la vie de famille ont coupé leurs désirs." Ils devraient couper les désirs, mettre fin à la passion comme s'ils coupent leurs quatre membres, ne les réutilisant plus jamais. A ce moment là, ils



reconnaissent la source de leur esprit. Quand il n'y a plus de passion de désirs, ils reconnaissent la source fondamentale de leur propre esprit. "Ils pénètrent dans les profonds principes du Bouddha et font naître les Dharmas inconditionnés."

Les principes les plus profonds du Bouddha ne sont plus conditionnés ni inconditionnés. "Ils n'obtiennent rien à l'intérieur d'eux même; ils ne recherchent rien à l'extérieur" tous deux sont inconditionnés. Si vous voulez parler de vous-mêmes, vous n'avez rien à dire.

Si vous recherchez à l'extérieur, vous n'avez rien non plus à raconter. (à suivre)

## LE SUTRA DU SIXIÈME FONDATEUR



Commenté par Maître du Tripitaka Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

### BIOGRAPHIE DU MAÎTRE VÉNÉRABLE

**D**écouvrir et perfectionner la méthode pour sortir les êtres vivants du problème fondamental de l'existence humaine - de la naissance et la mort - a été la préoccupation primordiale durant toute l'existence du Maître Vénérable Hsüan Hua.

Le 16 mars de l'année lunaire en 1908, sa mère voyait dans son rêve Bouddha Amitabha émettre une lumière illuminant le monde entier, et quand elle se réveilla, elle donna naissance au Maître Vénérable. Un parfum merveilleux embaumait toute la chambre après son rêve et pendant la naissance.

La conscience de la mort du Maître surgissait à 11 ans lorsqu'il voyait un enfant sans vie. La réalisation que la mort et la naissance se suivent implacablement sans cesse et que cela apporte à la fois souffrance, douleur et chagrin, tout cela a éveillé en lui une profonde compassion et suggérait sa résolution immédiate de se faire moine pour apprendre la méthode qui pourrait mettre fin au cycle de la mort et la naissance. Il honorait les désirs de sa mère, et il restait au foyer pour servir ses parents jusqu'à leur mort.

L'année suivante, le jour de l'anniversaire du Bodhisattva Kuan Yin, il voyait dans son rêve une vieille femme portant une robe en lambeaux et un chapelet apparaître pour le faire sortir d'une forêt sauvage dans laquelle il s'était perdu. Elle rayonnait de compassion lorsqu'elle le conduisait sur la route remplie d'ornières profondes et dangereuses. Il savait que s'il avait essayé de traverser cette route tout seul, cela aurait été difficile il aurait eu beaucoup de mal d'y arriver claire et sauf, mais comme elle le guidait, la route devenait lisse et saine et il pouvait voir clairement dans toutes les directions. Devant se trouvait sa maison. En jetant un regard derrière sur la route dangereuse, il voyait beaucoup de gens qui le suivaient - vieux et jeunes, hommes et femmes, et étudiants ceux du Sangha. "Qui sont ces gens ?" demanda-t-il, "D'où viennent-ils et où vont-ils ?" "Ils ont des affinités avec vous," dit-elle, "et ils veulent aussi rentrer chez eux. Vous devez bien les guider et leur montrer le chemin afin que vous puissiez tous arriver au Nirvana. J'ai un travail important à faire ailleurs et donc je vais vous laisser maintenant, mais nous nous rencontrerons encore bientôt."

Le Maître demandait son nom, et où elle vivait. "Vous découvrirez cela quand vous arriverez chez vous", dit-elle. "Cela ne sert à rien de poser beaucoup de questions". Elle se retourna vivement et disparut. Le Maître guida les gens sains et saufs chez eux et se réveilla de son rêve en se sentant très heureux.

Durant cette même année, tous les jours, il pratiquait ses prosternations devant ses parents chacun trois fois par jour. Ensuite, il se dit : "Le monde est plus grand que mon père et ma mère," et il se prosternait devant les dieux de la terre, l'empereur ainsi que ses maîtres. Il se prosternait aussi devant son maître, même s'il ne l'avait pas encore rencontré. Le Maître savait que sans l'aide d'un bon conseiller savant, il lui est impossible de pratiquer, et il pensait qu'il devrait rencontrer son maître. Il se prosternait devant les Bouddhas, les Bodhisattvas, les Bouddhas Pratyekas et les Arhats, et tous les braves gens dans le monde pour les remercier de toutes les bonnes actions qu'ils avaient faites; il se prosternait également devant les gens qu'il avait aidés.

"Les mauvais gens font pitié", se disait-il, et il se prosternait en priant pour atténuer leurs offenses karmiques pour leur apprendre à se repentir et à se corriger, en faisant passer ainsi pour les pires prêchers. Tous les jours, il se prosternait en

priant pour d'autres catégories de gens, ainsi il faisait 837 prosternations matin et soir pour une durée de trois heures. Pour que personne ne sache ce qu'il faisait. (à suivre)

## **Fils de Bouddha ! Du ciel Tushita, avant la descente du Grand Boddhisattva dans le monde Saha, dix manifestations se produisirent**

Traduction en français : Ly thi Minh Nguyet

1. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur la terre, il lançait de ses pieds, des lumières éclatantes, appelées : « Ornées de bonheur et de joie », illuminant des milliers de mondes entiers, pénétrant dans les mauvais sentiers où les êtres vivants subissaient des atrocités. Dès que ces malheureux furent éclairés par cette lumière, ils sortirent de leurs malheurs et obtinrent la Félicité. Ils savaient alors qu'un Grand Boddhisattva apparaîtrait bientôt en ce monde. C'était la première manifestation.

2. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur la terre, du milieu, entre ses sourcils, il lançait des auréoles de lumière blanche appelée : « Lumière d'Eveil », illuminant des milliers de milliers de mondes immenses, éclairant également les autres Boddhisattvas qui avaient pratiqué la Voie en même temps que LUI depuis des générations passées. Eclairés par cette lumière, ces derniers savaient que le Grand Boddhisattva allait apparaître très bientôt en ce monde. Alors, Ils LUI apportèrent des offrandes en grande quantité. C'était la deuxième manifestation.

3. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur la terre, de la paume de sa main droite, il lançait des lumières appelées : « Purifier le monde », capables de purifier, d'apporter la sérénité dans des milliers de milliers de mondes immenses. S'il y existait des Prateykas-Bouddhas qui avaient obtenu le fruit d'Anasvara (sans écoulements, sans passions) et connu parfaitement cette lumière, ceux-ci mirent fin immédiatement à leur existence. Dans le cas contraire, ils furent transportés dans d'autres mondes par la puissance de cette lumière, ainsi que tous les démons, les pratiquants des religions hétérodoxes et tous ceux qui s'attachaient encore à leurs connaissances préconçues, excepté ceux qui méritaient d'être sauvés et qui furent attirés par la force d'attraction spirituelle du Bouddha. C'était la troisième manifestation.

4. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur la terre, de ses genoux, il lançait d'immenses clartés appelées : « Ornées de béatitude », illuminant les palais impériaux de tous les souverains célestes : depuis le royaume inférieur des quatre Souverains Célestes Protecteurs du monde Saha inférieur jusqu'au Ciel Supérieur de la Pureté. Tous les Rois Célestes savaient que le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre du ciel Tushita sur la terre ; Ils se sentaient infiniment affligés, angoissés et ensemble, respectueusement, Ils LUI apportèrent, en guise d'offrandes, des gerbes de fleurs, des vêtements, des poudres ou crèmes parfumées, des parasols et des instruments de musique. Ils LE suivirent dans le monde Saha, jusqu'à son entrée dans le Nirvana. C'était la quatrième manifestation.

5. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, au milieu du Sutra du Vajra Paramita, du caractère « VAN » (Svastica = bon augure), émanaient d'immenses clartés appelées : « Douées de facultés remarquables », illuminant le corps de tous les Vajras Protecteurs du Dharma dans tous les mondes des dix directions. A ce moment là, des milliers de milliers d'autres Vajras Protecteurs du Dharma se mobilisaient pour servir le Grand Boddhisattva depuis son apparition dans le monde Saha jusqu'à son entrée dans le Nirvana. Ceci était la cinquième manifestation.

6. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, de tous les pores de son corps émanaient d'immenses clartés appelées : « Les êtres vivants sans distinction », illuminant des milliers de milliers de mondes, touchant le corps de tous les Boddhisattvas, de tous les Rois Célestes aussi bien que des humains. Ces Boddhisattvas pensaient qu'ils devraient rester dans ce monde Saha pour faire offrandes au Grand Boddhisattva et L'aider à éduquer et instruire les êtres vivants. Ceci était la sixième manifestation.

7. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, du « Palais du Grand Mani, merveilleuse perle », émanaient d'immenses clartés intitulées : « Bien observer pour trouver un endroit favorable, bienveillant », illuminant l'endroit où apparaîtrait le Grand Boddhisattva. En suivant cette lumière, les autres Boddhisattvas se réincarnaient en ce monde Saha, ou bien chez

des particuliers, ou bien dans des tribus ou dans des villages, dans le but de L'aider à éduquer et instruire les êtres vivants. Ceci était la septième manifestation.

8. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, à partir des Grands Palais Célestes, comme des ornements, émanaient d'immenses clartés intitulées : « Ornements absolument purs », illuminant le ventre de la future Sainte-Mère. Après cette illumination, la Sainte-Mère se sentait paisible, sereine, parfaitement heureuse, réussissant dans toutes ses actions bienveillantes. L'intérieur du ventre de la Sainte-Mère se transformait en palais orné de merveilleuses perles Mani, c'était l'endroit où vivrait le corps du Grand Boddhisattva. C'était la huitième manifestation.

9. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre dans le monde Saha, de ses pieds émanaient d'immenses clartés intitulées : « Résidence de la bienfaisance ». Si les fils du Ciel et les Brahmanes à l'agonie avaient été illuminés par cette lumière, ils pourraient prolonger leur existence et faire offrandes au Grand Boddhisattva depuis son apparition jusqu'à son entrée dans le Nirvana. C'était la neuvième manifestation.

10. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, de sa beauté sublime émanaient d'immenses clartés intitulées : « Ornées de soleil et de lune », évoquant des œuvres du Grand Boddhisattva. A ce moment-là, les êtres humains et célestes le virent apparaître, soit dans le ciel Tushita, soit dans les flancs de la Sainte-Mère, soit à sa naissance, soit à sa conversion, soit à son éveil, soit à sa conquête des démons ou au moment où Il tournait la Roue du BouddhaDharma, ou au moment où Il entrait dans le Nirvana. C'était la dixième manifestation.

Toutes ces innombrables et immenses clartés lumineuses émanant de sa personne, de son siège, de ses palais évoquaient les bienfaits du Grand Boddhisattva. En dehors de ces bienfaits, le Grand Boddhisattva avait aussi réalisé parfaitement toutes sortes d'actions méritantes. C'était la raison pour laquelle, Il apparaissait en ce monde Saha.

(Extrait dans le Sutra Avatamsaka)

## **Dix raisons expliquant la présence du Grand Boddhisattva dans les flancs de la Sainte-Mère**

1. Pour empêcher certains êtres vivants, dont l'esprit était étroit et d'une intelligence limitée, de penser de la façon suivante : « Puisque le Grand Boddhisattva apparaissait naturellement, était naturellement doué de bonnes racines, de grande sagesse, donc, il n'est pas nécessaire de pratiquer, ni de suivre la Voie ». C'était la première raison, pour laquelle, le Grand Boddhisattva se présentait dans les flancs de la Sainte-Mère.

2. Pour perfectionner, faire mûrir les bonnes racines des parents, de toutes les parentés, de tous ceux qui avaient planté de bonnes causes depuis plusieurs générations. C'était la deuxième raison, pour laquelle, le Grand Boddhisattva se présentait dans les flancs de la Sainte-Mère. Pourquoi ? Parce que ceux-ci avaient besoin de s'assurer de la présence du Boddhisattva dans les flancs de la Sainte-Mère pour faire mûrir, rendre parfaites les bonnes racines qu'ils avaient déjà plantées auparavant.

3. Dès qu'Il se présenta, ainsi que durant tout le temps qu'Il restait dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva gardait toujours un esprit clairvoyant, droit et loyal, sans la moindre hypocrisie, le moindre trouble. C'était le troisième événement.

4. Dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva continuait toujours à prêcher le BouddhaDharma pour les Grands Boddhisattvas, venant des dix directions, ainsi que ShakroDevanam Indra (ĐỀ-THÍCH), Brahma, les quatre Rois Célestes Protecteurs du monde, qui se rassemblaient autour de Lui pour écouter, augmentant ainsi infiniment leur puissance et leur sagesse. Même dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva réussissait dans son talent d'orateur, réalisant ainsi une œuvre gigantesque. C'était la quatrième manifestation.

5. Dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva convoquait de grandes réunions des Boddhisattvas, utilisant toute la force de ses vœux royaux afin de LES éduquer, LES instruire. C'était la cinquième raison.

6. Le Grand Boddhisattva apparaîtrait dans le monde humain, deviendrait Bouddha, devrait donc subir une naissance et une existence humaines. C'était la sixième raison.

7. Les êtres vivants dans des milliers de milliers de mondes voyaient le Grand Boddhisattva dans les flancs de la Sainte-Mère, comme s'ils voyaient leur ombre dans un miroir. A ce moment, les Rois Célestes, les Dragons, les

Yakchas (Đa-Xoa), Gandhawa (Càn Thát Bà), les Azuras (A-Tu-La), les Garudas (Ca-Lâu-La), les Kinnaras (Khân-Na-La), les Mahoragas (Ma-Hâu-La-Già), les humains, les non-humains, etc, les grands esprits s'y rendaient tous et respectueusement LUI faisaient offrandes. C'était la septième raison.

8. Pendant que le Grand Boddhisattva était dans les flancs de la Sainte-Mère, tous les autres Boddhisattvas dans les flancs de toutes les Saintes-Mères dans les dix directions venaient s'y rassembler pour prêcher les Dharmas du Grand Recueil intitulé : « Recueil d'Immenses Compassion et Sagesse ». C'était la huitième raison.

9. Dans les flancs de la Sainte-Mère, l'esprit complètement débarrassé de toute souillure, le Grand Boddhisattva transforma cet endroit en un palais magnifiquement orné, mieux que le ciel Tushita. C'était la neuvième raison.

10. Pendant qu'Il était dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva utilisait sa puissance spirituelle, immense pour préparer une offrande intitulée : « Ouvrir l'immense bénédiction, éloigner toute souillure », puis l'envoyer à tous les Bouddhas (AINSI-VENUS) des dix directions. CES DERNIERS, en guise de reconnaissance à son égard, commençaient à prêcher d'infinis « Dharmas des Boddhisattvas ». C'était la dixième raison.

(Dans le Sutra Avatamsaka)

## Dix raisons expliquant la conversion du Grand Boddhisattva

Le Grand Boddhisattva s'est converti :

1. Car il a été dégoûté de la vie familiale.
2. Car les êtres vivants étaient noyés dans la vie familiale.
3. Par amour pour la religion des Saints et par obéissance à sa foi.
4. Par désir de proclamer le mérite et la bénédiction de la Conversion.
5. Par désir de débarrasser les êtres vivants de leurs connaissances basées sur le pour et le contre.
6. Par désir de faire dégoûter les êtres vivants des plaisirs passionnés et des plaisirs charnels.
7. Par désir de manifester une forme totalement libérée des trois mondes (monde du désir, celui de la forme, celui de la non-forme.

8. Pour être totalement libre, ne dépendant de personne.

9. Par désir de transmettre à tous les êtres vivants le message qu'ils pourraient bénéficier de la puissance des dix non-craintes des Tathagathas « Ainsi-Venus ».

10. Car c'était la dernière réincarnation du Boddhisattva, ainsi selon le Dharma.

Le Grand Boddhisattva s'est converti dans le but de réformer, d'améliorer les êtres vivants.

(Extrait dans le Sutra Avatamsaka)

## Dix raisons expliquant les sept pas du Grand Boddhisattva dès sa naissance

Le Grand Boddhisattva avait fait sept pas dès sa naissance :

1. Pour exprimer la force d'énergie du Grand Boddhisattva.
2. Pour manifester les sept-biens-spirituels.
3. Pour exaucer les vœux du Génie de la Terre.
4. Pour présenter une forme surpassant totalement les trois mondes.
5. Pour témoigner une démarche infiniment puissante, dépassant celle du roi-éléphant, du roi-buffle et du roi-lion.
6. Pour manifester une forme indestructible, extrêmement dure comme du diamant capable de couper tous les métaux (toutes les afflictions).
7. Par désir d'apporter du courage, de la bravoure aux êtres vivants.
8. Par désir de témoigner la pratique des sept-précieux-états-d'esprit constitutifs d'Eveil.
9. Par désir de proclamer le Dharma (la doctrine) qu'Il avait obtenu sans avoir reçu aucune instruction de qui que ce soit.
10. Par désir de montrer un état d'Illumination, d'Eveil sublime et incomparable.

En somme, le Grand Boddhisattva avait exécuté les sept pas dès sa naissance dans le but de réformer, d'améliorer les êtres vivants.

(Extrait dans le Sutra Avatamsaka)

## Le monde du Dhyana

Le Vénérable maître Hsuan Hua

Traduction en français : Ly thi Minh Nguyet

**M**éditer jusqu'au moment où, à l'intérieur n'existe plus toute forme de corps et

d'esprit et à l'extérieur n'existe plus le monde, tout est totalement vide, on atteint alors l'état où n'existe plus toute forme du moi, d'autrui, d'être vivant, d'être qui reçoit ; c'est aussi le moment où n'existent plus : le passé, le présent, le futur. Arrivé même à ce niveau, ne soyez pas convaincu d'avoir atteint le fruit, il n'y a encore rien qui soit spécial. Même si vous arrivez à méditer pendant une heure, ou dix heures, ou même un mois ou dix mois, vous atteindrez un état à peine paisible proportionnellement aux efforts que vous avez fournis en pratiquant la méditation. Mais si vous persistez encore vous atteindrez un état où vous vous sentirez léger, serein, vous atteindrez le Premier degré de Méditation.

« Le Ciel du Premier Degré de Méditation » est aussi appelé « éloigné des plaisirs du monde terrestre », c'est-à-dire un monde éloigné des plaisirs des êtres vivants. Dans ce monde, vous entrerez très vite dans le Dhyana Samadhi (le mysticisme contemplatif), à ce moment là, votre respiration s'arrête, pas d'inspiration ni d'expiration, pas de va-et-vient, semblable à une tortue qui se retire, en hiver, dans sa carapace, toute respiration extérieure s'arrête, mais celle de l'intérieur continue. C'est le phénomène « d'hibernation ». Dans son état contemplatif, le méditatif ne respire pas, mais reprend normalement sa respiration lorsqu'il sort de son extase. Messieurs dames, soyez vigilants ! Arrivé à ce stade, ne vous mettez pas à penser : « Ah ! Ma respiration s'est arrêtée ». Dès que surgit cette pensée, votre respiration reprend tout de suite. C'est pourquoi, vous devriez être très vigilant, sinon vous perdriez cette bonne occasion et vous seriez obligé de recommencer depuis le début.

Du Premier Degré de Méditation, si vous progressez dans la pratique, vous entrerez dans le Deuxième Degré de Méditation appelé : « Dans l'extase, naissent toutes sortes de plaisirs », d'où la phrase suivante :

« Le goût de la Méditation c'est la nourriture, et le Dharma, la plénitude de la joie »

A ce niveau, non seulement la respiration s'arrête mais s'arrêtent également les battements du cœur. Le pouls s'arrête provisoirement mais pas définitivement car il reprend normalement à la sortie de l'extase.

De ce Deuxième Degré de Méditation, si vous continuez toujours à progresser, vous parviendrez au Troisième Degré de Méditation appelé aussi :

« éloigné des plaisirs grossiers et superficiels, il ne reste plus que la joie infiniment minime et infiniment merveilleuse ». Dans cet état, non seulement la respiration, les battements du cœur s'arrêtent, mais disparaît également toute pensée, vous ressemblez à un mort. Quand disparaît toute pensée, il est donc évident que les pensées vagues et illusoires n'existent plus.

Quand la respiration s'arrête, le sang manque d'oxygène, la circulation sanguine s'arrête également ; ce qui entraîne l'arrêt cardiaque, plus de pouls. A ce moment, disparaît également toute pensée. Supposons que la respiration est le vent, le pouls la vague et la pensée l'eau ; s'il n'y a plus de vent, donc plus de vague, donc l'eau redevient naturellement calme. C'est précisément la doctrine : « Plus de vent, plus de vague ». Ces manifestations apparaissent provisoirement pendant la Méditation, mais pas définitivement comme quand on meurt ; cette respiration et ces battements du cœur re-fonctionnent normalement selon la volonté du pratiquant.

De ce Troisième Degré de Méditation, si vous progressez toujours, vous parviendrez au Quatrième Degré de Méditation appelé aussi : « le Ciel du Quatrième Degré de Méditation », c'est-à-dire : se débarrasser totalement et définitivement de la moindre petite pensée du Troisième Degré de Méditation, l'esprit complètement serein et paisible. Une fois que la respiration s'arrête, la circulation du sang s'arrête, la pensée disparaît, vous devriez vous débarrasser même de cet état pour qu'apparaisse alors votre essence originelle (naturelle) pure et calme. Même à cette étape, ne croyez pas que vous ayez obtenu quelque chose d'extraordinaire ou de spécial, ce n'est que le monde du Quatrième Degré de Méditation, pas encore le but ultime de la Voie. Vous appartenez encore au monde profane, car vos sentiments ne sont pas encore complètement anéantis. Dans ce monde de Quatrième Degré de Méditation, si vous pratiquiez la Méditation d'une religion hétérodoxe, vous entreriez dans le « Ciel-non-pensée », vous jouiriez de tous les plaisirs extrêmement amusants et gais. Mais si vous pratiquiez la Méditation de la bonne Voie, vous parviendrez à l'état d'Eveil.

Si vous avez obtenu le premier fruit d'Arhat (Srotappana), vous vous débarrassez de toute pensée illusoire, de tout attachement, non seulement quand vous méditez, mais aussi, et à chaque instant, quand vous marchez, vous vous

couchez, vous vous asseyez ou vous vous levez. A ce premier fruit d'Arhat vous n'avez que supprimé vos quatre vingt huit connaissances créées par votre ignorance stupide, dans les trois-mondes. Il vous reste encore à circuler sept fois dans le cycle de la naissance et la mort, ce n'est pas encore le Nirvana. A ce premier degré d'Arhat, vous ne vous troublez plus quoiqu'il vous arrive : « inconscient devant n'importe quelle situation » (devant n'importe quelle situation, aucune pensée), il ne vous reste plus que votre croyance religieuse qui vous aide à vous concentrer dans la méditation. Même si le monde extérieur était magnifique, rempli de belles filles, de beaux garçons, il ne pourrait pas vous troubler ; car vous êtes libéré de toute cupidité d'argent, de formes, de célébrité, de nourriture, de sommeil, de tout ce qui existe, à ce moment là vous atteindrez l'état d'Eveil. Un Arhat du premier degré ne fait pas de bruit quand il marche, car ses pieds, séparés de trois centimètres du sol, ne le touchent pas. Pourquoi ? Car, plein de compassion, et de peur d'écraser les petites bêtes, il marche de cette façon.

Messieurs dames, retenez bien ceci ! Surtout ne déclarez pas que vous êtes Illuminé alors que vous ne l'êtes pas, ou que vous avez obtenu le fruit alors que vous ne l'avez pas obtenu. Car vous auriez brisé le précepte de paroles illusoires et dans le futur vous iriez en enfer pour avoir la langue arrachée. Je vous préviens pour que vous sachiez ; y croire ou ne pas y croire dépend de vous. Parmi les fils du Bouddha, il y en a qui ne sont pas Eveillés mais qui déclarent partout qu'ils le sont, c'est un acte absolument inadmissible. Même si réellement, vous êtes Eveillé, vous ne devriez pas vous vanter en disant : « Je suis Eveillé, je possède les cinq-yeux et les six-pouvoirs surnaturels ! » Vous faites de la propagande, de la publicité pour vous-même ; et cela n'a aucun sens.

Même un Bouddha, un Boddhisattva ne ferait pas cette propagande, cette publicité. Si jamais, on reconnaissait qu'Il était un Boddhisattva ou un Bouddha réincarné, il disparaîtrait tout de suite. En Chine, sous la dynastie des Đường, existaient deux moines, l'un s'appelait Hàn-Son, l'autre Thập-Đắc. Hàn-Son était la réincarnation du Boddhisattva Manjuri, tandis que Thập-Đắc celle du Boddhisattva Samantabhadra. Ils pratiquaient ensemble la Voie Bouddhiste et étaient liés d'une amitié très profonde. Dans sa jeunesse, vénérable Thập-Đắc a été recueilli par le Supérieur Vénérable Phong Can, à la pagode Quốc Thanh, où il a été élevé et instruit. Tous les jours, il s'occupait spécialement de la cuisine ; à la fin des repas, il

ramassait les restes de nourritures, les mettait dans un bout de bambou et les gardait de côté pour vénérable Hàn-Son qui demeurait dans la grotte Nguyệt Quang située sur la montagne Thiên Thai, et qui, tous les jours venait à la pagode Quốc Thanh pour recevoir de la nourriture restante. Les deux vénérables s'entendaient très bien car, ayant des mêmes sentiments, mêmes pensées, ils s'amusaient, riaient ensemble. Les gens de la pagode les prenaient pour deux fous et n'y accordaient aucune attention. Personne ne savait qu'ils étaient des Boddhisattvas réincarnés, errant dans ce monde humain pour sauver ceux qui ont besoin d'être sauvés.

Un jour, le gouverneur de la contrée, Lã Khuru Yên, allait voir le Supérieur Vénérable Phong Can et lui posa la question suivante : « Vénérable, dans le passé, les Bouddhas et les Boddhisattvas s'étaient souvent réincarnés en ce monde. De nos jours, est-ce qu'il en existe encore ? »

Vénérable Phong Can répondit : « Bien sûr, seulement vous ne les reconnaissez pas. Tenez, actuellement à la pagode Quốc Thanh située sur la montagne Thiên Thai, le Vénérable qui s'occupe spécialement de la cuisine est précisément Boddhisattva Samantabhadra réincarné et son ami bouddhiste Hàn-Son réincarnation du Boddhisattva Manjuri. Pourquoi dites-vous qu'il n'y a personne ? »

Ravi d'apprendre cette nouvelle, le gouverneur se rendit immédiatement à la pagode Quốc Thanh pour se prosterner devant ces deux Boddhisattvas Hàn-Son et Thập-Đắc.

A son arrivée, le moine réceptionniste de la pagode le recevait chaleureusement. Il fut très surpris quand ce dernier disait qu'il souhaitait rencontrer les moines fous. Quoique, n'ayant pas compris la raison de cette visite, il l'emmenait quand même jusqu'à la cuisine. Juste à ce moment, les Vénérables Hàn-Son, et Thập-Đắc étaient en train de parler et de rire bruyamment comme deux fous, ce qui faisait rire aussi tout le monde.

Cependant, le gouverneur Lã, avec beaucoup de respect, se prosternait devant ces deux Vénérables puis très poliment leur disait : « Je suis Lã Khuru Yên, disciple de Bouddha. Oh ! Grands Boddhisattvas, pleins de compassion, je vous prie de bien vouloir m'accorder quelques paroles pour instruire ce pauvre stupide que je suis ».

Vénérable Thập-Đắc demanda : « Mais qu'est-ce que vous faites ? »

Le gouverneur répondit : « Supérieur Vénérable Phong Can m'a appris que vous êtes les réincarnations des Boddhisattvas Manjuri et Samantabhadra ; aussi, je viens tout particulièrement ici pour me prosterner devant vous et vous solliciter de bien vouloir m'accorder quelques instructions ». Le Vénérable Thập-Đắc lui répondit en reculant : « Vénérable Phong Can disait des bêtises, il disait des bêtises, des bêtises, c'est lui précisément la réincarnation du Bouddha Amitaba. Pourquoi vous ne vous prosternez pas devant lui au lieu de venir ici nous déranger ? »

Ayant dit ces mots, tous deux s'enfuyèrent en courant hors de la pagode, jusqu'à la grotte Nguyệt Quang à la montagne Thiên Thai où ils pénétrèrent dans un mur de pierre. Complètement déçu devant la disparition définitive de ces deux Boddhisattvas, le gouverneur se disait : « Maintenant je reviens me prosterner devant la réincarnation du Bouddha Amitaba ». Mais, arrivé à la pagode, il apprit que le Supérieur Vénérable Phong Can venait de décéder. C'était vraiment la perte d'une occasion inouïe et si proche. C'est pourquoi, disait la phrase suivante : « En face du Boddhisattva Avalokitecvara et pourtant vous ne Le reconnaissez pas. »

Dans cette salle de Méditation, est présent aussi Boddhisattva Avalokitecvara, mais je ne peux pas vous Le révéler afin que vous ne Le poursuiviez pas.

## Le Boddhimandala Des Boddhisattvas

Traduction en français : Ly thi Minh Nguyet

**A**utefois, en Chine, dans une grande pagode vivait un moine réputé d'être fou. Il ne restait presque jamais à la pagode, mais errait partout, portant des vêtements en lambeaux, il se traînait dans des cafés, des cabarets, fréquentait des voyous, des malfaiteurs, des toxicomanes. Pourtant, la plupart de ceux qu'il fréquentait s'amélioraient en conduite, se réformaient et devenaient de braves gens honnêtes, prêts à voler au secours des autres.

Souvent, ils se rassemblaient à la place du marché pour aider les personnes âgées, les femmes enceintes, les enfants à porter leurs lourdes charges. Puis après avoir accompli ces tâches bienveillantes, ils se regroupaient pour réviser les bons conseils de leur maître qui n'était autre que le moine fou. Chaque fois qu'ils recevaient de la bonne nourriture, ils la gardaient pour faire offrande à leur bon et affectueux maître dont ils

voyaient rarement la silhouette et qui revenait souvent chancelant à la ville. Où était-il allé ? En réalité, l'endroit où il se rendait souvent pour planter la bonne semence (la bonne cause), c'était un village de pêcheurs au bord de l'océan. Il s'y installait la plupart de son temps, rentrait seulement à la pagode lors des grandes cérémonies.

Les moines résidant à la pagode étaient très choqués devant l'apparence physique de ce moine fou, qui, ce faisant, disaient-ils, avait fait perdre toute la dignité d'un moine, d'autant plus qu'il ne mangeait pas végétarien selon les préceptes du Bouddhisme. D'habitude, il était sobre, se contentant de maigres repas. Mais chaque fois qu'il rentrait à la pagode le matin, le soir on voyait arriver « ses fidèles bouddhistes » qui revenaient de l'océan apportant des paniers de poissons, de crabes, de langoustes, toutes sortes de nourritures exquis afin de lui faire offrandes. Le moine fou criait fortement :

- « Que vous êtes imbéciles ! Je ne mange pas tout ça ! La prochaine fois, apportez-moi seulement un poisson, ce sera suffisant ».

Ce qui fut étrange, c'était que malgré son apparence grossière, les pêcheurs lui témoignaient beaucoup de respect ; se frottant les mains, ils lui disaient :

- « C'est pour que vous puissiez les offrir à tous les moines de la pagode ... Nous pensons que vous devriez être très nombreux ».

- « Que vous êtes bêtes ! Les moines n'acceptent pas ce genre de nourriture, excepté moi, est-ce que vous comprenez ? Bon, rentrez chez vous ! »

Absolument soumis, ensemble ils rentraient, ravis d'avoir fait offrandes à leur Maître de quelques poissons et de l'avoir rencontré. A l'heure du repas, il s'installait à table ensemble avec les autres moines, apportant aussi son poisson de mer fraîchement cuit à l'eau. Les moines de la pagode, ne supportant pas l'odeur de poisson, s'enfuyaient en emportant leur bol et évitaient de s'asseoir à côté de lui. Il souriait calmement, se servait du poisson trempé dans la sauce de soja et terminait son repas.

Seul le Vénérable Supérieur semblait le comprendre et l'appréciait. C'est pourquoi, personne n'osait discuter, ni commenter devant son comportement excentrique. Comme il ne rentrait que rarement à la pagode, à ces occasions,

le Vénérable Supérieur s'installait à la même table que ses disciples. C'était une marque d'affection évidente chez le grand Maître. Le Vénérable Supérieur se réjouissait clairement en sa présence. Il semblait qu'il y avait une entente parfaite entre le Maître et son disciple. Le Vénérable Supérieur semblait ne pas remarquer cette odeur nauséabonde du poisson que son disciple était en train de manger, alors que lui, il mangeait des légumes cuits à l'eau.

Parfois, durant le repas, il arriva au moine fou de lâcher un vent ; alors, il se leva tranquillement, indifféremment et se prosterna trois fois devant tout le monde en guise d'excuses puis retourna à sa place et continua son repas. Certains, ne pouvant se retenir, ricanaient discrètement. Alors, en se roulant des yeux, il les réprimanda :

- « Que vous êtes bêtes ! Je me suis déjà prosterné pour me faire pardonner et vous continuez encore à rire. Il ne faut pas rire à table, surtout devant notre Maître. »

Puis, durant un temps assez long, il ne retournait pas à la pagode. Un soir, les moines de la pagode le voyaient rentrer. D'une démarche titubante, il montait la colline menant à la pagode, l'air absolument sérieux, complètement différent des autres fois. Ils venaient tous le saluer :

- « Pourquoi aujourd'hui, avez-vous cet air si sérieux ? »

- « Demain c'est l'anniversaire de la mort des Patriarches, je rentre pour faire mes adieux à mon Maître. »

- « Pour aller où ? »

- « Pour rejoindre Nos Patriarches. »

Tout le monde éclata de rire, ne croyant nullement à ses paroles. Mais le lendemain, vers midi, après avoir pris un bain, il se rendit dans la salle de Méditation, se prosterna trois fois devant le Vénérable Supérieur en guise d'adieu, puis s'adressant aux moines il dit :

- « Faites sonner la cloche et battez le tambour de la Sagesse, car les Trois Saints de la Terre Pur de l'Ouest vont venir me chercher. »

Ne croyant pas entièrement à ces paroles, mais, jetant un regard devant la pagode, ils virent venir en foule les pêcheurs de tout le village pour accompagner leur Maître à la Terre Pur de l'Ouest. Un parfum étrange se dégagait et embaumait toute l'atmosphère et dans l'espace apparurent trois courants de lumière éclatante des Trois Saints de la Terre Pur de l'Ouest (Bouddha Amitaba,

Bodhisattva Avalokitecvara et Bodhisattva Mahasthama) qui étaient venus pour chercher leur cher enfant car celui-ci a terminé sa mission de libération et de sauvetage des êtres vivants.

Trois roulements de cloche et de tambour retentirent pendant que le Moine fou s'asseyait calmement en position de lotus. Les moines de la pagode, en larmes, s'agenouillèrent et se prosternèrent en guise de remords devant une personne qu'ils avaient méprisée et dont ils n'avaient jamais compris l'origine. Après son décès, ils demandèrent au Vénérable Supérieur :

- « Vénérable Supérieur, en vérité, notre frère-condisciple avait pratiqué l'inexplicable et indiscutable Esotérisme. Pourquoi avoir pratiqué ainsi ? Pourquoi ne pratiquait-il pas normalement comme tout le monde ? Pourquoi agissait-il de cette façon ? »

- « Pour réformer et sauver les criminels, les brigands. Grâce à lui, tous les pêcheurs du village ont pris refuge auprès du Bouddha, la plupart d'entre eux ont quitté complètement leur mauvaise profession. Par conséquent, vous ne devriez pas juger les gens sur leur apparence. D'ailleurs, Bouddha nous a enseigné : "Ne vous attachez pas à la forme, vous verrez Bouddha", reprenez bien cela. »

*« La fleur s'épanouit puis se fane,  
C'est la loi de ce monde mortel.*

*Le chemin de la Voie bien accompli,  
Mène à la Félicité.*

*Soyez présent quand on a besoin de vous,  
Ainsi, au milieu de ce monde Saha,  
Se trouve le Nirvana ».*

## **Pourquoi je suis devenu Bouddhiste ? Témoignage d'un étudiant du Dharma**



MAGNEE J.

**J**e suis actuellement âgé de quarante six ans et j'ai pris refuge dans les trois joyaux en 1995.

Dans mon enfance, et plus particulièrement dans mon adolescence, j'ai toujours ressenti une attirance très prononcée pour les images et autres représentations du Bouddha et de la sérénité qui s'en dégagent, ceci bien qu'habitant un milieu rural en Belgique où elles se révélaient rares.



A l'âge de dix huit ans, ne connaissant aucune structure d'enseignement du Bouddhisme dans le pays, je m'attachais à sa découverte au travers de lectures disponibles à l'époque.

Pratiquant d'arts martiaux chinois externes et me destinant à devenir enseignant de ces disciplines, j'ai fait par la suite de nombreux séjours en Chine. Ils m'apportèrent mes premiers contacts avec des moines Bouddhistes qui accrurent encore ma volonté de pratiquer le Dharma.

Comme en Kung-fu, j'entamais le travail décrit par le Dharma sur moi-même.

A savoir : m'entraîner constamment afin de vaincre les états d'esprit négatifs exprimant l'attachement, la colère, la haine ou l'illusion afin de développer des états d'esprit positifs, basés sur la compassion et l'altruisme.

Je réalisais aussi le poids de « l'ignorance » c'est-à-dire des « vues erronées » de nos constructions mentales, d'opinions ou idées déformant la perception de la réalité.

Dans ce cadre, je considérais le Bouddhisme comme une médecine s'attaquant à la souffrance humaine de l'ignorance, c'est-à-dire à vivre dans l'illusion et dans l'incapacité de voir les choses et les êtres comme ils sont : dépourvus d'existence en soi car interdépendants et impermanents.

Je réalisais pleinement que la course à l'acquisition de biens matériels ne conduirait qu'à la souffrance. « Souffrir parce que toujours en quête de conserver ou d'accroître ce que l'on possède, ou encore souffrir de désirer ce que l'on ne possède pas ».

Et pourtant, lors de notre dernier souffle, nous devons laisser tous ces biens ainsi, que nos êtres chers...

Et encore notre situation sociale...

Quant à la gloire ou aux honneurs, le champion d'aujourd'hui n'est-il pas déjà l'ex champion de demain ?

Notre « je » est donc bien temporaire pour ne pas dire éphémère. Il est constitué de liquides et de solides, donc d'une combinaison de l'inter relation de plusieurs composants. Il est indispensable de boire, de manger, de respirer pour vivre... Tout est inter relation avec ces éléments et autrui, il s'avère facilement constatable que la nature propre est inexistante. Je ne suis toujours, après toutes ces années, qu'un étudiant du Dharma.

Ce travail sur soi-même exige de la détermination. Méditer c'est apprendre à gérer l'esprit agité

**Phật pháp/Bouddhadharma 26**

comparable à un torrent que nous devons guider dans une pacification mentale telle la rivière calme qui ensuite se jettera dans la profondeur de l'océan de la connaissance.

Il y aurait certes encore beaucoup à dire, mais mon but ne réside pas dans cette optique au travers de ces quelques lignes.

Je suis végétarien depuis onze ans, j'ai fondé une importante association de Kung-fu qui me permet d'entretenir un relationnel permanent avec des êtres de plusieurs nations, de toutes couches sociales. Ce fait me permet de mieux encore appliquer l'enseignement du Dharma.

Non pas en imposant ou en influençant qui que ce soit, mais en expliquant en fonction de l'entendement et de la compréhension de chacun et chacune, comment, nous les Bouddhistes, pouvons apporter notre contribution à la société humaine et à toutes les espèces vivantes. Des semences d'aujourd'hui naîtront les fleurs de demain.

Je tiens à remercier et à rendre hommage à la Vénérable Nguyen Thi Lan de la pagode d'Anderlecht (Bruxelles) qui, par son exemple, m'a montré le chemin de la délivrance. Aux Vénérables Lama Karta et lama Zeupa de l'institut Yeuten-Ling de Huy avec qui j'ai effectué de nombreux séminaires et reçu de nombreux enseignements. Au Vénérable Thich Minh Dinh pour son formidable travail au travers de la rédaction de la revue « Bouddhadharma » se révélant un véritable pont entre occidentaux et orientaux.

## **UNE PROSTERNATION**

### **TOUS LES TROIS PAS**

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

**De San Francisco à Garberville**

**Le 16 octobre 1973. Jour de départ. Hăng-Cu écrit :**

Ce matin, à la pagode Kim-Son, tout le monde nous a accompagnés jusqu'au petit jardin public situé près du pont Golden Gate, l'endroit où j'avais abandonné mon projet auparavant. Ne perdant pas une minute, je commençai à me prosterner dans la direction du Nord, Hăng-Do

me suivit, portant un sac plein de matériels. A ce moment, autour de nous, des moines et des fidèles pratiquants, environ une vingtaine de personnes, récitaient sans interruption le Mantra de la Grand Compassion composé de 415 caractères.

Ayant dépassé deux rues, toujours en pratiquant une prosternation tous les trois pas, je m'apprêtais à traverser la grande avenue devant Marina, quand arriva soudain un convoi de sapeurs pompiers qui s'arrêta pile devant nous. Un peu surpris, car nous ne savions pas ce qu'ils voulaient faire, mais peut-être eux aussi se demandaient ce que nous faisons. La grande avenue était très fréquentée par les voitures donc très difficile à traverser en pratiquant une prosternation tous les



Hằng Cự và Hằng Do đã lạy trên đường phố

trois pas, c'est pourquoi, je me prosternais tout en restant sur place. A un moment, de crainte que cette attitude suscitât la curiosité des passants, je décidai de me relever, de marcher normalement en traversant l'avenue, puis de reprendre les prosternations une fois arrivé à l'autre côté. Les sapeurs pompiers ne partirent que lorsque nous nous approchions du pont, nous laissant seuls continuer notre itinéraire. Bhiksu Hằng-Do, le sac de voyage sur le dos, me devançait de quelques centaines de mètres, se prosternait sur place en m'attendant, puis à mon passage, il remit le sac sur son dos, s'avança puis se prosterna ...

Arrivés sur le pont Golden Gate, survint un premier obstacle. Le gardien du pont dit que si nous continuions à faire « ainsi » en traversant le pont, il nous chasserait tout de suite.

Il insista : « Ou bien, vous marchez normalement, ou bien vous ne traversez pas le pont. »

Puis, il continua : « Mais qu'est-ce que c'est que cela ? Qu'est-ce que vous comptez faire ? » Voyant bien qu'il voulait chercher des histoires, je lui dis : « Laissez-nous réfléchir un moment. »

A ces paroles, il se sentait troublé, mal à l'aise et ne disait plus rien. Nous nous prosternions sur place un moment, puis voyant qu'il n'y avait rien à faire, nous avons décidé de traverser le pont « comme des gens normaux ». Arrivés à l'autre côté du pont, dans le quartier Marin, nous continuions à nous prosterner, ce faisant, je me souvins des recommandations de notre

Maître le jour de notre départ :

- « Demain, en une seule prière, Hằng-Cự et Hằng-Do traverseront le pont. »

D'ici, nous avons l'intention d'aller jusqu'à la plage Stinson puis prendre l'autoroute 1. Au bout de cette autoroute, nous arriverions à la limite de la région Legget, Californie. De là, nous passerions sur l'autoroute 101 qui nous mènerait tout droit au centre de Washington, ensuite dans les territoires de Seattle. D'après la carte, il semblerait que nous n'aurions plus à prendre de grandes avenues.

Après avoir traversé le pont Golden Gate, nous dressons notre tente sous les arbres près du quartier Sausalito. (à suivre)

**Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp**  
**Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa Chỉ / Adresse : .....

Điện Thoại / Téléphone : .....

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ : .....

Votre don : .....

La suite

## LE ROI ET L'ESPRIT DE L'ARBRE

A l'âge de cinq ans Bouddha donnait déjà son enseignement à tout être vivant qui l'intéressait. Pendant quarante cinq ans, il parcourait l'Inde en apportant aux gens la paix de l'esprit. Parfois, quand il voulait enseigner aux gens l'amour ou la tendresse, il leur racontait des histoires satisfaisant leur imagination. Voici une des histoires qu'il racontait.

Dans le passé très très lointain existait un roi orgueilleux. Il voulait se faire construire un très grand palais, il disait à ses ministres : "Pour la construction de mon palais, allez dans la forêt cherchez et ramenez-moi le plus grand arbre de la forêt."

Obéissant aux ordres du roi les ministres rendirent dans la forêt et trouvèrent l'arbre en question au fond de la forêt. Il était magnifique, entouré de plusieurs autres petits arbres. Toute de suite, ils retournèrent au palais et informèrent le roi : "Votre Majesté, nous avons trouvé l'arbre que vous vouliez. Demain nous retournerons au bois pour l'abattre."

Très heureux de cette nouvelle, le roi allait dormir. Cette nuit-là, il faisait un rêve très étrange. Il rêvait qu'un esprit, qui vivait dans ce grand arbre, apparut devant lui. "Oh Roi." Dit-il. "S'il vous plaît, ne détruisez pas la maison où je vis. Si vous le faites, chaque coup me blessera et j'en mourrai."

Mais le roi répondit : "Vous êtes le plus bel arbre dans toute la forêt. Je dois l'utiliser pour mon palais."

L'esprit plaidait, mais le roi était très obstiné et voulait absolument l'abattre. Finalement, l'esprit de l'arbre lui dit : "D'accord, vous pouvez le couper. Mais, s'il vous plaît, faites comme ceci. Ne le coupez pas en bas comme les gens ont toujours fait. Au contraire dites à vos hommes de grimper sur la cime de l'arbre et de le couper branche par branche. D'abord dites leur de découper une branche, puis une autre, jusqu'à ce que l'arbre entier soit coupé."

Le roi en fut très surpris il dit : "Mais si je dis à mes hommes de faire comme vous dites et de découper votre arbre en plusieurs fois, cela vous causera beaucoup plus de douleur que s'ils le coupent juste une fois en bas."

L'esprit répondit : "Oui, c'est vrai. Mais ce serait mieux pour les autres créatures, je m'explique. Vous voyez, mon arbre est très grand. S'il tombait en une fois, il écraserait les autres arbres plus petits qui poussent autour de lui et écraserait et tuerait d'innombrables petits animaux. Plusieurs oiseaux et insectes perdront leur maison et beaucoup de petits arbres seront détruits. Mais si vous le découpez tronçon par tronçon, il ne causerait pas autant de dommages."

Le Roi se réveilla. Il se dit : "Cet esprit se serait laissé lui-même découper cent fois afin que les petits animaux de la forêt ne souffriraient pas. Comme il est brave et généreux ! Et comme je suis égoïste pour avoir pensé à mon propre plaisir et mon orgueil. Au lieu de l'abattre, je devrais l'honorer ! Ce rêve m'a appris que je devrais être aussi aimable et gentil envers tout le monde."

Et le Roi allait dans la forêt le lendemain et décorait l'arbre. A partir de ce jour, il était devenu un brave souverain.

(à suivre)



Chùa/Pagode Kim Quang  
8 B rue Fontaine  
93000 Bobigny-France  
Tel./Fax : 01.48.50.98.66  
tel. : 08.70.63.45.27  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
<http://chuakimquang.com>



**ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN SẼ ĐƯỢC TỔ  
CHỨC TẠI CHÙA KIM QUANG  
VÀO NGÀY 7/05/2006, TỨC  
NHÀM NGÀY 10/04 BÌNH TUẤT.**

*La grande Fête de Vesak  
organigera le 7/05/2006  
à la Pagode Kim Quang.*

*1 thước đất Già lam 300 Âu kim (cả  
đất lẫn Chùa). Được sự ủng hộ của tất  
cả Quý Vị, ngôi Chùa Kim Quang mới  
sớm được thành tựu.*